

ĐP 85

VN 134



THỜI
TÙ NÚI RỪNG
BATO

JNB

IN HỒA VÀ THÔNG TIN NGHĨA BINH 1975

Thư viện

TU NÚI RỪNG BÀ TƯ

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN
TỈNH NGHỆ AN

Thư viện

295. 922. 189/85
T 550 IX

TỪ NÚI RỪNG BA TỖ

Thơ văn
nhiều tác giả



SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN NGHĨA BÌNH
1985

Lời đầu sách

Ba Tư -- cái tên gọi ấy từ lâu đã được liệt vào danh sách những tên gọi biểu trưng cho thời kỳ lên cao của mạng Thống Tâm, bên cạnh Nam Kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương .., như một sự kiện lịch sử lớn trên con đường giành độc lập của đất nước. Vào đêm 11 tháng 3 năm 1945, tại một thung lũng xa xôi, núi vây bọc bốn bề, thông tin liên lạc với bên ngoài hầu như hoàn toàn bị cắt đứt, không được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, vậy mà những người chiến sĩ bị vây ở nơi đây đã lãnh đạo quần chúng, chỉ có gạo nếp, nổi dậy chiếm được đồn giặc, lập được chính quyền và xây dựng đội du kích để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa toàn phần vào mùa Thu năm ấy. Vì sao cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi như vậy? Chúng tôi xin dành cho bạn đọc sự giải đáp. Có điều chúng tôi xin nhắc nhở bạn đọc ý kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng kính mến của chúng ta: đối với nhân dân ta, Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội gặp nhau đẹp đẽ như cùng hẹn trước.

Đối với nhân dân Nghĩa Bình chúng ta, Ba Tư cùng với những địa danh như Cao Muôn, Sông Liêng, Giã Vọt, Trường An... đã trở nên những tên gọi tự hào của quê hương. Nó là đốm lửa mà từ đó bùng lên những đám cháy lớn cũng đã được ghi vào những trang sử vẻ vang của dân tộc, đó là Từ Lộc Từ Lộc, là Trê Bông, là Ba Già, Vạn Tường, là Đèo Nhông, An Lão... làm rạng rỡ thêm truyền thống yêu nước chống xâm lược của quê hương.

Năm tháng đã trôi qua, nhưng cái đốm lửa đầu tiên ấy dường như không bao giờ tắt trong lòng của mỗi người. Một anh bộ đội người Ke trở về làng cũ tình cờ gặp cô gái làng hỡi đã nuôi mẹ mình trong hoàn cảnh chống gai nhất của cuộc đời bởi sự tàn ác của Mỹ Diêm, cái chóc lất gặp gỡ thế ngẫu nhiên ấy sao mà đẹp đến vậy cảm động đến vậy. Trận đánh ác liệt năm 72 như còn sống trong mỗi người, trong kẻ ở và người về. Một chiến sĩ Ba Tư năm xưa sau chiến tranh trở về làng cũ của mình, mặc dù thời gian đã nhuộm bạc mái đầu, vẫn cùng dân làng dọn những viên gạch vụn và không thôi góp

phần xây dựng quê hương cho đến phút giây nhón mắt, như dòng sông nhỏ suốt đời vẫn lặng thầm tải phù sa và vẫn mang trong mình tiếng vọng từ phía thượng nguồn... Những sự việc, những con người rất thực ấy vẫn không ngừng thôi thúc chúng ta đi về phía trước theo tiếng gọi của Đảng.

Và nay, chúng ta luôn tiến về phía trước nhờ sức mạnh tiềm tàng từ phía sau. Quả khứ phải là một sức đẩy cho hiện tại tiến nhanh tới một tương lai tươi đẹp.

Xuất bản tập sách này nhân kỷ niệm 40 năm Ba Tư khởi nghĩa, chúng tôi không nhằm ngoài mục đích kèm lỏn là giúp bạn đọc hiểu thêm về một quá khứ rất đẹp, rất sống của thế hệ trước, làm niềm tin vững chắc cho thế hệ đương thời và con cháu của chúng ta mai sau. Chính bởi vậy, phần đầu của tập sách sẽ dành cho những lời tựa biểu lộ tình cảm, ý chí của những người chiến sĩ năm xưa bị thực dân lưu đày ở camp an trí Ba Tư và cũng là những người đã lãnh đạo và tổ chức cuộc khởi nghĩa, và đặc biệt là những trang hồi ký ghi lại lý mý những tiền trình của cuộc khởi nghĩa ấy. Phần thứ hai của tập sách sẽ giúp bạn đọc hiểu thêm một số nét đời mới, những sức cảm của thế hệ sau như là một kết quả rất đẹp mà cuộc khởi nghĩa thuở xưa để lại, trước cái mảnh đất năm nào là núi rừng xa xôi heo hút và là nơi giam lỏng những chiến sĩ cách mạng lương thiện. Nói cách khác, nó là một bằng chứng để soi sáng thêm ý nghĩa của những hy sinh xương máu mà những chiến sĩ và đồng bào đã đổ ra để giành lấy quyền sống cho dân tộc.

Chắc chắn tập sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, mong bạn đọc lượng thứ và đóng góp những ý kiến quý báu để chúng tôi phục vụ tốt hơn trong những lần xuất bản sau.

Quạt Nhàn, ngày 1 tháng 2 năm 1985

SỐ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN NGHĨA BÌNH

QUYẾT GIỮ TRỌN TÂM LÒNG

Một mình hai linh tới Ba Tơ
Kẻ đón người đưa sẵn đợi chờ
Mỗi lúc ra vào, quân bảo vệ,
Thường khi ngồi nghĩ, lênà canh gác
Uống ăn, thừe ngủ theo giờ giấc
Lâm lụng, lại qua chẳng lững lờ
Cảnh ấy, tình này, con thú thách
Quyết cùng giữ trọn tấm lòng thơ.

Lao - Ba Tơ, 1968

(*) Tác giả sinh năm 1938 tại Hành Phước, Nghĩa Hành. Tham gia phong trào yêu nước từ năm 1966. Vào Đảng năm 1980. Làm bí thư huyện ủy Nghĩa Hành, dự bị B: thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Giữ vai trò chủ chốt trong tổ chức của tỉnh Đảng bộ cho tới Cách mạng Tháng Tám. Về sau là Ủy viên Chủ tịch đoàn Mặt trận Tổ quốc và Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Mất năm 1972.

SỨC VẤY VÙNG

*Giấc mộng đêm đông quá lạnh lùng
Tỉnh ra mới biết cảnh lao lung
Đôi bờ cửa đóng bao mù mịt
Từ phía tường che kín bịt hàng
Cao thấp giọng gà nghe văng vẳng
Vo ve đàn muỗi cắn lung tung
Ai về nhân nhủ người trí kỷ
Gian khổ càng thêm sức vấy vùng.*

Lao Ba To. 1944

(*) Tác giả sinh năm 1911 tại Tĩnh Bà, Sơn Tĩnh. Tham gia cách mạng từ năm 1930. Bí thư tỉnh ủy Quảng Ngãi năm 1939. Sau khởi nghĩa Ba To, làm Thường vụ Tỉnh ủy, tổng chỉ huy đội du kích. Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Bí thư Liên khu ủy kiêm Tư lệnh quân đội Liên khu V, Ủy viên Trung ương Đảng... Mất năm 1957.

Bài thơ trên do tác giả từ cương vị trí Ba To gửi về cho vợ và các đồng chí đang hoạt động ở quê nhà.

LÒNG SÔI NÓNG (••)

Em đến thăm anh trước cảnh lù
Tay anh xiềng lại, mặt anh tươi.
Anh đang bước đến « trường » tra tấn
Anh vẫn chào em một nụ cười.

Em bước theo anh nóng cả lòng
Anh rằng « Tôi vẫn trắng và trong »,
Tim em hồi hộp trào cảm giận
Một trận mưa rơi, đánh đập đến

Anh thét lên khôn nuốt hận thù
Cảm hơn càng nghĩ, nghĩ càng sâu.
Chúng ta đâu phải thân cầm thú
Đâu phải là thân kiếp ngựa trâu ?

*Nuốt hận, em quay bước trở về,
Phong trần càng nén, nén càng tê.
Lửa lòng bốc cháy, lòng sôi nóng,
Em quyết cùng anh vững bước đi!*

Quảng Ngãi, 1930

(*) Tác giả quê Tịnh Minh, Sơn Tịnh. Tham gia cách mạng từ năm 17 tuổi, trong cao trào cách mạng 30-31. Là vợ của đồng chí Nguyễn Chánh, một trong những người lãnh đạo xuất sắc cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Đấu tranh rất kiên cường trong nhà tù đế quốc. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, là tỉnh ủy viên Quảng Ngãi, Thường vụ Hội phụ nữ Liên khu V. Sau đó, là Ủy viên Thường trực Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

(**) Bài thơ này tác giả viết sau khi vào nhà lao Quảng Ngãi thăm chồng. Lúc chị đến là lúc địch đẩy anh lên phòng hỏi cung. Thấy chị đi theo, đồng chí Nguyễn Chánh nói to: «Tôi vẫn trắng và trong», ý nói với chị biết là anh không khai báo gì. Khi trở về, chị làm bài thơ này.

TUỔI XUÂN ĐI CỨU NƯỚC

Trời đẹp lắm, mùa xuân đang giục giã
 Lòng trai trẻ rộn rã muốn ra đi,
 Ừ thì ừ! Nào có ngại ngần gì,
 Nếu sống nổi nơi quê nhà eo hẹp
 Lòng ta mở, cửa trời đâu có khép,
 Chết ta bền, cùng tiến bạn đời ơi!
 Sáng hôm nay tôi nhớ một phương trời
 Có máu chảy với bom rơi, đạn nổ!
 Từng đoàn quân, từng đoàn quân hung hờ,
 Bắn mình qua cõi chết, chông nao nung
 Lớp này qua, lớp khác liền đều lên,
 Nhịp liêng cõi hiển ngang rầm rập bước
 Hương theo lá cờ uy nghi bay phía trước,
 Lá cờ bay, hồn nước cũng bay theo;
 Bánh xe lăn, ngựa hí, đạn bay vèo,
 Họ vẫn tiến, coi thân bằng hạt bụi.
 Với tất cả những chi hùng sỏi sỏi,
 Tôi nghiêng mình cảm phục các người đây!
 Người là ai trên cõi thế gian này
 Nếu không phải những anh hùng cứu nước!
 Tôi xin theo, tôi xin theo tiếp bước,
 Các đàn anh hùng đứng nước non nhà!
 Tôi nguyện đem xương máu trộn hòa

Vội tắt cả, dễ dạn xây nên độc lập!
Vi đường trước nước nhà đang nguy ngập,
Còn nằm mơ than vãn nữa mà chi?
Quyết chung tay quét sạch quân thù đi,
Trời nước Việt phải trở về người Việt!
Trước thất bại tôi cứ hằng mãi miết.
Hem tài trai đổi lấy sự thành công!
Tay nắm chặt tay, lòng thấu hiểu lòng,
Ôi, phải sống với tinh thần quyết tử!
Chân dầu ngã, lòng ta không hề ngã!
Đầu này rơi, đầu khác mọc lên thay!
Mau lên thôi, cơ hội đã kề tay
Giờ không thặng, đến bao giờ mới thặng?
Đường dù dài, đi hoài rồi phải ngắn
Hãy cùng nhau đứng dậy, bạn thanh niên!

Quảng Ngãi, 1943

(*) Tác giả sinh năm 1904 tại Bình Dương, Bình Sơn. Hoạt động cách mạng từ năm 1925, làm liên lạc cho Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi, được bầu vào Tỉnh ủy và Liên tỉnh ủy Nam Trung Kỳ. Năm 1942 bị địch bắt đưa về giam an trí Ba Tư, cùng đồng chí Nguyễn Đôn bị mật lập Chi bộ Đảng tại đây. Bị địch bắt tra tấn đến chết vẫn nêu cao khí tiết. Bài thơ trên tác giả làm đề kêu gọi thanh niên tham gia vào hàng ngũ Việt Minh.

CHẶN VỊT

Đã quyết ra tay chuyển cuộc đời
Thế này mới thú hời em ơi
Sớm khuya chăm sóc đàn con đại
Mưa nắng xông pha chiếc nón cời
Nay gánh tang bồng còn phải nặng
Mai cờ chỉ đạo dễ như chơi
Ngày kia cất ngọn trường thương vẫy
Vui cả anh em đẹp đất trời

Ba To, 1943

(1-) Tác giả sinh năm 1906, tại Tĩnh Minh, Sơn Tĩnh. Hoạt động cách mạng từ thời thanh niên. Năm 1930, chỉ huy cuộc biểu tình đầu tiên ở miền đông Sơn Tĩnh, bị địch bắt cầm tù và bị đày. Tham gia khởi nghĩa Ba To. Bài thơ trên lấy đề tài từ chuyện anh em ở cùng an trí Ba To nuôi vịt để sinh sống và làm vốn hoạt động cách mạng.

TỰ ĐỨNG LÊN

*Trời thanh thanh
Nước xanh xanh
Trên rừng bầy chim bay
Dưới suối đàn cá chạy
Ôi cái cảnh trong lành xiết bao
Nhưng cuộc thế có sao vẫn đục?
Bồi cường quyền áp bức dần đen
Hỡi người nô lệ vùng lên
Phá tan xiềng xích dựng nên cơ đồ.*

Lao Ba Tư

(+) Tác giả sinh năm 1888 tại Đức Phong, Mỹ Đức. Tham gia hoạt động liên tục trong các phong trào yêu nước từ năm 1905 đến ngày Đảng ra đời. Năm 1930, được kết nạp vào Đảng, làm bí thư huyện Ba Tư. Cách mạng Tháng Tám thành công, làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng tổng Ca Đức, mất năm 1958.

CỜ GIẢI PHÓNG (••)

Mười mấy năm trời cách Ba Tư
Cánh cũ trao xưa vẫn chưa mờ ;
Khó nghèo, khí vất «cao muốn» trượng (1)
Trống rung cờ phất dậy cõi bờ.
Đêm Ba Mười Tết, rền tay pháo, (2)
Sáng buổi đầu xuân rộn rộc mơ.
Tôi chạy tung tăng chuyển các ngõ,
Chúc mừng năm mới, đón tự do!

Tự do, bỗng chốc đã phai phôi
Nhà tan, cửa tận, sống nổi trôi.
Cha mắc lao tù, con biệt xứ,
Đi tìm lẽ sống chốn xa xôi.
Đời còn áp bức, thân nô lệ
Việt Nam đâu cũng một đất trời.
Thôi đành trở lại cùng cha chú,
Góp với quê hương chuyển cuộc đời!

Cuộc đời đến lúc đời thay da.
Việt Minh, Cứu quốc rộn tin nhà.
Ngọn trào gât phóng bùng cả nước.
Diệt quân phát-xít, diệt Lang-sa (3)
Rộn rảng với bước theo đường cũ,
Tôi giữa đèo Lâm lúc xế tà (4)
Nhìn tại núi sông thời thơ ấu,
Chạnh lòng nhớ lời chuyện gần xa.

Gần xa, chuyện cũ đã qua rồi,
Tìm gặp người quen hỏi khúc nói.
Thì thăm trò chuyện bên dòng suối:
Rằng « Chỉ làm ăn có vậy thôi. »
Mỉm cười, tôi nói: « Đâu an trí? »
Anh rằng: « Chưa hẳn chỉ cù khôi! »
Tôi nói: « Về đây chung sức trẻ,
Với tấm lòng trung, dạ nổi sôi! »

Nổi sôi, anh ấy gạt đầu,
Hồng tình dễ cảm lấm lòng nhau
Về đi, sẽ có người đưa mỗi,
Giữ vững niềm tin, bắc nhịp cầu.
Tuyên truyền, tổ chức, gây cơ sở,
Vững mạnh là nhờ chỗ rộng sâu.
Lá cờ Tổ quốc cao tay phất.
Hòa cùng tiếng hét của năm châu.

Lòng tôi rộn rã những niềm vui
Mỗi bước chân đi, một lớp người.
Cơ sở giảng ra, đều các xóm
Vời cánh đồng xa, dưới trăng khuya.
Bàn luận râm rạn, xoay thế cuộc,
Chương trình điều lệ với phân chia
Giơm giáo sẵn sàng chờ nổi dậy,
Việt Nam độc lập đến rồi kìa!

Bà Tô, xuân 1944

(*) Tác giả sinh năm 1917 tại Đức Phong, Mộ Đức, Thuận
giã cách mạng từ năm 1930 (làm liên lạc), vào Đoàn Thanh
niên Dân chủ năm 1936. Năm 1939 vào hoạt động ở Bán Cờ,
Khánh Hội (Sài Gòn). Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, về hoạt động
Việt Minh bí mật ở quê nhà cho tới Tổng khởi nghĩa và công
tác liên tục cho đến nay.

(**) Thời thơ ấu tác giả sống với gia đình tại trại cây
Bãi Rì, bên dòng sông Ba Tô. Làm liên lạc cho Đảng, tham
gia cuộc biểu tình lớn ở vùng này, giành quyền tự do suốt
hơn 10 ngày, từ 28 tháng Chạp Canh Ngọ đến tết Tân Mùi
(15-2 đến 25-2-1931). Sau đó, cả xóm Bãi Rì đều tan nát, điều
tàn ly tàn hết, trong đó có gia đình tác giả. Giờ đây tác giả
trở về tìm cách bắt liên lạc với tổ chức cách mạng tại cũng
nơi trỉ Ba Tô.

(1) Cao Miên là tên một ngọn núi ở Ba Tô.

(2) Chỉ cuộc nổi dậy (xem chú thích trên)

(3) Lang-sa: tức giáo Pháp.

(4) Đèo Lâm: cách huyện lỵ Ba Tô chừng 5 cây số về
hướng tây.



TỪ NÚI RỪNG BA TỖ

Hồi ký
Lương Sĩ Cầm ghi

CHƯƠNG I

Ở CẢNG AN TRÍ

Một buổi sáng giữa năm 1913, tôi mãn hạn tù ở Ban Mộ Thuật. Được cho lĩnh áp giải tôi về nhà lao Quảng Ngãi. Được bốn ngày thì có hai tên lính dẫn tôi lên ô-tô. Xe chạy vào đến Mộ Đức, bỗng rẽ ngoặt về phía tây. Tên lính áp giải bấy giờ mới nói:

— Quan trên đem anh lên huyện Ba Tờ an trí.

Thì ra, ngoài mấy cãng Trà Kê ở Phú Yên, Ly Hy, Phú Bài ở Huế mà tôi biết, dịch lại mới lập thêm một cãng an trí ở ngay tỉnh nhà. Tôi chưa hề đặt chân đến Ba Tờ, nhưng hồi trước đã nghe nói Quảng Ngãi có bốn huyện miền núi là Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long và Ba Tờ. Mười hai năm về trước, mang cái án tử hình, sau giảm xuống chung thân, tôi không tưởng không bao giờ được thấy quê nhà nữa. Nhưng nhờ có phong trào quần chúng đấu tranh do Đảng lãnh đạo trong thời kỳ Mặt trận bình dân, bọn đế quốc đã phải dần

dẫn bọn tù chính trị. Dẫn ra tù không được về thăm quê quán, lại sắp đến một vùng núi xa lạ nhưng lòng tôi vẫn dạt dào phấn khởi trước sức mạnh thắng lợi của phong trào chung buộc kẻ địch không thể tùy ý bắn giết, tù dày các chiến sĩ cách mạng.

Đường lên Ba Tơ quanh co gấp ghe như Cảnh vật núi rừng tay xa lạ nhưng lòng tôi cảm thấy như quen. Nghe nói ở Ba Tơ có nhiều đồng bào Kinh và Thượng ở xen nhau. Tôi nghĩ ở đâu có dân thì ở đó có đất để hoạt động cách mạng. Ngồi trên xe, tự nhiên tôi muốn chóng đến nơi. Nhớ lại lúc chia tay các bạn tù thân thiết, như các anh Giao, Hải, Quán, Thích, những đồng chí bao nhiêu năm cùng bị cảnh giam cầm, khi lao động khổ sai cực nhọc, khi sinh tử đấu tranh đều có nhau, tôi càng thấy trách nhiệm của mình phải tranh thủ hoàn cảnh mới mà ra sức hoạt động gấp hai gấp ba lần mới xứng đáng. Lời dặn dò của các anh: «Ở trong tù, được học quân sự, chính trị đã nhiều, ra tù cố gắng mà hành» còn văng vẳng bên tai tôi. Tôi tự coi mình như con chim sỏ lông nhưng không phải thoát ra để bay như nhỡ mà sẽ lao vào cơn bão táp cách mạng, bay theo tiếng gọi của cao trào cứu nước đang cuộn cuộn dâng lên khắp nơi.

Xe chạy lên khỏi đèo Đá Chát, đi xuống thung lũng Trường An, leo qua Đốc Mốc. Từ trên đốc, tôi nhìn thấy một vùng cây cối um tùm. Một tên lính áp giải chỉ tay ra phía trước, bảo tôi:

— «Cảng» an trí Ba Tơ ở đó.

Nhìn theo tay hắn, ngay trước mặt tôi có một con sông in một vệt trắng dài, quanh co, đổ vào một dòng sông lớn từ phía tây chảy về xuôi. Xe chạy qua hai chiếc cầu xi-măng - Đốc Mốc, Nước Năng - cách nhau

quãng trên năm trăm mét. Đường hai bên, cây gai mọc um tùm. Sau chòm nhà heo hút—gọi là Ba Tư—có một vườn cây gòn rộng lớn, xanh âm u. Thung lũng Ba Tư, bốn phía có núi vây quanh. Phía tây xa xa, núi cao giăng màn, bịt bấn chắn trời; ngó lên tức tối tầm mắt. Phía nam núi cao, núi thấp chạy dài triền miên. Thoạt nhìn xuống lòng chảo Ba Tư tôi có cảm giác đây là một cái nơm khổng lồ lật ngược mà mỗi đỉnh núi là một cái răng nơm. Giữa hàng rào núi nhấp nhô vây quanh Ba Tư, đỉnh Cao Muốn ở phía bắc nổi bật lên như một cây rơm to, cao trong một khu vườn chất đầy ụ rơm. Sương mù buổi chiều sa xuống thung lũng. Mây quấn vành khăn ngang đỉnh Cao Muốn, có lẽ cả ngày không lúc nào quang quẻ. Tôi nghĩ bụng: «Chà, thằng Tây định dồn mình vào cái nơm nguy hiểm khó khăn này đây. Mía mai thay thứ «tự do» của đế quốc, mànhện tù ngồi lại đến án tù giam lỏng. Nhưng so với Ban Mê Thuột, Ba Tư làm gì đèo heo hút gió bằng! Chế độ nhà tù Ban Mê Thuột ngặt nghèo là vậy mà các đồng chí ta vẫn liên lạc ra ngoài, tổ chức được các tổ công hội đồ ở Sở máy chè, máy đá... Cứ chờ xem sao đã. Về đây nhất định hoạt động dễ hơn».

Xe vẫn chạy. Ba Tư mỗi lúc một gần. Hai bên đường có xóm người Kinh, nhà thưa thớt. Xa xa, những nóc nhà sàn của đồng bào Thượng chen giữa những vườn cau mọc dày như rừng. Những thân cây cau cao, thẳng tuột, phơi màu meo trắng nổi bật giữa màu xanh thẫm của cây rừng, trông đến vui mắt. Cả một vùng chỉ có ba ngôi nhà ngói. Theo lời tên lính áp giải thì hai ngôi nhà trên đồi cao là đồn khố xanh và nhà kiểm lý (dưới xuôi gọi là huyện đường). Còn ngôi

nửa dưới xóm, nổi bật lên giữa những nhà tranh vách đất tiêu điều là cửa một người tù chính trị bỏ cách mạng sang làm ẩn, nay trở thành giàu có nhất vùng này. Từ chỗ gò đôn Ba Tơ ra bến sông có một bãi cây gòn. Con đường ô-tô đi lên Già Vut, Công Tum chạy lên đôn luh khổ xanh và nhà-kiềm lý. Hồi trước, người ta thường đồn đại về đất Ba Tơ: Lợi nước Năng, rụng hết lông châu; đất độc địa, người lên đó không chết vì thú rừng cũng chết vì bệnh sốt rét, sưng lá lách». Tôi nghĩ bụng: «Dù sao ở đây cũng có dân. Dân ở được, mình cũng ở được. Sống giữa nhân dân, khó khăn nào cũng vượt qua được».

Xe đến Ba Tơ, lính dẫn tôi đến nhà kiềm lý. Tôi kiểm lại đồ đạc mang theo, tất cả cũng chỉ gói gọn trong một chiếc khăn mặt bông. Bộ quần áo diêm bầu trắng mặc trong người, là của chị em bạn tù cho từ ngày mới bị bắt ở Quảng Ngãi. Lời căn dặn của chị em còn như văng vẳng bên tai tôi: «Anh mặc áo này mà đi Ban Mê Thuột, hãy nhớ lấy đường kim mũi chỉ của chúng tôi, nhớ để mà đấu tranh không lùi bước». Câu nói chí tình đó đã giúp tôi hăng hái đấu tranh bao nhiêu năm bị đày ải ở Ban Mê Thuột, giờ đây đối với tôi vẫn có sức động viên mạnh mẽ.

Trước khi bước vào « công đường » của tên Kiềm lý Ba Tơ, điều tôi lo lắng hơn cả là làm sao mang lọt các tài liệu bí mật qua chặng kiểm soát cuối cùng. Đó là những mảnh giấy ghi nội dung tóm tắt nghị quyết 8 của Trung ương Đảng do các đồng chí xúy viên Trần Mạnh Quý, Bùi San, Lê Chương phổ biến trong tù năm 1941. Tài liệu có phần « Mấy nét chính sách mới của Đảng », đoạn nói về việc thành lập Mặt trận Việt Minh, đường lối võ trang khởi nghĩa và xây dựng lực lượng khởi

nghĩa. Ngoài ra, còn có phân tóm tắt về chiến thuật du kích tôi đã học được trong tù, do đồng chí T.Q.L. phổ biến. Những tài liệu này đều chép tay trên giấy pơ-luya, gấp nhỏ, cuốn trong một lớp giấy bóng, phết một chất đặc biệt bên ngoài và giấu kỹ, bao nhiêu lần kẻ địch khám rất kỹ cũng chẳng tìm ra.

Tên kiểm lý Bùi Danh Nghĩa nói với tôi :

— Anh mẫu hạn tù, nhà nước cho về. Từ nay anh sống ở căng an trí này. Chế độ ở đây: việc sinh sống các anh tự lo liệu, ngày hai lần sớm tối trình diện; được đi lại trong phạm vi năm trăm mét quanh đồn, trái lệnh sẽ bị phạt nặng.

Nó chỉ nói có chừng ấy rồi xua tôi ra. Tất cả quy chế căng an trí nằm gọn trong mấy câu nó nói. Tôi thừa biết trong cái cảnh nửa tù, nửa tự này, có một mạng lưới mật thám hàng ngày theo dõi, lại có lính đồn sẵn sàng đàn áp. Nhưng tôi không bận tâm vì những việc đó mà tôi nóng lòng muốn xuống ngay để tìm gặp các anh em đến trước, xem thử có ai quen không.

Tôi đi thẳng về phía đông đồn Ba Tơ, tới nhà một bà cụ thì gặp các anh Lê Lạc, Phan Phong, Tạ Triêng đã ở đó. Nghe tôi đến, anh em an trí cũ ở rải rác trong xóm chạy đến thăm hỏi ngay. Lòng tôi mừng vô hạn. Trong số các đồng chí đến thăm có hai anh Huỳnh Tấn và Nguyễn Khâm (tức đồng chí Nguyễn Đôn). Tôi chưa gặp anh Khâm lần nào, nhưng có quen với người anh ruột của anh là Nguyễn Khiển, bí danh Chót, vốn là bạn tù từ năm 1930 — 1931. Còn anh Tấn là bạn tù hai lần năm 1931 và 1939. Cả hai lần, anh đều bị đưa lên Ban Mê Thuột. Tháng 4 năm 1942, anh ra tù rồi bị đem đi căng an trí.

Anh em gặp nhau, thôi thì đủ thứ chuyện. Người hỏi thăm tình hình nhà tù Ban Mê Thuột, kẻ muốn biết tin tức bạn bè. Anh em quan tâm tới cả những vụ trốn tù. Một đồng chí hỏi tôi:

— Mấy năm nay có đám nào thoát không?

Tôi đáp:

— Trốn ra có tổ chức như các anh Nguyễn Chí Thanh, Hồng Giá thì ra khỏi Ban Mê Thuột là có đủ giấy tờ và tiền, đi lọt. Còn trốn không có tổ chức thì khó lắm.

Thấy anh em rất chú ý đến chuyện trốn tù, tôi đoán chắc rằng ở Ba Tơ, tâm lý anh em cũng đang tính toán chuyện thoát ly khỏi cãng au trí để đi về các nơi hoạt động cho phong trào. Tôi liền kể lại hai vụ trốn gần đây: một vụ thành công, một vụ thất bại, với dụng ý để anh em rút kinh nghiệm.

Thuộc gặp gỡ đầu tiên chằm dặt bằng những câu chuyện chung chung như vậy.

Tôi đến, anh Tấn bấm tôi ra gặp riêng, nói:

Bấy lâu nay, nghe nói cậu sắp ra, mình mong chờ cả mất. Bây giờ cậu phải góp một tay vào đây.

— Anh em đến trước làm ăn đến đâu rồi, phải cho tôi biết đã chứ!

— Ra sao à? Bên ngoài thì làm ăn sinh sống bình thường như làm ruộng, trồng dâu, chăn nuôi, buôn cau..., để cho chúng nó không nghi ngờ.

— Biết rồi.

— Bên trong thì lo hoạt động gây dựng phong trào trong tỉnh ta. Từ năm 1942, đã tổ chức được một chi bộ năm người trong số anh em an trí. Tôi làm bí thư, Khâm làm phó bí thư. Ngoài ra còn Khoách, P. và C. Chúng tôi chủ trương in truyền đơn, may cờ Đảng, phát động quần chúng trong tỉnh rồi sẽ trốn ra. Ngồi xó

này gay lắm. Ở ngoài Bắc, phong trào du kích các tỉnh miền núi phát triển sâu rộng, Mặt trận Việt Minh hoạt động mạnh mẽ.

Được anh Tấu cho biết mấy nét tình hình tóm tắt ấy, tôi phấn khởi lạ thường. Năm được ít nhiều đường lối của Trung ương, lại được hiểu biết thêm tình hình cách mạng khắp trong nước đang phát triển, tổ chức Đảng vẫn hoạt động đều đặn, ngay cả ở vùng Ba Tơ cũng đã có chi bộ Đảng từ năm 1942, còn gì sung sướng bằng.

Phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi từ khi có Đảng lãnh đạo đã phát triển mạnh mẽ, liên tục. Sau những năm 1930 - 1931, mặc dầu kẻ thù ra sức đàn áp, khủng bố và dùng mọi thủ đoạn thâm độc để phá hoại tổ chức của Đảng, nhưng các chiến sĩ cách mạng và quần chúng cách mạng vẫn luôn luôn hướng về Đảng, tìm mọi cách tổ chức lại đội ngũ, chấp mới phong trào. Các ban tỉnh, ban huyện của Đảng nhiều lần bị vỡ, đứt mối, vẫn được xây dựng lại.

Khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, kẻ thù lại mở một đợt khủng bố lớn. Tháng 10 năm 1939, một loạt 89 đảng viên và cán bộ từ ban tỉnh đến các ban xã bị bắt. Số người bị bắt ngày càng đông, nhà lao Quảng Ngãi không đủ chỗ giam; bọn đế quốc phong kiến lập thêm ba nhà lao ở ba huyện miền núi là Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng. Nhưng sự đàn áp, bắt bớ của kẻ thù dù trắng trợn đã man đến mấy cũng không thể nào ngăn cản được các hoạt động cách mạng. Từ nhà lao Trà Bồng, một số đồng chí đã tìm cách liên lạc ra ngoài, tổ chức bắt mối lại được với xứ ủy, xây dựng lại được hệ thống tổ chức từ tỉnh xuống huyện, củng cố lại hơn mười chi bộ.

Đến giữa năm 1910, khi Pháp mất nước, t
bọn phát-xít Nhật đặt chân vào Đông Dục
sách cai trị phát-xít hóa ngày càng nặng nề. Diện
các chính trị phạm bị giam ở Ba Tơ, Trà Bồng vào
một trại giam, số bị án nặng đưa đi hết Ban Mê Thuột.
Đồng thời chúng lập thêm hai căng an trí ở Ba Tơ và
Di Lăng để tiếp tục giam cầm, quản chế những chính
trị phạm đã mãn hạn tù từ các nhà lao về. Nhất là từ
sau cuộc Nam kỳ khởi nghĩa, địch càng tăng cường
khống chế và giám sát những người hoạt động cách
mạng. Ở nông thôn, ngoài việc quản thúc chặt chẽ
những người đã có án chính trị, ban đêm chúng còn
bắt tất cả những quần chúng bị tình nghi tập trung ở
các chòi canh; hễ thấy ở đâu tụ tập đến ba người trở
lên là bắt bớ, truy bức.

Trong thời kỳ đen tối này, mặc dù các tổ chức cơ sở
đều bị vỡ, các mối liên lạc trên dưới bị cắt đứt, một số
ít đảng viên còn lại tuy không sinh hoạt có tổ chức nhưng
vẫn bám sát quần chúng, cố gắng duy trì hoạt động
của các tổ chức bí ẩn tương như: các hội « tương tế ái
hữu » và những hình thức hoạt động khác có từ thời kỳ
Mặt trận bình dân để hướng dẫn quần chúng tiếp tục đấu
tranh lẻ tẻ trong khi chờ đợi bắt liên lạc với cấp trên,
chờ đợi đường lối, chủ trương mới của Đảng.

Khiêng ở căng an trí Ba Tơ, số anh em tù chính trị
mãn hạn bị giam giữ có đến ba mươi người.

Ba Tơ là một huyện miền núi vùng tây Quảng Ngãi,
nơi có một đồn binh của thực dân Pháp. Tuy ba bề
bốn bên có núi cao vây bọc, nhưng đồn Ba Tơ vẫn có
thuận lợi về đường giao thông. Xe ô-tô chạy từ đường
số 1, quãng Mộ Đức lên Ba Tơ, Gia Vực rồi vòng ra
phía bắc đến Di Lăng, Sơn Hà, còn một ngã rẽ thì lên

này gay lắm. Ở ngoài Bắc, phong trào du kích các tỉnh miền núi phát triển sâu rộng, Mặt trận Việt Minh hoạt động mạnh mẽ.

Được anh Tầu cho biết mấy nét tình hình tóm tắt ấy, tôi phần khởi lạ thường. Năm được ít nhiều đường lối của Trung ương, lại được hiểu biết thêm tình hình cách mạng khắp trong nước đang phát triển, tôi chức Đảng vẫn hoạt động đều đặn, ngay cả ở cãng Ba Tư cũng đã có chi bộ Đảng từ năm 1942, còn gì sung sướng bằng.

Phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi từ khi có Đảng lãnh đạo đã phát triển mạnh mẽ, liên tục. Sau những năm 1930 - 1931, mặc dù kẻ thù ra sức đàn áp, khủng bố và dùng mọi thủ đoạn thâm độc để phá hoại tổ chức của Đảng, nhưng các chiến sĩ cách mạng và quần chúng cách mạng vẫn luôn luôn hướng về Đảng, tìm mọi cách tổ chức lại đội ngũ, chấp mới phong trào. Các ban tỉnh, ban huyện của Đảng nhiều lần bị vỡ, đứt mối, vẫn được xây dựng lại.

Khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, kẻ thù lại mở một đợt khủng bố lớn. Tháng 10 năm 1939, một loạt 89 đảng viên và cán bộ từ ban tỉnh đến các ban xã bị bắt. Số người bị bắt ngày càng đông, nhà lao Quảng Ngãi không đủ chỗ giam; bọn đế quốc phong kiến lập thêm ba nhà lao ở ba huyện miền núi là Ba Tư, Sơn Hà, Trà Bồng. Nhưng sự đàn áp, bắt bớ của kẻ thù dù trắng trợn dã man đến mấy cũng không thể nào ngăn cản được các hoạt động cách mạng. Từ nhà lao Trà Bồng, một số đồng chí đã tìm cách liên lạc ra ngoài, tổ chức bắt mới lại được với xứ ủy, xây dựng lại được hệ thống tổ chức từ tỉnh xuống huyện, củng cố lại hơn mười chi bộ.

Đến giữa năm 1940, khi Pháp mất nước, tiếp sau đó bọn phát-xít Nhật đặt chân vào Đông Dương, chính sách cai trị phát-xít hóa ngày càng nặng nề. Dịch dờn các chính trị phạm bị giam ở Ba Tơ, Trà Bồng vào một trại giam, số bị án nặng đưa đi hết Ban Mê Thuột. Đồng thời chúng lập thêm hai căng an trí ở Ba Tơ và Di Lăng để tiếp tục giam cầm, quản chế những chính trị phạm đã mãn hạn tù từ các nhà lao về. Nhất là từ sau cuộc Nam kỳ khởi nghĩa, dịch càng tăng cường khống chế và giám sát những người hoạt động cách mạng. Ở nông thôn, ngoài việc quản thúc chặt chẽ những người đã có án chính trị, ban đêm chúng còn bắt tất cả những quần chúng bị tình nghi tập trung ở các chòi canh; hề thấy ở đâu tụ tập đến ba người trở lên là bắt bớ, truy bức.

Trong thời kỳ đen tối này, mặc dù các tổ chức cơ sở đều bị vỡ, các mối liên lạc trên dưới bị cắt đứt, một số ít đảng viên còn lại tuy không sinh hoạt có tổ chức nhưng vẫn bám sát quần chúng, cố gắng duy trì hoạt động của các tổ chức biến tướng như: các hội « tương tế ái hữu » và những hình thức hoạt động khác có từ thời kỳ Mặt trận bình dân để hướng dẫn quần chúng tiếp tục đấu tranh lẻ tẻ trong khi chờ đợi bắt liên lạc với cấp trên, chờ đợi đường lối, chủ trương mới của Đảng.

Riêng ở căng an trí Ba Tơ, số anh em tù chính trị mãn hạn bị giam giữ có đến ba mươi người.

Ba Tơ là một huyện miền núi vùng tây Quảng Ngãi, nơi có một đồn binh của thực dân Pháp. Tuy ba bề bốn bên có núi cao vây bọc, nhưng đồn Ba Tơ vẫn có thuận lợi về đường giao thông. Xe ô-lô chạy từ đường số 1, quãng Mộ Đức lên Ba Tơ, Gia Vut rồi vòng ra phía bắc đến Di Lăng, Sơn Hà, còn một ngã có thể lên

Tây Nguyên giáp đường số 14 ở Công Tum. Cũng như ở Di Lăng, lập căn an trí Ba Tơ, giặc Pháp mong thực hiện nhiều âm mưu thâm độc. Ngoài việc cô lập những chiến sĩ hoạt động cách mạng khởi phong trào quần chúng, chúng còn có ý định:

— Một là: khi hậu xấu và bệnh sốt rét sẽ làm cho tù chính trị bao mòn sức khỏe, chết dần.

— Hai là: nếu có chuyện gì xảy ra chúng sẵn có lực lượng quân sự đàn áp. Lúc cần thiết dễ tiêu diệt chính trị phạm.

— Ba là: chúng tin rằng với những thủ đoạn chia rẽ Kinh, Thượng, gây thù hằn dân tộc ở vùng núi, chúng có thể bao vây những người an trí, dù họ muốn trốn cũng khó lòng đi thoát.

H Ba Tơ là quê hương của đồng bào các dân tộc Chăm, Rê, vốn có truyền thống chống đế quốc phong kiến. Ngay cả trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, bọn vua quan nhà Nguyễn cũng chưa bao giờ khuất phục được nhân dân các dân tộc miền núi Quảng Ngãi. Chúng đã phải thiết lập một hệ thống đồn sơn phòng miền tây Quảng Ngãi, có sáu cơ, hai vệ để đàn áp nhân dân các huyện miền tây. Từ khi thực dân Pháp đô hộ nước ta, đồng bào Thượng kiên quyết bất hợp tác với chúng. Phong trào chống Pháp rất sôi nổi, nhất là trong những năm 1935 - 1939. Cả một hệ thống đồn binh và đường giao thông do giặc Pháp xây dựng lên để phục vụ cho kế hoạch chinh phục của chúng vẫn không sao dập tắt được phong trào phản kháng của đồng bào ta ở đây.

Ở phía bắc huyện lỵ Ba Tơ có Cơ Nhất rừng núi hiểm trở, có núi Cao Muôn cao nhất vùng, trên đỉnh có nhiều cây sơn đào, cây dầu rai và một số cây ăn

quả. Người ta đồn rằng: trên ấy có động tiên, quanh năm ít người lên đến đó. Nhân dân vùng này tự hào về ngọn núi ấy. Họ nói: « Tinh thần chống Pháp của người Thượng chúng ta cao sừng sững như ngọn núi Cao Muôn ». Thác Hang Éu chảy dưới chân núi này. Phía bắc núi, có khe Nước Lá, gần hơn, có khe Nước Sung từ đỉnh Cao Muôn chảy xuống giáp sông Ba Tơ. Trên ngọn khe Nước Sung có xóm Gò Rinh gồm sáu, bảy mươi gia đình. Từ ngày đế quốc Pháp xâm lược Việt Nam đồng bào ở đây vẫn nêu cao tinh thần bất khuất. Lần nào bọn Tây đem quân lên đàn áp cũng bị họ đánh cho thua liểng xiểng. Người ta kể chuyện rằng: có một lần Tây lên bị đám Gò Rinh dùng giáo mác đâm chết hàng lũ, máu đã chảy đỏ Nước Sung Ở Nước Lá, máu Tây cũng đỏ như ở Nước Sung. Có một điểm đặc biệt là khắp núi Nước Lá vất rất nhiều thể mà ở chỗ giết Tây ngày trước, không biết có một loại cây cỏ gì lạ mà tịnh không có một con vắt. Người ta đồn rằng: chỗ ấy trời đất linh thiêng nên khiến Tây đến đó đổ máu đổ trừ sên, vắt. Điều chắc chắn là từ mấy chục năm nay, Tây chưa hề thu thuế được một lần nào của dân Gò Rinh. Dưới chân núi Cao Muôn, sát bờ sông Ba Tơ, nhân dân có truyền thống ủng hộ cách mạng. Ở đây hề có ai nói chuyện chống Tây là đồng bào hết lòng giúp đỡ. Chuyện cũ kể lại rằng: « Năm 1930 có một chiến sĩ cách mạng lên sống ở xã Ba Điền, lập vườn làm nhà, đến khi bị Tây bắt, gia sản bị tịch thu đem bán đấu giá. Đồng bào thương trong làng thương quá, đã góp tay nhau, kể một chiếc nôi hai, người một chiếc nôi ba, đủ số tiền mua nhà và vườn. Họ đã chăm sóc và giữ gìn cây cối vườn tược suốt bảy năm liền. Cho đến khi người chiến sĩ

cách mạng mẫn hạp từ, họ gọi đến giao nhà và vườn lại và nói : « Người làm cách mạng đánh Tây đều là con em của buôn, rẫy, chẳng kể là người Kinh hay người Thượng ».

Vùng Cơ Nhì và Cơ Nhất, dân sống nửa hợp pháp, nửa bất hợp pháp. Mạn này giàu có dân đông, một số tù trưởng vẫn ngầm ngầm chống pháp.

Cơ Năm giáp tỉnh Bình Định, núi rừng hiểm trở, nhân dân cũng sẵn có truyền thống đấu tranh như các Cơ trên.

Nghe anh Tấu nói, tôi nhìn vành đai núi vây quanh Ba Tư một cách hứng khởi lạ thường. Tôi nghĩ ngọn lửa đấu tranh bất khuất vẫn cháy bừng bừng trên đỉnh những quả núi kia. Nhân dân miền núi mà bọn thống trị để quốc phong kiến khinh rẻ, coi thường quả là một chỗ dựa tốt cho phong trào cách mạng sau này. Phong trào có dậy lên ở đây thì sẵn có nhân dân ấp ủ. Tôi hỏi anh Tấu :

— Chi bộ làm công tác đến đâu rồi ?

Anh kể tiếp :

— Hai năm nay đã tổ chức được cơ sở khắp sáu huyện miền xuôi, hai cơ sở người Kinh vùng Ba Tư, hai cơ sở người Thượng ở Cơ Nhất và Gia Vực. Lại có cả ba cơ sở cảm tình trong binh lính nữa. Trên này có khoảng ba mươi hai anh em an trí ở rải rác, chỗ ba người, chỗ bốn người nhưng không phải ai cũng hăng hái cả. Chi bộ chủ trương in truyền đơn tuyên truyền vận động quần chúng. Anh Khâm mày mò mượn thuyền giả vờ đi câu cá để làm việc ấy. Nhưng được một dạo, tui đồn đánh hơi biết có hai anh an trí ở dưới thuyền mà không đánh cá, thế là phải tạm dẹp lại. Nói

về làm ăn, tôi được dưới nhà cho một ít tiền để làm nghề thuê bấp, còn Khâm thì cũng không đến nổi vất vả lắm.

Tôi hỏi :

— Minh về đây tay không, làm sao bây giờ ?

Tâu báo :

— Không lo, cứ đứng cho vững chân cái đã. Cậu về, chi bộ lại thêm một người.

Từ hôm ấy tôi được đưa vào chi bộ và phân công ở nhà bà mẹ có anh Lạc, Phong, Triêng ở trước. Bà cụ có một cậu con trai chín, mười tuổi, sau này đã trở thành cán bộ huyện Ba Tơ.

Sau khi được sinh hoạt Đảng, tôi lấy bản tài liệu mật mang từ nhà tù Ban Mê Thuột ra giao cho các đồng chí. Có được tài liệu về đường lối, chính sách của Đảng, anh em ai cũng mừng. Tuy vậy tài liệu cũng chỉ ghi được những nét chính, anh em báo tôi phải nói tỉ mỉ. Tôi bèn kể hết đầu đuôi câu chuyện gặp anh Quý, anh Chương năm 1911 cho các anh nghe. Trong câu chuyện tôi kèm luôn cả những điều tôi nhớ về ng nghị quyết 8 của Trung ương Đảng.

Bao giờ cũng vậy, tâm lý anh em từ chính trị thường có một điều mâu thuẫn là lúc thấy có cán bộ bị bắt vào, ai cũng lo lắng cho sự tồn thất của phong trào, lo đến sự tan vỡ của cấp ủy này cấp cấp ủy nọ, nhưng đồng thời ai cũng có cái mừng là gặp anh em ở ngoài vào thì được nghe tình hình.

Vào năm 1941, anh em trong tù Ban Mê Thuột đang phân vân trước những câu hỏi lớn : « Lúc quân đồng minh Anh - Mỹ đổ bộ vào Đông Dương, Đảng có chủ trương gì ? Nếu phát xít Nhật chiếm toàn bộ Đông Dương, ta sẽ đối phó như thế nào ? Triệu vọng Hồng quân

Trung Quốc đánh Nhật ra sao?... ». Nói chung, anh em khao khát bắt liên lạc với Đảng bộ bên ngoài, chờ đợi đường lối chủ trương của Trung ương Đảng.

Đúng vào lúc ấy, anh Quý, anh San và anh Chương bị bắt đưa lên Ban Mã Thuật. Thoạt tiên chúng nó giam các anh vào xà-lim. Ít hôm các anh được chuyển vào nhà số 3, nhà số 4. Gặp đồng người, các anh chỉ nói lại tình hình mùa màng, tình hình phong trào và sự lãnh đạo của Đảng. Tóm lại đây toàn là một số tình hình công khai. Tất nhiên chúng tôi chưa thỏa mãn được. Đợi đến một buổi chiều, sau giờ đi làm xâu về, một nhóm anh em gồm có Linh, Quán, Tuy và tôi mời riêng các anh ấy ra một góc nhà. Chúng tôi nói:

— Ở ngoài hiểu biết nhiều, dễ nghị các anh nói cho chúng tôi rõ chủ trương, đường lối mới của Đảng. Chúng tôi nghe phong thanh đã có nghị quyết 8 của Trung ương rồi phải không?

Anh Quý trả lời trước:

— Tình hình quốc tế có nhiều chuyển biến lớn. Hồng quân Liên Xô đã chặn đứng được cuộc tấn công mùa đông của phát-xít Đức. Nhất định bé lũ phát-xít sẽ bị đánh bại. Ở nước ta, phát-xít Nhật đã vào Đông Dương, bọn Pháp Pê-tanh đầu hàng. Mặt Bắc Sơn đã khởi nghĩa, Đờ Lươg cũng bùng nổ. Mặt trận Việt Minh ra đời ngày càng phát triển sâu rộng. Đảng chủ trương phải phát động phong trào cách mạng rộng rãi toàn Đông Dương, phải chú trọng cả thành thị lẫn nông thôn. Nơi nào có điều kiện thì tổ chức tự vệ, xây dựng lực lượng quân sự. Từng nơi, từng chỗ, lúc có điều kiện tình hình địch rồi ren thì tiến hành cướp chính quyền từng khu vực, lập chiến khu, mở rộng lực lượng quân sự, mở rộng công tác Mặt trận, chuẩn bị Tổng khởi

ngã. Sau này, quân phát-xít Nhật bị đánh bại, quân đồng minh đổ bộ lên Đông Dương, hoặc xảy ra tình hình khác, ta sẽ có sẵn chính quyền và lực lượng quân chúng mới đủ sức mạnh để ăn nói...

Anh Quý nói nhiều, nói tỉ mỉ nhưng tôi chỉ nhớ nhiều nhất những điều chính rất hấp dẫn như công tác Đảng, công tác Mặt trận, cướp chính quyền từng phần, xây dựng lực lượng vũ trang và lập chiến khu. Lúc này anh em xúm quanh anh Quý, ai nấy đều lộ vẻ háo hức phấn khởi ra mặt vì những vấn đề anh vừa truyền đạt lại đã giải đáp được bao nhiêu là băn khoăn thắc mắc của anh em trước thời cuộc. Anh em đều thấy trước mắt và tương lai cách mạng thế giới, cách mạng Đông Dương thật là rộng thênh thang. Riêng tôi cũng một số anh em khác vốn thích nghiên cứu quân sự nên cứ hỏi xoay vào kinh nghiệm tổ chức lực lượng vũ trang chiến lược, chiến thuật...

Hồi đó tình hình Bắc Sơn và Đồ Lương làm cho tôi, cũng như một số anh em khác suy nghĩ đến chuyện trốn thoát ra ngoài để hoạt động. Nhưng vì hồi ấy tôi chỉ còn vài ba năm tù, anh em không cho trốn ra. Có thể nói, nghe tình hình chung và đường lối của Đảng như vậy, mà cứ ngồi yên trong tù là chuyện khổ sở lắm.

Anh Quý nói xong, anh Sao bổ sung:

— Từ sau nghị quyết 8 của Trung ương, tuy có một số cán bộ bị bắt nhưng Đảng bộ bên ngoài hoạt động rất tốt, chứng tỏ đường lối của Trung ương rất thích hợp với thời kỳ này, phong trào quần chúng sôi sục, nhất là phong trào Mặt trận Việt Minh.

Chúng tôi trao đổi cho đến lúc keng cưa mới thôi. Và ngay tối hôm đó, chúng tôi yêu cầu hai anh ghi lại

tóm tắt nghị quyết mới của Đảng. Hôm sau hai anh khai ốm nằm ở nhà viết tài liệu. Có người canh gác hẳn hoi. Chúng tôi lại phân công một số anh em sao ra làm nhiều bản, rồi tổ chức cùng nhau học tập, nhất là cho những đồng chí sắp ra tù. Bản tài liệu tôi mang về cho chi bộ Ba Tơ chính là một trong những bản tóm tắt lại. Ngoài các tài liệu đó, tôi còn kể thêm bức thư chữ Hán đề tháng 6 năm 1911 của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Nghe xong, anh Tấu cho biết lời kêu gọi của lãnh tụ đã có tiếng vang rất lớn ở nhiều vùng dưới trung châu. Các cụ phụ lão giàu lòng yêu nước đã học thuộc lòng từ đầu chí cuối. Những ngày giỗ chạp, các cụ gặp nhau lại đem từng đoạn ra đọc lại với nhau và bình từng lời, từng ý rất thấm thía, sâu sắc.

Nghe anh Tấu nói, tôi nhớ lại những ngày ở trong tù, khi được nghe một số đồng chí xuất dương bị bắt vào báo tin lãnh tụ đã mất vì bệnh lao phổi, ai nấy đều thương tiếc vô hạn. Nhưng khi biết cái tin ấy do bọn đế quốc tung ra, mọi người vẫn mong ngóng theo dõi xem hư thực ra sao. Mỗi đến năm 1937, một số đồng chí từ nhà tù Lao Bảo sang cho biết tin ấy không đúng, lãnh tụ vẫn còn sống, chúng tôi kể sao xiết nỗi vui mừng. Sau lại rõ thêm lãnh tụ đã về nước, chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8, và cuộc hội nghị lịch sử này đã quyết định đường lối cứu nước, lập Mặt trận Việt Minh. v.v...

Anh em bí mật chuyền tay nhau và học thuộc lòng «Lời hiệu triệu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc». Nhất là những đoạn như:

«Hỡi các chiến sĩ cách mạng, giờ giải phóng đã đến.
Hãy phát cao cờ độc lập lãnh đạo toàn dân đánh tan

thứ chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí. Máu nóng của các bác anh hùng đang sôi sục trong lòng các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đang chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!...

Bấy giờ tuy mới về đến Ba Tơ, tôi nóng lòng muốn được giao công tác ngay. Anh Tấu bảo tôi:

- Hãy nghỉ ngơi năm bảy hôm đã. Trước hết tự mình muốn hoạt động tốt phải tách khỏi chỗ này ở xa xuống phía dưới nửa cây số, tuy trình diện phải đi xa một chút mà được việc lớn.

Tôi đáp lại:

- Đi đâu, mà làm được việc tốt cho cách mạng tôi cũng đi. Còn về làm ăn thì tôi biết nuôi vịt, dón cho vịt đẻ. Ba, bốn trăm con cũng quản nổi.

Một buổi sáng, trời nắng gắt, tôi cùng các anh Khâm, Triêng, Xuân, Đức đang lợp nhà thì thấy một bà cụ đi từ ngoài ngõ vào. Đùng là mẹ tôi, trong ruột tôi đã hồi hồi lấm, lên đến Ba Tơ tôi mới báo tin cho mẹ tôi biết, không ngờ bà cụ lên sớm thế. Tôi tụt xuống định đến đón, nhưng anh Khâm vội cản lại:

- Anh cứ lần đi, để tôi thử xem bác nhà ta có mùi lòng không?

Lúc mẹ tôi bước vào thì tôi giờ một tấm tranh lên ngang mặt, nhưng vẫn thấy rõ bà cụ. Bà đang cầm nón đứng lẩn ngẩn tìm kiếm, thì anh Khâm lên tiếng:

- Bác đến thăm anh Mười đó ư?

Bà cụ cười mỉm mỉm:

-Ừ, bác lên xem thử nó già đến đâu?

-Đó, bác xem trên mái nhà có đứa nào là con thì bác gọi nó xuống.

Bà cụ cũng chẳng vừa:

- Ôi dào, nó tìm mình chứ tội gì mình tìm nó.

Tuy nói vậy bà cũng xày mặt ra bốn phía để tìm. Chẳng dè tôi đã ở sau lưng. Bà cu thoát thấy tôi, lấy nón bô cho hai, ba cái lên đầu và nói «Me cha mày, ở đây mà còn bắt mẹ tìm à?».

Tôi ôm chầm lấy mẹ, diu bà cu vào nhà. Trên mười hai năm trời, mẹ tôi thay đổi nhiều quá. Duy chỉ có đôi mắt vẫn luôn vui vẻ. Nhìn vào đôi mắt, tôi tưởng lúc nào bà cu cũng cười. Bà cu vò đầu, vò tóc tôi một chập rồi nói:

— Mẹ tưởng con già lắm, tẻ tã chưa lấy gì làm già.

— Lúc con bị bắt mới hai mươi hăm một, từ bấy đến nay đã lấy gì làm già.

Chuyến ấy mẹ tôi vay được sáu đồng bạc đem lên cho tôi, nhờ đó tôi có vốn chừa vọt vì năm ấy vọt con có giá một trăm con có hai đồng rưỡi. Và suốt một năm rưỡi tôi ở Ba Tơ mẹ tôi còn lên thăm một lần nữa. Sau này, khi được tin Ba Tơ khởi nghĩa, cụ nói với xóm giềng: «Đấy, đám thàng Kiệt đã tham gia việc nước. Anh Sáu nó cũng ở trong đám ấy. Chúng nó làm việc cho cách mạng, cho Mặt trận Việt Minh, mình không ủng hộ sao được». Thế là cụ cùng các bà mẹ khác tham gia tổ chức «Ủng hộ du kích Ba Tơ».

Đối với mẹ tôi, tôi có một tình cảm đặc biệt, khác hẳn đối với cha là một ông đồ nho hiền lành, vô sự. Mẹ tôi ngày trước có tham gia phong trào Văn thân chống Pháp, đã có lần chửi người Văn thân đi lánh nạn, đào hầm cho họ trốn. Những chuyện phong trào Văn thân do bà cụ kể lại đã có ảnh hưởng tới tôi. Tôi biết yêu nước cũng do một phần ở mẹ tôi. Khi cha tôi mất rồi, các con đi hoạt động, mẹ tôi đã không hề cản trở mà còn khuyến khích. Sau bốn hôn anh em chúng tôi — có Trinh, anh Ba, anh Sáu và tôi — bị bắt, bọn quan lại cường hào từ huyện, tỉnh đến xã gọi cụ lên,

xuống nhiều lần đe dọa, uy hiếp nhưng cụ vẫn không hề nao núng. Có lần, tên tri huyện Sơn Tịnh gọi mẹ tôi lên hoạnh học này nọ, bà cụ đã trả lời :

— Mấy đứa con tôi bây giờ là con của xã hội. Các ông là nhà nước làm gì thì làm với chúng nó chứ hành hạ gì tôi. Mà chúng nó chống nhà nước thì các ông đã bắt bỏ tù cả rồi còn đâu nữa.

Từ năm ấy, nhà cửa thêm sa sút, mẹ tôi phải vất vả chạy ngược, chạy xuôi để kiếm ăn. Tuy vậy, trong làng xã, mẹ tôi vẫn đứng vào hàng những người chống đối nhất. Dân làng có việc gì phải kiện tụng, tố cáo bọn cường hào, mẹ tôi thường đứng đầu đơn. Năm 1939, khi còn ở tù Ban Mê thuật, tôi có ý muốn trốn, bèn viết thư xin tiền bà cụ. Lập tức bà đi khắp con cháu xa gần xin mỗi đứa một ít. Góp mãi và thêm một ít tiền của vợ chồng đồng chí Nguyễn Chánh mới được hai chục đồng. Khi gửi đi bà dặn đồng chí Chánh : « Gửi tiền, đừng đứng lên mày, mặt thăm nó nghi. Cứ đứng tên tao ». Ít lâu sau, tôi nhận được một chiếc thùng thiếc đựng toàn bánh. Tôi đã thất vọng. Sau đó tôi lại nhận được thư của mẹ, trong thư có câu : « Mẹ đã gửi thùng bánh cho con, con chú ý dùng cho hết ». Mấy chữ « dùng cho hết » làm tôi suy nghĩ, tôi vội đi tìm chiếc thùng thiếc đang lẫn lóc ở xó bếp. Xem xét mãi, cuối cùng tôi tìm thấy trong thùng có giấu hai chục bạc. Thì ra mình mù mà thằng địch cũng mù nốt. Về sau, số tiền ấy đã dùng cho hoạt động của công hội đồ ngoài nhà lao và giúp cho những anh em trốn tù.

Sau lần mẹ tôi lên Ba Tơ thăm tôi chuyến thứ nhất được ít lâu thì một cuộc gặp gỡ đột ngột khác đến với tôi. Một hôm, tôi đang ngồi làm cán dao thái chuối cho vịt thì các anh Khâm, Phong cùng chạy đến, báo tôi :

— Anh Mười! Có anh Sáu Trán lên!

Tôi bỏ dao chạy ra. Đến ngõ, tôi thấy một người mặc sơ-mi trắng, quần xanh, đội một chiếc mũ đã chàu nát. Tôi nhận ra ngay là anh ruột tôi, và trong lòng vừa mừng vừa hồi hộp. Ngày còn nhỏ, hai đứa chúng tôi may chung một lứa áo, lứa quần, lớn lên anh tôi tham gia phong trào trước, mỗi lần đi biểu tình cứ dặn: « Chứ ở nhà với mẹ ». Anh Sáu bị bắt tháng 9 năm 1930, trước tôi bảy tháng nhưng được ra tù sớm. Về sau anh lại bị bắt lần nữa. Anh em gặp nhau vô cùng sung sướng. Tôi hỏi:

— Nghe nói anh mãn tù đi an trí ở Di Lăng cơ mà!

— Chẳng hiểu sao chúng nó lại chuyển lên đây. Có lẽ cho hai đứa gần nhau để chúng đỡ không chế chứ gì. Chà, chú về đây trông khỏe quá. Ai cũng mong gặp chú.

— Cô Trinh về chưa?

— Về rồi.

Anh Sáu ngắm nghía tôi một chặp rồi nói:

— Chà, chú lớn quá, nghe nói khôn ngoan ra nhiều.

Tôi đáp:

— Năm 1931, tôi tưởng đi đây là chết, không mong ngày về. Vào ở tù mười mấy năm chẳng lẽ cứ đại nãi cho để quốc nó đề đầu. Vả lại ở trong đó được các đồng chí rèn giũa nên cũng biết thêm được nhiều.

Anh Trán cười, trả lời:

— Chú nói đúng. Làm cách mạng giàu truân thật nhưng không phải ai cũng chết. Có lúc mình tưởng sau một cuộc cách mạng, lớp này chết đi, lớp khác mới lên. Thực ra chết hết thế nào được.

Rồi anh chuyển ngay sang chuyện làm ăn:

— Hồi ở nhà chú biết nuôi vịt, tôi biết làm cau khô. Ta chung nhau lại mà làm ầu.

Nhờ anh Trần nói nhiều toi chuyện làm ăn làm tới nhờ ngay lại câu chuyện anh Lý kể hồi còn ở trại giam Ban Mê Thuột. Theo anh Lý kể: trong lúc hoạt động, anh ở nhà tôi. Thấy hơi lộ nếm anh Trần và cô Trinh (em gái tôi) đưa anh xuống nhà Cóc (tức Tài) ở Phước Lộc. Vừa mới đến, ngay đêm đó anh bị địch bắt. Cùng một lúc, địch bắt cả Cóc, anh Trần và cô Trinh. Sau thời gian tra hỏi, chúng kết án mỗi người sáu tháng tù, riêng anh Trần về sau chúng tăng lên một năm. Việc anh Lý bị bắt chính anh cũng chưa hiểu rõ kể nào đã phản bội!

Nay tuy mới gặp được người thân trong gia đình sau bao nhiêu năm trời xa cách nhưng ngay phút đầu tôi đã có sự cách biệt giữa tôi và anh Sáu Trần. Do đó trong thời gian sống với nhau ở đây, tôi hết sức giữ nguyên tắc bí mật của tổ chức và chúng tôi cũng không giao cho anh những công việc hệ trọng.

Sau lúc anh Trần lên, chúng tôi mua năm trăm vịt con. Anh Trần lại biết làm cau khô nên nhóm chúng tôi mở thêm lò sấy hạt cau theo kiểu Nghệ Tĩnh hoặc chế cau bột sấy, bán sỉ. Việc làm ăn tuy không đếm nổi chặt vật nhưng không được cơ bản. Công việc không ổn định như làm ruộng mà chỉ làm theo mùa. Ngày nào cũng phải lên xuống trình diện nên không dễ dàng gì đi lại buôn bán. ●

Để tạo điều kiện hoạt động dễ dàng hơn chi bộ đề ra chủ trương đấu tranh đòi nới rộng chế độ quản chế. Anh em lên gặp bọn đồn Tây và kiểm lý đòi với lý do

1. Việc này mãi đến khi Tổng khởi nghĩa, ta bắt được tên mật thám Bùi Trọng Lệ, Lâu khai rõ anh Lý bị bắt là do tên Cóc phản bội.

làm ăn khó khăn, việc đi lại nếu chỉ hạn chế trong phạm vi bán kính năm trăm mét quanh đồn thì không thể nào kiếm sống nổi. Bọn địch lúc đầu kháng kháng không cho, nhưng cứ mỗi ngày một ít, anh em vượt ra khỏi qui chế của chúng, vừa lẩn dấn địch, vừa đấu tranh khéo léo, cuối cùng chúng phải chịu nhượng bộ để anh em đi lại trong phạm vi trên dưới một cây số.

Tiếp đến, là chủ trương đấu tranh đòi giảm bớt lệ trình diện hai lần mỗi ngày. Anh em vào cơ địch giam giữ tù mãi hạn nhưng không cung cấp cho một chút tư liệu sinh hoạt, buộc anh em phải tự túc, để anh em đòi quyền làm ăn sinh sống trong phạm vi thời gian tối thiểu, một ngày chỉ trình diện một lần ở đồn. Lần này gay go hơn lần trước vì đụng chạm trực tiếp đến chức trách cụ thể của tên đồn trưởng. Tên này đối xử với những người an trí cũng như với nhân dân địa phương, rất độc ác. Chính hắn đã tổ chức một mạng lưới mật thám và chỉ điểm ngay trong căn cứ an trí. Lúc nghe lời yêu cầu giảm lần trình diện hàng ngày của những người an trí, hắn đập bàn quát tháo:

— Cho các anh giảm việc trình diện để các anh làm công sản à?

Chúng tôi kháng khái trả lời:

— Làm công sản hay làm gì, giữa chúng tôi và các ông đều biết nhau cả rồi. Đây là chuyện đời sống làm ăn. Các ông định hãm chúng tôi vào cảnh chết đói hay sao?

Tên đồn trưởng đuối lý nhưng vẫn không chịu giải quyết. Về phía chúng tôi, cứ dần dần lơ là, trễ nải việc trình diện buổi chiều nay thiếu người này, mai thiếu người khác, có khi chỉ còn lẻ tẻ mấy người đến đồn buổi chiều. Cuối cùng, do tập thể đấu tranh kiên quyết,

bên bi, địch phải bỏ lộ trình điện buổi chiều. Càng về sau, ngay cả việc kiểm điện buổi sáng, địch cũng không thực hiện được như ý muốn. Từ chỗ điếm mặt, chúng phải chạy để cho ghi tên lên bảng. Có khi một đồng chí lên trình diện gửi luôn tên cho hai, ba đồng chí ở nhà.

Việc đấu tranh buộc địch nới rộng quy chế căng an trí tuy gay go nhưng kết quả là tạo thêm điều kiện thời gian và sự đi lại để tăng cường hoạt động. Việc tiếp xúc với các cơ sở quần chúng từ trung châu lên, hoặc đi bắt mối liên lạc ở những vùng tương đối xa được thuận lợi hơn. Bộ phận phụ trách in tài liệu chèo thuyền đi lấy đất sét ở Hoàng Đồn cũng không đến nỗi vất vả như trước. Lúc bấy giờ, các vật liệu để in dù là một tờ giấy bản, một hộp mực tím, một chiếc trục lăn cũng rất khó kiếm, và kẻ địch theo dõi rất chặt. Tài liệu chỉ có thể in ban đêm, trên một chiếc thuyền câu, hề gặp lịch địch đi tuần là tìm cách thủ tiêu mọi thứ đồ nghề. Trong các thứ hàng từ vùng xuôi đưa lên, bọn địch cấm ngặt không cho mang rau câu hay thạch xoa lên Ba Tơ. Những món hàng giải khát ấy, chúng liệt vào loại quốc cấm, vì chúng để phòng các chiến sĩ cách mạng dùng những thứ ấy để in truyền đơn. Cảnh nhờ kết quả đấu tranh đòi nới rộng quy chế căng an trí mà có nhiều lần các đồng chí phụ trách in loát vẫn có thạch xoa để in tài liệu và truyền đơn.

Anh Tấu vốn hoạt bát, thường đi công tác xa hơn. Qua một năm về ở căng Ba Tơ, nhiều lần anh xuống táu Trường An, Suối Bùn giáp trung châu để liên lạc với cơ sở và qua chị Mỹ (vợ đồng chí Trần Lương) anh đã tổ chức được một nhóm nòng cốt ở Sông Vệ, dọc đường số 1.

Một hôm, anh Tầu triệu tập chi bộ bàn việc huy động các cơ sở ở nông thôn phát động phong trào rải truyền đơn, biểu tình cầm rộ. Hội nghị tranh luận về chủ trương này rất sôi nổi. Anh Tầu nhân danh bí thư chi bộ đề xuất :

— Sắp đến, bọn thực dân sẽ tổ chức lễ kỷ niệm 14-7, ngày hội hàng năm của chúng. Chúng ta nên nhân dịp này, lợi dụng có đông người qua lại trên đường số 1 và các nơi đông đúc, tổ chức một cuộc phát động quần chúng bằng cách rải truyền đơn và giới thiệu cờ đỏ sao vàng. Nhất định phong trào sẽ lên.

Đa số anh em không đồng ý với chủ trương này vì tình hình cơ sở ở các huyện trung châu còn yếu, lực lượng cốt cán trong quần chúng còn mỏng manh, công tác tuyên truyền đường lối cứu quốc và chương trình Việt Minh còn ở phạm vi hẹp chưa phổ biến đều khắp các vùng. Hơn nữa, ở dưới trung châu, còn có nhiều câu bộ tứ khi ra tù về địa phương chưa nắm được chủ trương và phương pháp cách mạng trong thời kỳ mới, vẫn quen phương thức hoạt động của thời kỳ mặt trận bình dân như vận động lập hội tương tế, ái hữu v.v.. Nếu chưa huy động được lực lượng cốt cán này thì phong trào có đẩy lên một lúc cũng khó phát triển. Ý kiến chung của anh em dự hội nghị là nên tiếp tục bí mật gây cơ sở, tích lũy thêm lực lượng. Có đồng chí phát biểu: « Lúc có điều kiện dậy thì ta làm, còn dậy non sẽ tạo cơ hội cho địch chộp mất cơ sở ».

Anh Tầu vẫn giữ ý kiến :

— Tổ chức người ta rồi mà không phát động thì làm gì còn quần chúng ? Ngâm người ta mãi, mãi cả ảnh hưởng. Trong lúc đó, những quần chúng cơ sở do anh Tầu

tổ chức ở một số vùng đã được anh triệu tập lên Ba Tơ.

Anh liền phổ biến chủ trương phát động quần chúng cho số nông cốt của mình.

Có thể nói, hồi ấy tình hình ở trung châu cũng rầm rộ được một thời gian. Cờ đỏ sao vàng được treo cao ở ba địa điểm trong tỉnh phủ: Cầu Cát (thuộc huyện Tư Nghĩa); Thiên Ấn (huyện Sơn Tịnh), An Điền (huyện Bình Sơn). Dọc đường số 1, nhiều truyền đơn được rải ở nhiều nơi. Đây là lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở Quảng Ngãi.

Ngay sau đó, quân thù lộng lộn tổ chức một đợt lùng ráp. Chúng không tìm ra mạnh mối, liền bắt bó hàng loạt quần chúng xung quanh các vị trí cờ đỏ và truyền đơn. Một số cơ sở cách mạng chẳng may cũng bị bắt. Cả một thời gian khá dài, hệ thống tổ chức từ Ba Tơ về trung châu bị đứt mối. Nhưng nhờ tinh thần kiên quyết hy sinh vì cách mạng của những quần chúng giác ngộ và của các anh chị em nông cốt bị bắt, mà tổ chức không bị vỡ lở thêm. Chị Mỹ là cơ sở của anh Tấu, cũng bị bắt. Nhưng, mặc dù địch tra tấn rất dã man, chị vẫn không hề khai đầu mối. Về sau thẩm tra lại, không có một cơ sở nào bị bắt mà khai cho anh Tấu cả. Điều đó khiến cho chúng tôi càng thêm tin tưởng sâu sắc vào tinh thần cách mạng và quyết tâm bảo vệ cách mạng của quần chúng.

Bỗng một hôm, xe mật thám xộc lên Ba Tơ. Anh Khâm và tôi đang làm vườn vội lẫn ra sau nhà dân rồi lánh ra bia rừng. Mật thám ập vào nhà anh Tấu, bắt anh mang về xuôi. Việc anh Tấu bị bắt vì một nguyên do khác. Trước đây, khi anh Tấu ở cùng nhà với anh Võ Bầm, có bắt liên với lạc đồng chí H, ở nhà tù Ban Mê Thuật trốn ra. Anh Tấu có xoay cho H. được một chiếc bài chỉ thước

thân đi đường ra Nghệ An. H. là giao thông của xe
úy. Lúc H. bị bắt lại, dịch tìm thấy trên chiếc bài chỉ
nọ có ghi nơi cấp là huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi.
Do đó, chúng lần theo dấu mới và tìm ra anh Tấu. Sau
khi anh Tấu bị bắt, có hai đồng chí cùng trong tổ chức
vì lo ngại nên cố ý tránh công việc của chi bộ. Anh
Khâm bàn với tôi: *Không sao:*

— Chúng mình phải chuẩn bị, bọn mật thám lên bắt
phải chuẩn nhanh vào cơ sở vùng đồng bào miền núi.

Gần một tháng trời, ngày đêm chúng tôi rất đề phòng.
Chúng tôi đến ở nhà anh Khâm vì chỗ này vốn địa thế
cao, đứng đó có thể nhìn rõ xuống tận Dấu Mốc; xe
mật thám có mò lên, chúng tôi có thể biết ngay khi
còn cách xa hai, ba cây số. Chúng tôi chia phiên nhau
gác đêm. Ban ngày, tôi đi chăn vịt ngoài đồng. Khâm
ở nhà. Hẹn nhau có chuyện gì, tìm gặp ở vườn gòn.
Quảng năm giờ chiều, tôi lừa vịt về; ăn cơm xong, mặc
quần áo tươm tất, bí mật gói sẵn một bộ, đem ngủ đất
làm gối. Đêm này qua đêm nọ, hai anh em thay nhau
gác. Có lần anh D. nhà chúng tôi ở thức đêm nấu cháo
lộc—giác tới khuya, thấy tôi còn ngồi trước cửa, không
biết là tôi đang gác, anh cứ giục tôi đi ngủ. Tôi cứ phải
nói quanh cho khỏi lộ. Cứ như thế mười lăm đêm
liền, chúng tôi pháp phòng chờ đợi. Mỗi sáng thấy
động tĩnh gì.

Được một tháng sau, vợ anh Tấu từ dưới xuôi lên
thăm, và nói:

— Anh Tấu nhắn ra rằng mật thám tra tấn rất dữ để
truy tìm tổ chức, nhưng giữ trọn lời thề chung thủy
với anh em, anh không khai báo gì cả; anh em cứ yên
tâm. Hiện giờ dịch đã ngừng tra tấn.

Tuy chúng tôi yên trí được phần nào nhưng tôi cứ

dẫn vật mãi về nỗi chưa hoạt động được bao nhiêu thì gặp lắm chuyện chẳng may, và tình hình này mà chỉ lo giữ thế thì mất hết ngày giờ.

Tình hình đạo ấy trở nên khó khăn. Sau đợt khủng bố của địch, nhiều cơ sở quần chúng ở trung châu bị vỡ non. Hai đảng viên trong chi bộ nằm im. Thế là chi bộ chỉ còn lại ba người. Anh Khâm được cử làm bí thư thay anh Tấu. Những lúc khó khăn như thế này tôi lại nhớ câu nói xóc hông của thằng xếp lao Ban Mê Thuật khi tôi mãn hạn tù ở đây: «Đừng làm cộng sản nữa nhé» mà lòng càng sục sôi ý chí đấu tranh. Không, chủ nghĩa cộng sản là lẽ sống; còn là người cách mạng còn phải đấu tranh tiêu diệt cả bè lũ đế quốc và phong kiến.

Mặc dù bọn mật thám hoạt động ráo riết, nhưng sau vụ anh Tấu, không có ai bị bắt thêm. Tình hình Ba Tơ trở lại yên lặng. Chúng tôi họp chi bộ rút kinh nghiệm hoạt động trong thời gian qua và củng cố lại nền nếp làm việc.

Thứ nhất là với hoàn cảnh khó khăn, phạm vi đi lại bị hạn chế, việc vận động tổ chức cơ sở dưới các huyện trung châu phải thông qua các đầu mối trung gian nên cần phải có kế hoạch và biện pháp kiểm tra tình hình để đánh giá đúng phong trào quần chúng, dựa vào đó mới có thể quyết định chủ trương thích hợp. Vụ phát động tháng 7 năm 1943 do anh Tấu chủ trương là một bài học sâu sắc nhắc nhở chi bộ phải sâu sát hơn nữa trong việc đánh giá tình hình.

Thứ hai, trong lúc phong trào mới nhen nhóm, phải tập trung sức lực vào công tác bí mật xây dựng cơ sở, tuyên truyền giác ngộ quần chúng đi vào bề sâu, tích lũy lực lượng chuẩn bị đón thời cơ.

uy trì cách làm việc tập thể, ý thức tổ chức
g được trao đổi.

ĩ bản tình, phải khôn khéo hơn trong việc
che mắt bọn địch; dù chúng kiểm soát gặt gao đến mấy
cũng phải tìm cách đi xa hơn để tiếp xúc với cơ sở.
Chúng tôi vẫn giữ vững chủ trương chuẩn bị thoát ly khỏi
càng an trí đề về trung châu hoạt động. Lúc này biết
trước các anh Giao, Lương, Hai ở Ban Mê Thuột sắp
mãn hạn tù, thế nào cũng lên Ba Tơ, chúng tôi có ý chờ.

Về phương hướng hoạt động có bổ sung cụ thể thêm.
Cần nắm vững và đẩy mạnh công tác binh vận, có thời
cơ sẽ tổ chức cướp đồn, tổ chức đội du kích, lập chiến
khu theo tinh thần khôi nghĩa từng phần nói trong
nghị quyết 8 của Trung ương Đảng.

Mặc dù đang gặp nhiều khó khăn, trong lòng mọi
người đều có một sự thôi thúc mạnh mẽ và một hoài
bào to lớn trước tình hình hoạt động ngoài căn cứ địa
Việt Bắc và ở Bắc Sơn.

Chúng tôi dọn nhà ở xuống hẻm dưới Nước Năng,
xây dựng cơ sở làm ăn ở Dốc Mỏ, vừa chăn vịt vừa
trồng dâu nuôi tằm. Đất trồng trọt ở đây phải mướn
mỗi năm trả một chiếc nồi bảy, một chiếc nồi ba. Đất
thì đất chúng tôi vẫn phải mướn để lấy nơi tập họp
anh em cơ sở từ dưới trung châu lên bàn bạc công tác.
Vả lại nhóm anh Đôn và anh Khoách cũng đã quen
nghề trồng dâu nuôi tằm, hàng năm có thể kiếm được
ba, bốn chiếc nồi bảy. Tôi vẫn làm nghề chăn vịt. Tuy
chúng tôi cũng làm ăn sinh sống như những anh em
an trí khác nhưng bên trong chỉ bộ có quyết nghị mỗi
đồng viên có trách nhiệm xây dựng quỹ tài chính cho
Đảng nên bao nhiêu lợi tức chăn nuôi, trồng trọt, chúng

tôi đều nộp vào quỹ chung, chỉ chi dùng cá nhân những khoản cần thiết cho đời sống.

Một số cơ sở tốt từ vùng xuôi gửi làm những người đi mua dầu, mua kén, hoặc đi làm thuê nương vườn cũng dần dần lần đường lên Ba Tơ gặp chúng tôi để bắt liên lạc. Anh C. vốn là tù chính trị cũ cũng tìm đến yêu cầu Đảng phân phối công tác. Chúng tôi giao cho anh ra Di Lăng liên lạc với anh em chính trị phạm ngoài ấy, bàn chuyện phối hợp hành động. Nhưng ở Di Lăng không có cơ sở Đảng nên nói chung anh em ở đây chỉ cố gắng giữ không làm gì có hại cho cách mạng.

Qua tình hình làm ăn và sinh hoạt của một số anh em ở cãng Ba Tơ, Di Lăng cũng như những anh em đã về nhà có cơ ngơi khá giả, chúng tôi thường trao đổi với nhau về vấn đề tu dưỡng đạo đức của người cộng sản.

Năm 1942, khi chuyển từ cãng Di Lăng sang Ba Tơ, anh Đôn đã nêu vấn đề giữ vững phẩm chất đạo đức và ý chí cách mạng với anh em an trí. Thật ra vấn đề này không đơn giản. Một mặt thăng dịch ngay đêm theo dõi, rình mò, sơ hở một tí là bị bắt lại ngay; các tổ chức của ta ở địa phương, trong vòng trên dưới mười năm, lập rồi lại vỡ liên tiếp bao nhiêu lần, không khỏi có anh em nản chí, và lòng tia ở sự nghiệp cách mạng, lòng tin giữa những anh em cùng cảnh với nhau chừng nào có giảm sút. Mặc khác, khi ở trong tù, đấu tranh ác liệt đến mấy vẫn không lùi bước trước quân thù, bây giờ sinh hoạt đã đổi khác, mỗi người có một nghề làm ăn, đời sống của một số anh em trở nên khá khá, không khỏi có người vì thiếu tu dưỡng mà trở nên cầu an. Chúng tôi bàn với nhau, dù những anh em ấy hiện nay có mặt nào yếu đi nữa, sau này lúc phong trào đòi hỏi, anh em cũng phải gánh vác phần trách nhiệm

Vấn đề duy trì cách làm việc tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật cũng được trao đổi.

Chúng tôi bàn lĩnh, phải khôn khéo hơn trong việc che mắt bọn địch; dù chúng kiểm soát gắt gao đến mấy cũng phải tìm cách đi xa hơn để tiếp xúc với cơ sở. Chúng tôi vẫn giữ vững chủ trương chuẩn bị thoát ly khỏi căn cứ an trí để về trung châu hoạt động. Lúc này biết trước các anh Giao, Lương, Hai ở Ban Mê Thuột sắp mãn hạn tù, thế nào cũng lên Ba Tơ, chúng tôi có ý chờ.

Về phương hướng hoạt động có bổ sung cụ thể thêm. Cần nắm vững và đẩy mạnh công tác binh vận, có thời cơ sẽ tổ chức cướp đồn, tổ chức đội du kích, lập chiến khu theo tinh thần khởi nghĩa từng phần nói trong nghị quyết 8 của Trung ương Đảng.

Mặc dù đang gặp nhiều khó khăn, trong lòng mọi người đều có một sự thôi thúc mạnh mẽ và một hoài bão to lớn trước tinh thần hoạt động ngoài căn cứ địa Việt Bắc và ở Bắc Sơn.

Chúng tôi dọn nhà ở xuống hẳn dưới Nước Năng, xây dựng cơ sở làm ăn ở Dốc Mỏ, vừa chăn vịt vừa trồng dâu nuôi tằm. Đất trồng trọt ở đây phải mướn mỗi năm trả một chiếc nồi bậy, một chiếc nồi ba. Đất thì đất chúng tôi vẫn phải mướn để lấy nơi tập hợp anh em cơ sở từ dưới trung châu lên bàn bạc công tác. Và lại nhóm anh Đôn và anh Khoách cũng đã quen nghề trồng dâu nuôi tằm, hàng năm có thể kiếm được ba, bốn chiếc nồi bậy. Tôi vẫn làm nghề chăn vịt. Tuy chúng tôi cũng làm ăn sinh sống như những anh em an trí khác nhưng bên trong chỉ bộ có quyết nghị mỗi đồng viên có trách nhiệm xây dựng quỹ tài chính cho Đảng nên bao nhiêu lợi tức chăn nuôi, trồng trọt, chúng

tôi đều nộp vào quỹ chung, chỉ chi dùng cá nhân những khoản cần thiết cho đời sống.

Một số cơ sở tốt từ vùng xuôi giả làm những người đi mua dầu, mua kén, hoặc đi làm thuê nương vườn cũng dần dần lần đường lên Ba Tơ gặp chúng tôi để bắt liên lạc. Anh C. vốn là tù chính trị cũ cũng tìm đến yêu cầu Đảng phân phối công tác. Chúng tôi giao cho anh ra Di Lăng liên lạc với anh em chính trị phạm ngoài ấy, bàn chuyện phối hợp hành động. Nhưng ở Di Lăng không có cơ sở Đảng nên nói chung anh em ở đây chỉ cố gắng giữ không làm gì có hại cho cách mạng.

Qua tình hình làm ăn và sinh hoạt của một số anh em ở cảng Ba Tơ, Di Lăng cũng như những anh em đã về nhà có cơ ngơi khá giả, chúng tôi thường trao đổi với nhau về vấn đề tu dưỡng đạo đức của người cộng sản.

Năm 1942, khi chuyển từ cảng Di Lăng sang Ba Tơ, anh Đôn đã nêu vấn đề giữ vững phẩm chất đạo đức và ý chí cách mạng với anh em an trí. Thật ra vấn đề này không đơn giản. Một mặt thăng địch ngày đêm theo dõi, rình mò, sơ hở một tí là bị bắt lại ngay; các tổ chức của ta ở địa phương, trong vòng trên dưới mười năm, lập rồi lại vỡ liên tiếp bao nhiêu lần, không khỏi có anh em nản chí, và lòng tin ở sự nghiệp cách mạng, lòng tin giữa những anh em cùng cảnh với nhau chừng nào có giảm sút. Mặt khác, khi ở trong tù, đấu tranh ác liệt đến mấy vẫn không lùi bước trước quân thù, bây giờ sinh hoạt đã đổi khác, mỗi người có một nghề làm ăn, đời sống của một số anh em trở nên khá khá, không khỏi có người vì thiếu tu dưỡng mà trở nên cầu an. Chúng tôi bàn với nhau, dù những anh em ấy hiện nay có mặt nào yếu đi nữa, sau này lúc phong trào đòi hỏi, anh em cũng phải gánh vác phần trách nhiệm

công tác với cách mạng. Cho nên trong những lúc gặp gỡ, trò chuyện với nhau hoặc khi tiếp xúc trong công việc làm ăn, chúng tôi thường khéo gợi việc tu dưỡng phẩm chất, ý chí cách mạng, cùng nhau nhắc nhở hoài bão to lớn của người chiến sĩ nguyện suốt đời cống hiến tâm lực cho Đảng để giành lấy ngày thắng lợi vẻ vang.

Vấn đề khó khăn của chúng tôi lúc bấy giờ là mất liên lạc với Xứ ủy. Tàu đũ hy sinh, H. đã bị bắt, biết đâu mà bắt mới. Chúng tôi tự an ủi với nhau: chủ trương của Xứ ủy vào thời kỳ này cũng phải xoay quanh nghị quyết của Trung ương. Ta cứ vậy mà làm.

Chúng tôi tiếp tục quan hệ với các anh em trung châu bằng cách mua dầu tằm, làm thuê mà mở các lớp huấn luyện. Một cơ sở cũ của đồng chí Tàu tên là Tr. rất hăng hái đã giúp chúng tôi triệu tập những anh em nông cốt ở các huyện trung châu lên dự lớp huấn luyện. Có lớp bốn người, có lớp sáu người. Ven bờ sông Ba Tơ đã biến thành nơi huấn luyện, cán bộ Việt Minh để tung đi khắp các nơi trong tỉnh Quảng Ngãi, Nội dung học tập gồm có tình hình và nhiệm vụ mới, công tác Mặt trận Việt Minh, điều lệ Việt Minh, v.v.. Những tài liệu huấn luyện nói chung đều dựa theo những tài liệu ở Ban Mê Thuột mang về. Đồng chí Đôn chủ trì các lớp huấn luyện. Tôi và Khoách không ra mặt, cho nên các học viên không biết chúng tôi. Sau khi lớp thứ hai bế mạc, chúng tôi mở một cuộc họp có cả anh em học sinh dự để nhận định tình hình, bàn công tác mới. Bãi cát ven suối Nước Năng được chọn làm chỗ họp. Bãi vắng, cây rù rì che khuất bóng người. Trời tối om, chẳng ghi chép gì hết. Kỷ luật dự họp rất nghiêm: không hút

thuộc, không hỏi tên, không tỏ mờ. Anh Đôn lời trước, tôi lời sau. Âm hiệu: lấy hai hòn đá gõ vào nhau ba cái. Trời đã tối, lại có tiếng nước róc rách xen lẫn tiếng gió thổi rung cây xào xạc càng làm cho không khí buổi họp thêm vẻ ly kỳ. Một số cơ sở mới ở dưới xuôi lên lấy làm bối ngỡ trước kỷ luật bí mật gắt gao của cuộc họp. Anh Đôn báo cáo tình hình quốc tế (Đồng minh thắng phát - xít Đức, Ý...), tình hình trong nước, trong tỉnh rồi nêu lên nhiệm vụ trước mắt là phải mạnh dạn và cấp tốc hoạt động mở rộng phong trào, tổ chức các tiểu tổ Việt Minh trong các giới, xây dựng cơ sở miền núi, tăng cường các công tác binh vận, chuẩn bị lập chiến khu, v.v. Các đại biểu vô cùng phấn khởi trước tình hình phát triển của phong trào cách mạng và hăng hái bàn bạc các công tác cứu nước.

Cuộc họp tiến hành trong một giờ thì giải tán. Trước khi anh em chia tay ra về, thay mặt tổ chức, tôi đứng ra căn dặn:

— Nắm được công việc rồi, các đồng chí hãy tận tụy hy sinh mà làm. Tuyệt đối không để lộ bí mật của Đảng. Thà mình chết, không để cho Đảng bị thiệt hại.

Anh em nhất trí hứa như vậy. Đến ba giờ sáng thì mỗi người một gánh dầu trên vai, rải rác theo nhau về trung châu. Nhìn từng toán cán bộ chia tay lần lượt đi về các ngã, lòng tôi tràn ngập niềm tin tưởng ở lực lượng cách mạng. Trong hoàn cảnh quân thù khủng bố gắt gao nhưng đảng viên và quần chúng cách mạng vẫn đứng lên gánh lấy sự nghiệp cứu quốc nặng nề, chúng tôi truyền thống đấu tranh của Đảng ta, nhân dân ta là bất diệt.

Sông Ba Tư ngày tháng lặng lẽ đổ nước về xuôi, tưới những cánh đồng phì nhiêu dưới trung châu. Anh

em cán bộ hết lớp này đến lớp khác lên nhân chủ trương, đường lối của Đảng từ trên núi rồi lại rở về xuôi gây dựng phong trào chuẩn bị cho một ngày quét khỏi từng bưng.

Lúc này chúng tôi rất bận rộn: một mặt sắp xếp công việc để kịp thời nắm mọi tình hình từ dưới trung châu báo cáo lên, mặt khác phải phân loại từng người ở các an trí Ba Tơ để dễ công tác. Đối với số anh em ở Ba Tơ, nếu ai còn ý chí chiến đấu và khả năng hoạt động được, chúng tôi động viên thường xuyên; số nào ngần ngại, chúng tôi tìm gặp họ để gợi lại cuộc đấu tranh vĩ đại của Đảng ta đã phát động năm 1930 - 1931 mà họ đã từng hăng hái tham gia. Chúng tôi tìm mọi cách gần gũi nhắc nhở họ trách nhiệm của người cách mạng trước tình hình phong trào cứu nước đang dâng cao. Cùng lúc đó chúng tôi cũng hết sức đề phòng bọn mật thám. Để mở rộng cơ sở cách mạng, chúng tôi chia nhau đi các nơi. Anh Khoách được phân công đi vào các cơ sở miền núi như ở Gia Nut, Cơ Nhất để củng cố và chuẩn bị điều kiện sau này nếu chúng tôi có thoát khỏi cãng thì có đất hoạt động. Tôi có trách nhiệm tìm gặp lại một số anh em có cảm tình từ thời kỳ còn ở tù và nay đã về ở vùng Ba Tơ. Tôi xuống Trường An tìm gặp anh Trần Toại (anh này hồi ở nhà lao Quảng Ngãi là bạn làm thơ với nhau). Anh Toại nhận việc một cách hăng hái. Còn hai người nữa là ông cai Điền và ông Du người Thượng, vùng Cơ Nhất, trước là lính khố xanh gác tù được chúng tôi tuyên truyền và đã có cảm tình với cách mạng. Cả hai đều tỏ ra tin tưởng ở sự thắng lợi của phong trào và hứa sẵn sàng giúp đỡ.

Anh Đôn, ngoài công việc chung còn được cử phụ trách công tác hình vận. Đôn Ba Tơ là một đồn sơn

phòng của thực dân Pháp. Trước kia có hai tầng đôi
lính khổ xanh, sau chúng điểu ra Di Lãng một tầng
đôi. Lúc tôi về Ba Tơ, tên quan một Phi-Mỹ chỉ huy
đồn Ba Tơ đã dời đi nơi khác. Tên quân Tráo thay thế,
hầu là một tên khá lợi hại. Chúng tôi làm quen với
bình lính trong đồn, có khi còn rủ họ đá bóng. Trận
đấu thường chia làm hai phe: phe khổ xanh một bên,
phe an trí và thanh niên một bên. Sau cuộc giao đấu
chúng tôi rủ anh em bình lính ngồi chơi tán chuyện,
qua đó dần dần tuyên truyền giác ngộ họ. Hàng ngày,
anh em tìm cách gần gũi bình lính thường, hiểu được
hoàn cảnh gia đình của họ. Có người gồng lưng con cái bị
ốm; bọn y tá trong đồn không chơi sóc, anh em an
trí ai biết tiêm thuốc đều đến cứu giúp, tận tình. Bất thần
bình lính có người bị sốt rét cũng nhờ anh em chữa
cho. Qua những việc làm thực tế, một số bình lính hiểu
được anh em an trí khác xa với những lời bia đặt tuyên
tạc của bọn quan Tây.

Sau một thời gian gây được cảm tình, chúng tôi tiến
hành tuyên truyền giác ngộ họ. Lợi dụng những lúc
họ có những thắc mắc gì về thời sự, chúng tôi có dịp lên
truyền. Mỗi lần được lý giải rõ ràng, họ lại kháo nhau:
«An trí giỏi, họ nói đúng đây». Chúng tôi nhắm vào số
cai, bếp trưởng, những người không ham mê cờ
bạc, không hống hách với quần chúng mà giáo dục họ.
Chúng tôi thường nói chuyện thời thế cho họ nghe và
đặt những câu hỏi: «Các anh canh gác những người
yêu nước vì lợi ích của ai? Các anh án lương phải trả
nợ bằng tính mạng mình; lúc đánh nhau, Tây chuyển
khố xanh thành khố đỏ, đưa ra trận chiến thay cho chúng
thì các anh nghĩ sao?». Anh Đôn tổ chức được ba đầu

mới. Nhưng về sau hình như tên quân Trần đánh hơi được sự giao thiệp giữa lính khố xanh và anh em an trí, nó đổi mặt hai người lên Di Lăng. Chỉ còn anh quyền L ở lại. Anh Đôn bảm chắc lấy anh này mà tuyên truyền cảm hóa và hồi dưỡng thêm.

Hồi bấy giờ chúng tôi bàn với nhau phải làm nhanh, làm tốt công tác hình vận vì nghĩ rằng sau này có lập chiến khu, tiến hành đấu tranh vũ trang hoặc cướp chính quyền thì các cơ sở trong hàng ngũ quân đội của địch sẽ có tác dụng hỗ trợ cho phong trào.

Anh Đôn rất chú ý nghiên cứu công tác này. Một hôm, anh hỏi tôi:

— Hồi các anh bị bắt giam ở huyện Sơn Tịnh, anh Chánh và anh vận động bọn lê-dương thế nào mà chúng nó nghe theo?

Tôi sực nhớ chuyện cũ từ năm 1931, liền đem kể lại ... Tháng 6 năm 1931, tôi bị giam ở nhà lao huyện Sơn Tịnh. Ở đây có một đại đội lê-dương do tên quan ba Pháp chỉ huy làm nhiệm vụ vây lùng cán bộ và gác tù. Lúc đầu chúng tôi không biết tiếng, cứ học nói tiếng «bồi» lồm lổm. Tên lái xe của thằng quan ba thường dẫn tôi đi rửa xe nên tôi lần la làm quen được. Tôi bèn nói với những anh em biết ít nhiều tiếng Pháp: «Lê-dương cũng có đưa mình nói nó chịu nghe. Anh em biết tiếng, vận động chúng nó đi». Anh em tù chính trị từ đó năng nói chuyện với số lính lê-dương. Có một người lính dẫn đồng chí Nghi (hiện nay ở ngành y tế) đi vác đá, nó thấy Nghi yếu liền vác giúp cho đến gần cổng đồn mới trả lại. Có lần ta giả cách lượm được truyền đơn đưa cho họ, họ vẫn cầm. Có một anh lính người Ba-lan còn đi h cấ truyền đơn ra tiếng Đức rồi

đưa lại cho ta in và rải cho lính Đức xem.

Việc vận động đang tiến hành thì đúng một cái, anh lính Ba-lan được giác ngộ bị bọn chỉ huy bắt quả tang đang dịch truyền đơn cho ta. Dịch nhốt anh vào xà-lim. Tên quan ba chỉ huy hỏi anh ta:

— Tại sao mày sang Đông Dương còn làm cộng sản?

Anh trả lời:

— Chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa quốc tế. Ở Đông Dương có áp bức, có người lầm lạc, chết mạng thì tôi theo.

— Ai tổ chức mày? Khai ra.

— Một mình tôi, chẳng có ai cả.

— Ai đưa truyền đơn cho mày?

— Nhiệm vụ của tôi, tôi làm.

Bọn dịch vận hỏi thế nào cũng không khai thác được gì thêm ở anh lính Ba-lan giác ngộ ấy nữa. Chúng kết án anh ba năm tù. Vào tù anh cảm hóa bọn lưu manh, bọn lính say rượu; ban đêm anh thường hát bài Quốc tế ca. Một số lính lê-đương khác kể lại chuyện ấy cho chúng tôi nghe và chính họ cũng đã biểu lộ thái độ đồng tình với anh lính bị bắt. Về sau, cũng do ảnh hưởng công tác binh vận của tù chính trị, binh lính lê-đương ở đây đã nổ ra một cuộc đấu tranh bãi thực để phản đối bọn quản lý bớt xén khẩu phần đã thắng lợi. Anh lính Ba-lan bị đưa qua nhà lao Quảng Ngãi.

Còn ở Hòa Bân, anh Chánh cũng vận động kết quả một số lính lê-đương ở đó. Số lính lê-đương ở đây đối xử tốt với anh em tù chính trị, họ không đánh đập khi ta đấu tranh. Do đã tuyên truyền giác ngộ được một số lính lê-đương ở đây nên có lần anh Chánh chủ trương tổ chức một cuộc bạo động bắt đầu từ một cuộc binh biến trong đám lê-đương, sau mới kéo lên chiếm huyện lỵ Sơn Tịnh rồi sẽ đánh thị xã Quảng Ngãi. Chủ trương

ây không được Đảng bộ bên ngoài chấp thuận vì phong trào xuống, địch khủng bố dữ dội, gây bạo động dễ bị lộ lực lượng và địch sẽ đàn áp. Thêm nữa việc liên lạc với cấp trên bị mất mối nên các đồng chí trong tù đau thời chủ trương bạo động.

Đến mồng 1 tháng 8, ngày kỷ niệm chống chiến tranh đế quốc, ở cả hai đồn Hòa Bản và Sưa Tĩnh, một số lính lê-dương mặc lễ phục, hát Quốc tế ca. Lập tức bọn chỉ huy ở hai nơi cho đổi số lính đó đi nơi khác để phân tán lực lượng, đồng thời, chuyển một số tù lên nhà lao lính trong đó có anh Chánh và tôi. Ở đó hai chúng tôi bên tổ chức một vụ trốn tù có võ trang. Nguyễn ở đồn Hòa Bản còn hai lính lê-dương được anh Chánh giác ngộ. Lúc địch điều toàn bộ số lê-dương ở đây ra Bắc thì hai anh này xin hoãn lại ngày 15 mới đi. Họ cho liên lạc đến gặp chúng tôi và nhận một ngày nghỉ lấy cớ là đi thăm bạn bè, họ lên tỉnh tìm cách gặp chúng tôi để bàn kế hoạch không đi ra Bắc, thoát ly hàng ngũ quân đội Pháp, đi theo cách mạng. Gặp họ, chúng tôi bàn chuyện lấy súng rồi cùng trốn.

Kế hoạch được bàn thống nhất với mấy anh lính lê dương là: đêm 13 tháng 10, đến phiên gác của họ, họ sẽ mang một số vũ khí ra ngoài sẽ có người dẫn đến một địa điểm nhất định để sáng ngày 14 tháng 10 sẽ cùng chúng tôi kéo lên núi. Nhưng chiều ngày 13, người liên lạc đảm nhiệm công việc dẫn mấy anh lính lê-dương, đã dao động, không dám lên gặp chúng tôi nhận kế hoạch. Cả đêm hôm ấy chúng tôi lo cháy ruột, cháy gan và chờ mãi cho đến lúc sáng bạch vẫn chẳng thấy tăm hơi một ai, chúng tôi đều bức bối thở dài.

Gần trưa thì mấy anh lính lê-dương đó lên gặp chúng tôi. Họ chỉ thẳng một câu:

Các anh là bọn hoạt đầu, nói rồi không giữ lời hứa. Thì ra đêm vừa qua từ 1 giờ đến 4 giờ sáng là phiên gác của họ. Họ đã lấy được hai khẩu súng trường, một khẩu súng lục, một khẩu tiểu liên, lại chuẩn bị sẵn mỗi người một bộ quần áo bà ba đen (quần áo này do chúng tôi đưa cho). Chờ mãi không thấy người dẫn đường đến họ đành phải trả súng vào kho.

Anh Nguyễn Chánh nghe họ nói thế liền giải thích:

— Chúng tôi cũng bực tức như các anh. Chỉ vì có người dẫn đường sợ chết, nên công việc không thành công.

Mấy người lê-dương cùng thở dài. Họ nói:

— Ngày mai, 15 tháng 10, chúng tôi ra Bắc hết.

Có hai người khóc. Họ mua bia cho chúng tôi uống. Khi chia tay, chúng tôi an ủi họ, khuyên họ dù đi đâu cũng đừng đàn áp cách mạng, hết sức ủng hộ người cách mạng.

Vụ trốn tù lần ấy, tôi tiếc suốt đời. Mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa rõ trong số người lê-dương giác ngộ kia, có ai vốn đã là đảng viên cộng sản bên xứ họ hay không. Đáng tiếc nữa là trong vụ trốn ấy, chúng tôi đã rủ được anh Đinh Lâu, một người dân tộc Rê, chống Pháp có tiếng, bị án chung thân, thường được anh em gọi là « Tướng núi ». Giả sử trốn ra được trót lọt, chúng tôi kéo nhau lên tuốt Sơn Hà cùng Đinh Lâu lập căn cứ vùng rừng núi thì hay biết mấy. (Anh Lâu được kết nạp Đảng ở nhà lao Quảng Ngãi).

Sau khi lính lê-dương ở Sơn Tịnh dời ra Bắc hết, anh lính người Ba-lan họ cũng bị địch đưa đi đày ở đâu không rõ. Hôm anh ta ra đi, anh em tù chính trị Việt Nam góp được năm mươi đồng bạc và mấy cái áo đưa tặng. Anh ta chỉ cầm mười đồng bạc. Bởi một

buổi sáng tinh mơ, ở nhà lao Quảng Ngãi, chúng tôi nghe họ vang khẩu hiệu bằng tiếng Pháp: « Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm! ». Thế là anh linh Lê-Dương Kỳ xa chúng tôi từ đây...

Tình hình công tác binh vận ở đồn Ba Tư tuy có tiến hành trong binh lính Việt Nam nhưng có điều khó vì địch đã có kinh nghiệm đối phó. Trong binh lính, chúng tôi chủ yếu bòn phùng nhi kiểm soát chặt chẽ; bên ngoài chúng tôi chủ yếu lười mật thám luôn luôn theo dõi chúng tôi. Tuy vậy, ta cũng đã đạt được mức tuyên truyền cho khá đồng binh lính hiểu rằng người căm hận mạng hoạt động vì nghĩa lớn, họ để quốc thống trị sắp hết thời, d. lính cho để quốc chỉ là lam bida đỡ đạn cho chúng v. v..

Tình hình ngày một khẩn trương. Giữa năm 1944, cơ sở quần chúng đã có rải rác ở các nơi. Chúng tôi đã bàn đến chuyện thoát khỏi cồng an trị. Nhưng bàn đi bàn lại mãi, cứ chần chừ vì chúng tôi biết các anh Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương sắp mãn hạn tù Ban Mê Thuột, thế nào địch cũng đưa về Ba Tư. Nếu chúng tôi hành động sớm thì lực lượng thoát ly đã ít, địch lại thấy động, chúng sẽ chuyển ba anh đi nơi khác, làm khó khăn cho các anh em khác và chúng tôi cũng thiếu những đồng chí trung kiên hoạt động.

Quả như chúng tôi dự đoán, khoảng tháng 7 năm 1944, anh Trương Quang Giao về, tháng 10 anh Trần Quý Hai, tiếp đến khoảng tháng 11 hay tháng 12, anh Trần Lương cũng về.

Được tăng thêm số người, chi bộ đã tăng thêm sức mạnh. Chủ trương của chi bộ lúc này là:

— Liên hệ với đồng bào Thượng để xây dựng cơ sở ở vùng núi, nghiên cứu tình hình đường sá.

— Liên hệ cơ sở cũ ở trung châu, khu an trí Di Lăng, các tỉnh hạn.

— Tích cực tìm liên lạc với Xứ ủy và Trung ương.

Anh Đồn hàn với anh Giao mở quán cất tặc, ở riêng một chỗ để dễ liên lạc với quần chúng cảm tình; việc sinh sống có anh em giúp đỡ.

Có một lần, anh đi xuống Suối Loa để liên lạc với cơ sở. Đi từ lúc gà gáy đầu đến sáng trở về, gặp chúng tôi anh có vẻ phấn khởi lắm. Anh kể lại:

— Tôi đi quãng đường núi nhân dân đồn rằng ở đó có lắm cộm, nên tôi phải nấp một chỗ chờ có toán người nào đi đường sớm mà theo họ. Chợt có tiếng người lao xao, tôi nghe một người nói: « Mấy ông cộm sản ở đâu không rõ, chứ ở vàng ta bây giờ mà có cờ, truyền đơn, bà con theo hết ». Tôi nghĩ đường lối đúng đắn của Đảng thấm vào quần chúng như vậy là một điều rất đáng mừng. Tôi đi đường cứ suy nghĩ mãi về chuyện này và trong bụng vui không nói hết.

Trong thời gian này công tác xây dựng cơ sở và chuẩn bị thoát ly được tiến hành khẩn trương. Anh Đồn đi vào vùng núi Cao Muôn thám dò tình hình và điều tra địa thế. Một hôm, anh trở về, tươi cười nói: « Tìm được một địa điểm tốt quá. Bốn phía có núi vây quanh, lại có suối nước trong lành. Đồng bào dân tộc trong vùng rất tốt. Chúng mình lọt được vào đây là làm được son cháu cụ Phan Đình Phùng »

Cuối năm 1944, phong trào ở trung châu đã được củng cố và phát triển rộng rãi, các huyện đều có chi bộ Đảng. Tình hình đó đặt vấn đề phải có một cơ quan lãnh đạo chung phong trào toàn tỉnh nên chi bộ Ba Tư lấy danh nghĩa Tỉnh ủy lâm thời và Ban chỉ huy khởi nghĩa.

Đầu năm 1945, lớp huấn luyện thứ ba vừa bế mạc thì Tết đến. Tết ở cãng an trí Ba Tư cũng vui đủ vẻ. Anh em ở các nơi lên thăm đều ở lại với chúng tôi. Đồng bào Thượng đổi cho được mấy vỏ rượu cần. Các nhà anh em ở đều có gói bánh chưng, bánh tét, giết gà. Anh em nào có tiền gia đình gửi lên cho thì góp lại làm thịt lợn. Nóm chúng tôi chần vịt cũng giết một số ăn Tết. Ba ngày Tết là một dịp công khai gặp gỡ nhau, trao đổi bàn bạc chuyện thời thế, củng cố quyết tâm cho nhau.

Cũng trong dịp này, chúng tôi họp bàn chủ trương thoát ly khỏi cãng an trí Ba Tư. Kế hoạch chung là sẽ phát động một nột rải truyền đơn, treo cờ đỏ sao vàng rầm rộ rồi bỏ trốn.

Hội nghị phân công anh Đôn, anh Khoách và tôi ở lại vùng Ba Tư, tiếp tục xây dựng và mở rộng phong trào đấu tranh xây dựng căn cứ cách mạng và tổ chức du kích. Anh Lương sẽ đi phía nam Quảng Ngãi phụ trách vùng Mộ Đức, Đức Phổ và bắt liên lạc với Bình Định. Anh Hai đi về phía bắc phụ trách các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn đồng thời tìm bắt liên lạc với Quảng Nam. Anh Giao là bí thư hoạt động ở vùng trung tâm, đồng thời tìm mối liên lạc với Xứ ủy hoặc Trung ương về xúc tiến việc lập lại liên lĩnh ủy Nam - Ngãi - Bình - Phú. Trước khi thoát ly, sẽ báo tin cho các anh em tiên tiến ở cãng an trí. Còn các anh em trung gian cũng sẽ thuyết phục họ hưởng ứng chủ trương chung. Lúc ấy, tài liệu đã được in khá nhiều. Cờ đỏ sao vàng cỡ dài sáu gang, rộng ba gang cũng đã bị mật may được một số. Đặc biệt có một lá cờ rộng hai khổ vải dành cho lợi du kích sau này cũng được may sẵn. Chúng tôi bàn nếu không có điều kiện khởi nghĩa thì trước

khí thoát ly khỏi cãng cũng sẽ treo là cơ này tại Ba Tơ. Lúc đầu, thời gian thoát ly định vào sau Tết. Nhưng chẳng may, anh Giao bị ốm, lơ lửng và hai chiến nên phải chờ đợi. Tranh thủ thời gian, các cơ sở sản xuất phải bí mật thanh toán các khoản để thu tiền làm quỹ cho Đảng.

Lúc đồng chí Giao đã bình phục, ngày thoát ly và phát động phong trào được quy định là ngày 15 tháng 3 năm 1945. Tình hình lúc này rất khẩn trương. Qua tin tức cơ sở các nơi báo lên, chúng tôi biết quân Đồng minh đã có liên hệ với bọn Pháp Đờ Gôn; còn bọn Nhật đã bắt đầu thất thế. Ngạc nhiên biển, tàu thủy của Nhật bị bắn cháy ngày một nhiều. Chúng tôi nhận định: lúc này là lúc tình hình sắp có nhiều chuyển biến, chủ trương thoát ly là rất cần thiết.

Mọi công việc đang tiến hành gấp rút thì xảy ra cuộc đảo chính đêm 9 tháng 3 năm 1945, Nhật hất cẳng Pháp.

CHƯƠNG II

BA TƠ KHỎI NGHĨA

Trưa ngày 10 tháng 3 năm 1945, cơ sở ở Sông Vệ lên gặp anh Tuyển báo tin Súng nổ nhiều lắm. Nhật đánh Pháp. Ở thị xã Quảng Ngãi, Tây thua chạy vào Cống Kiều, lên Suối Bùn nhiều lắm. Bình lính chạy ráo hết. Thằng quan tư cũng chạy rồi.

Chúng tôi dặn cơ sở giữ kín tin đó không để bọn làm đồn biết sớm. Tối hôm ấy Tỉnh ủy làm thời khai

hội để quyết định chủ trương. Chúng tôi ngồi xúm quanh một nồi than đỏ, phòng khi gặp bất trắc đốt giấy tờ cho nhanh. Ở ngoài, có anh Khóc rách gác.

Không khí hội nghị trang nghiêm khác thường. Những người dự hội nghị đều cảm thấy một trách nhiệm nặng nề đang đặt trên vai. Trông vẻ mặt người nào cũng kiên nghị lạ thường. Hai bình trà pha sẵn đã nguội, chẳng ai đụng đến. Thuốc lá rất sẵn nhưng cũng chẳng ai hút. Mọi người đang tập trung theo dõi báo cáo của đồng chí bí thư. Câu cứ vào sự phân tích của Hội nghị trung ương lần thứ 8 và những việc vừa xảy ra, hội nghị nhất trí đánh giá tình hình lúc ấy như sau:

— Bọn đế quốc mâu thuẫn với nhau sâu sắc dẫn đến chỗ tuy thực dân Pháp đã dâng xú Đông Dương cho Nhật từ năm 1941, nhưng bọn Nhật đang bị Đồng minh đánh bại, sợ bọn Đờ Gôn đánh sau lưng cho nên phải lật Pháp. Bọn Pê-tanh đầu hàng, một số phần tử theo Đờ Gôn có ý muốn chống Nhật nhưng bị cô thế, phải hàng Nhật nốt, hoặc kéo nhau chạy trốn. Việc Nhật hất cẳng Pháp không phải chúng tỏ chúng mau mà chỉ là một việc làm bị động thôi.

— Hồng quân Liên Xô thắng phát-xít Đức liên tiếp. Phát-xít Đức thua đến nơi, cách mạng thế giới nhất định sẽ bùng nổ ở nhiều nước.

— Ở trong nước, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã thành lập, căn cứ địa Việt Bắc đã mở rộng, uy tín Đảng ta to lớn, Mặt trận Việt Minh có cơ sở ở nhiều nơi.

— Riêng ở tỉnh Quảng Ngãi, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đang hưởng ứng các lễ chửi cừu nước, càng ngày càng căm thù bọn phát-xít, mong muốn mau chóng đập tan ách nô lệ. Phát-xít Nhật tuy

họ được thực dân Pháp nhưng chưa nắm được tay chân của Pháp, bộ máy của chúng ở nông thôn hoang mang, quần chúng sẵn sàng hưởng ứng hành động chống Nhật.

Đó là những thuận lợi cơ bản. Hội nghị cũng đánh giá một số khó khăn như: Nhật còn lực lượng quân sự lớn ở Đông Dương. Hồng quân Liên Xô ở xa, Hồng quân công nông Trung Quốc ở tận Hoa Trung, Hoa Bắc. Do đó sự chi viện trực tiếp của quốc tế sẽ rất khó khăn.

Hội nghị nhận thấy khẩu hiệu « đánh Pháp đuổi Nhật » không còn thích hợp với tình hình nữa. Nhật đã trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương, nhưng tàn tích phát-xít Pháp ở Đông Dương không phải đã hết. Hội nghị đề ra những khẩu hiệu mới là:

— Đánh đổ phát-xít Nhật.

— Bật tay với những người Pháp Đờ Gôn chống Nhật, tẩy sạch phát-xít Pháp ở Đông Dương.

— Thành lập chính quyền cách mạng nhân dân.

Vấn đề tranh luận gay go nhất là chủ trương hành động. Nên giữ chủ trương cũ là phát động phong trào toàn tỉnh rồi thoát ly khỏi cảnh an trí hay bạo động khởi nghĩa cướp đốn, lập đội quân du kích?

Có ý kiến cho rằng tuy điều kiện khách quan đang phát triển có lợi cho cách mạng nhưng điều kiện chủ quan chưa đầy đủ; cần phải cân nhắc tình thế để chín muồi chưa; hiện nay lực lượng quần chúng còn ít, muốn bạo động khởi nghĩa mà trong tay chỉ có dao con thì làm sao địch nổi với súng đạn, làm sao cướp được chính quyền? Vậy cứ làm theo phương hướng cũ là treo cờ, rải truyền đơn rồi thoát ly. Phong trào cả tỉnh rầm rộ, có tiếng vang, nhất định thắng Nhật

sẽ đi lung. Anh em thoát ly sẽ hòa mình trong quần chúng, bí mật điều tra sẽ rõ ai tốt, ai xấu, từ đó mà củng cố và phát triển cơ sở, mở rộng các tổ chức cứu quốc.

Ý kiến đa số cho rằng tình thế đã chín muồi, không thể bỏ lỡ thời cơ; nhất thiết phải tiến hành bạo động khởi nghĩa, cướp đồn Ba Tơ, lấy súng địch trang bị cho mình, lập đội quân du kích, gây thanh thế cho phong trào cứu quốc trong toàn tỉnh. Phát động khởi nghĩa trong phạm vi Ba Tơ, lập được chính quyền cách mạng ở Ba Tơ, sau đó tiến hành võ trang tuyên truyền xây dựng căn cứ chống Nhật là chám ngôi cho phong trào khởi nghĩa ở trung tâm.

Trong cuộc họp, anh em đem tình thần nghị quyết 8 của Trung ương để soi sáng phương hướng. Căn cứ vào chủ trương: «Khởi nghĩa từng phần, trong từng địa phương, mở đường cho tổng khởi nghĩa to lớn» trong nghị quyết 8, hội nghị đi đến nhất trí: tiến hành khởi nghĩa ở Ba Tơ. ❀

Sau đó, hội nghị bàn rất kỹ cách bạo động khởi nghĩa, cách cướp đồn; khởi nghĩa rồi làm gì; lập chính quyền cách mạng ở Ba Tơ ra sao; phát triển chính quyền đó trong trường hợp thắng lợi cũng như tạm thời bị thất bại như thế nào; bạo động khởi nghĩa cướp đồn Ba Tơ, nên dùng áp lực quần chúng hay bí mật tập kích.

Nói đến hoạt động võ trang, tôi rất thích. Năm 1930 tôi làm trưởng đội xích vệ xã, và lúc còn ở trong tù, tôi thường ra công học quân sự. Nay nghe nói đến chuyện võ trang bạo động tôi thầm nghĩ: «Món này hợp với mình đây». Anh Đôn và tôi đã trao đổi vấn đề này từ buổi chiều. Ta đã nắm được một số binh

linh, có thể dùng lối bất ngờ đánh úp mà lấy đồn Bọn
linh trong đồn ban đêm thường về nhà riêng đến bảy,
tám giờ sáng hôm sau mới lên đóng đồn. Buổi sáng,
giờ đi làm danh, khi anh em trên lên trình diện, chúng
thường chỉ để lại một, hai tên gác. Chúng tôi chú ý
lợi dụng chỗ sơ hở ấy. Tôi đề nghị kế hoạch với hội
nghị:

- Ta phải dùng kỹ tập. Sáng mai, anh em kéo độ 14,
15 người đến trình diện, nên đi vào lúc bọn lính về
nhà riêng chưa lên đồn. Ta sẽ xuất kỳ bất ý diệt tên
lính gác, cướp súng. Còn vài ba tên hèn trong, ta dùng
giáo mác diệt thật gọn là lấy được đồn.

Kế hoạch nghe cũng tầm tàm được. Nhưng có anh
em hỏi:

- Nhỡ bị lộ thì làm thế nào?

Tôi chưa biết trả lời ra sao thì một đồng chí dũ nói:

- Có gì đi nữa thì tại lính khố đỏ cũng còn ở tận
dưới Suối Bùn, còn tên quan tư khố xanh chưa kịp lên
đây. Nếu ta cướp được đồn, khi chúng nó lên, ta đã
có vốn ăn nói, buộc chúng nó cùng theo ta chống
Nhật. Nếu chưa cướp được đồn, thì ta phát động quần
chúng võ trang biểu tình làm áp lực, chặn đón bọn
Pháp đang chạy lên Ba Tơ, buộc chúng giao đồn cho
ta. Kế địch có võ trang, ta cũng phải tiến hành võ
trang bạo động kết hợp với áp lực chính trị của quần
chúng.

Có ý kiến hỏi:

- Cướp được đồn rồi, bước thứ hai làm gì?

Hội nghị lại tiếp tục bàn hai vấn đề: Tổ chức chính
quyền cách mạng Ba Tơ và lập đội du kích. Phải có
một tổ chức võ trang để tiến hành võ trang tuyên
truyền, xây dựng nông cốt cho lực lượng khởi nghĩa

về sau. Điều này phù hợp với tinh thần nghị quyết 8 của Trung ương trong đó có nói: «tổ chức các tiểu tổ du kích, du kích chính thức». Phong trào du kích Bắc Sơn đã nêu một tấm gương sáng chói.

Sau khi thống nhất chủ trương và kế hoạch, hội nghị quyết định cử ra một ban chỉ huy bạo động. Tôi được chỉ định làm trưởng ban, anh Đồn làm phó ban. Các đồng chí Trần Lương, Trần Quý Hai cũng được cử vào ban này. Nhiệm vụ của các đảng viên là phải quyết tử, gương mẫu lãnh đạo cướp đôn bằng được. Hẹn bốn giờ sáng ngày 11 tháng 3 năm 1945 phải có mặt đầy đủ để bắt tay vào hành động.

Cuộc họp của Tỉnh ủy làm thời kéo dài đến một giờ sáng mới xong. Liên tục đó, đồng chí Trương Quang Giao mời tất cả những anh em ưu tú hăng hái tích cực hoặc cảm tình của Đảng phải lên chủ trương khởi nghĩa, bàn việc tổ chức đội ngũ võ trang bạo động và phát động quần chúng Kinh, Thương ở Ba Tơ giành chính quyền.

Họp xong, chúng tôi lặng lẽ ai về nhà nấy. Những anh em ở xa thì ngủ lại nhà anh Đồn. Tôi trở về chỗ các anh Đức Lạc, Xuân, Triêng và anh Sáu Trần. Theo chủ trương chung, tôi về phổ biến thêm nhiệm vụ cho anh em ở nhà.

Đêm ấy, chúng tôi đề nghị tất cả mọi người không được ra khỏi cổng. Trời tối, tôi ngồi trong đêm nói chuyện với anh em mãi đến hai, ba giờ sáng. Khi anh em đã đi nghỉ cả, còn lại một mình tôi ngồi nghĩ tới cuộc bạo động sắp đến, tình cảm trong người cứ dạt dào. Nhớ lại từ những ngày sôi nổi của phong trào năm 1930 - 1931 đến nay, khi Đảng ta ra đời

lãnh đạo cả h mạng, cùng với nhân dân toàn quốc, nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vùng lên làm cách mạng đánh đổ áp bức bóc lột của bọn thực dân phong kiến, giải phóng dân tộc. Nhưng đã bao lần kẻ thù đã tập tắt phong trào trong biển máu. Trong các cuộc khủng bố trắng đó biết bao đồng chí và quần chúng cách mạng đã hy sinh, bao nhiêu nhà tù mới dựng lên đầy ắp những người yêu nước. Và chính nhờ có sự hy sinh vô cùng dũng cảm và cao quý của những người đảng viên, của quần chúng cách mạng đó nên mới có được tình hình ngày nay. Nay thời cơ đã đến. Lúc này không thể do dự được. Chần chừ sẽ hỏng, sẽ mất thời cơ, sẽ có tội với cách mạng, có tội với lịch sử. Bao nhiêu năm tham gia phong trào cách mạng, lần đầu dùng vũ lực đối mặt với kẻ thù; có thể đổ máu hy sinh; điều đó không mấy may mắn ngại. Chỉ lo làm sao đối phó kịp với tình hình thay đổi bất ngờ và làm sao giữ được bí mật cho tới phút bắt đầu hành động. Tôi ngồi nghĩ đến cả bước đi, nét mặt của mình làm sao lừa được tên lính gác và bất ngờ diệt gọn chúng nó. Dù phải hy sinh cũng phải làm gương lấy đó cho anh em khác xông lên.

Đêm ấy trời không trăng. Tôi ngồi lắng nghe mọi động tĩnh trên thung lũng Ba Tơ, đặc biệt là khu vực đồn lính. Tiếng gà gáy chó sủa từ những làng bên kia sông vọng lại cũng làm cho tôi chú ý. Đôi lúc ngoài dương có tiếng chân đi rậm rịch. Thường ngày, cũng vào giờ này, những người ngược rừng đi qua xóm nhỏ Ba Tơ, nhưng hôm nay nghe bước chân họ tôi cố phân tích, phán đoán xem có hiện tượng gì khác thường xảy đến không. Tiếng mõ, tiếng cồng buồn bã từ trên đồn vẳng xuống. Chỗ chỗ tôi lại đi ra ghé mắt nhìn sang nhà kiểm lý phía sau. Nơi ấy vẫn im lìm không

một tia sáng. Theo kế hoạch đã định, anh Đôn được phân công xuống Trường An phát động quần chúng biểu tình tham gia lực cho đội quân khởi nghĩa, đã ra đi từ lúc còn mờ đất.

Đúng hẹn, anh em các nơi đã tụ họp đông đủ. Chúng tôi không thấp đèn, Anà Phong đi dò xét tình hình. Tôi ngồi chờ ở nhà. Anh Phong trở về, Mối bước chân vào đầu ngõ, anh đã vừa lắc đầu vừa cười, "Tôi nóng ruột quá, chạy ngay ra hỏi :

— Sao ?

— Hồng rồi !

— Thế nào mà nói là hồng ?

— Linh đầy đờn. Chúng nó đóng chặt cửa. Vẫn có hai thủng gác, nhưng gác tựa phía trong. Những lên linh khác đã lên thành, nạt nịt gọn gàng, lưới lẽ cấm đầu súng.

Thế là bọn Huh đã biết tin Nhật đảo chính. Chúng nó bạo động, canh gác gắt gao. Kế hoạch kỹ lập không thành. Bảy giờ mà xông vào chỉ đổ máu vô ích.

Ban chỉ huy bạo động họp cấp tốc quyết định : Vô trang biểu tình lên về xuôi, bắt bọn sĩ quan đang chạy trốn, cưỡng bức chúng ký giấy giao đũa cho ta. Chúng tôi lại được tin thêm : một tên quan tư Pháp — chỉ huy của bọn lính khố xanh — đang đi từ Mộ Đức lên và ở dưới Suối Bùn cũng có hai tên đội khố đỏ chạy về hướng Ba Tơ. Thế là chúng tôi, một đoàn hai mươi người, kẻ xách mác, người cầm rựa, có nhiều anh em vác cả xẻng, cuốc kéo ra đường cái về xuôi.

Lần này chúng tôi quen sống phân tán từng nhóm lẻ tẻ, tránh « quần tam tụ ngũ » cho địch khởi nghĩ ngờ, tại nay đi cả một đoàn đông đảo, có hàng ngũ hẳn hoi, khí thế bừng bừng. Mặc dù trong hàng, anh

thì mặc bà ba đen, anh thì chỉ đánh một cái quần đùi, nhưng chúng tôi vẫn thấy say sưa về sức mạnh của tổ chức, của chính bản thân mình. Chính trong lúc cả đoàn rầm rập bước đi trên đường cái dưới ánh nắng mặt trời rực rỡ, tôi mới cảm thấy thấm thía hai tiếng « tự do ». Giờ phút phá xiềng đã bắt đầu. Tự do thật sự đã đến với chúng tôi.

Đoàn biểu tình đi quá Đốc Mỗ thì gặp tên đội Phổ đang cưỡi ngựa đi dọc đường về xuôi để đón bọn quan và lính từ Quảng Ngãi lên. Nó cái trang như dân thường. Thấy chúng tôi, nó hỏi trước :

— Các anh kéo đi đâu và định làm gì đây ?

Cùng một lúc, nó thò tay vào túi. Anh Kloach quát :

— Đánh bỏ mẹ nó đi. Máy muốn rút súng à ?

Đội Phổ liền rút tay ra. Một đồng chí nói to :

— Chúng tôi không phải là an trí nữa. Bây giờ cách mạng nắm quyền rồi, chúng tôi tự giải phóng. Chúng tôi tự do. Các anh bại trận rồi.

Lần đầu tiên được nghe một câu nói mà từ trong lòng những người cách mạng muốn nói sau bao nhiêu năm bị áp bức, ai cũng sướng. Đội Phổ thấy có thể đánh hạ giọng :

— Tôi có phân sự của tôi. Thấy các anh đồng người thì tôi hỏi thăm. Các anh cứ đi, tôi có dám làm gì đâu.

Có lẽ vì sớm thỏa mãn trước cái cảnh « thay bạc đổi ngôi » đột ngột này mà anh em chúng tôi đã quên làm một việc rất cần thiết là giữ tên Đội Phổ lại, khám người nó, có súng thì tước luôn.

Đi được một quãng nữa, chúng tôi lại thấy một tên lính khố xanh thấp thoáng phía trước. Thấy đoàn biểu tình, nó lẩn vào quán, chuồn mất. Chúng tôi lại phạm một sơ xuất khác là lo đi bắt Tây, không tổ chức truy

thằng này để lấy súng. Đến Suối Lou thì trời đã trưa : anh em quên cả đói cả mệt, cứ hùng dũng kéo đi. Dọc đường gặp một chiếc xe kéo từ mạn dưới đi đến. Trên xe, một thằng Tây bung phe ngồi chễm chệ. Nó mặc quần phục, « lon lểc » đầy đủ. Chẳng biết nó chui lườn ở đâu ra mà bộ quần áo ni ướt sũng. Tôi liếc thấy nó đeo bên hông một khẩu súng lục. Chúng tôi cho một số anh em tới chặn nó lại. Anh Giao cử anh Phạm Sanh biết tiếng Pháp ra nói với nó : « Nhật đánh các anh, các anh không dám chống, lại bỏ chạy. Bây giờ chúng tôi đứng lên đánh Nhật, các anh hãy giao đồn và vũ khí cho chúng tôi rồi cùng đánh Nhật, chống Pháp Pê-lanh »

Lúc này thằng quan tư đã bị chặn lại nhưng bản vẫn cố giấu vẻ mặt bại trận để tiếp người của ta. Giữa lúc anh Sanh đến nói chuyện với t o quan tư, chúng tôi tranh thủ bàn chớp nhoáng để quyết định cứ người về trung châu và chọn số người ở lại.

Một lúc sau anh Sanh trở lại báo cáo :

— Nó chịu rồi. Nó đồng ý hoàn toàn chủ trương của ta.

Anh em chưa kịp mừng thì Sanh đã nói tiếp :

— Nó xin cho về đồn rồi sẽ bàn bạc tiếp chứ một mình nó không có lính không đánh được Nhật. Nó kêu mệt, cả đêm không được ăn uống gì.

Chúng tôi đều nhận thấy ngay, trong cuộc thương lượng vừa rồi, anh Sanh không nói đúng tinh thần của ban lãnh đạo khởi nghĩa.

— Thế bây giờ nó còn ở đây hả ? — Một đồng chí hỏi gắt.

— Tôi cho nó về rồi. Xe kéo nó lên Ba Tơ... Nó sợ Nhật đuổi theo.

Bấy giờ anh em chúng tôi mới ngã ngựa người ra. Ai này đều bực tức. Kế hoạch bắt Tây giao đồn thì là hỏng. Lập tức, các đồng chí trong lĩnh ủy lâm thời lúc ấy kéo nhau vào trong một chòi canh, họp kiểm điểm tình thần chấp hành nghị quyết. Chúng tôi nhanh chóng nhận thấy rằng việc lãnh đạo thì ulla kiện quyết, chưa thật tập trung vào việc c. Lĩnh Hội nghị bị bị bắt phê phán thái độ rụt rờ, hừa khuynh, đã dè dặt thái cơ, không nắm chắc thế tất công Đảng lẽ trước súng, giữ tên quan tư lại, dẫn nó lên đồn Ba Tư hoặc nó hạ lệnh giao đồn cho ta thì chúng tôi đã thả cho nó đi. Thế là trong một buổi sáng, vì thiếu kinh nghiệm, thiếu cảnh giác nên chúng tôi đã phạm liên tiếp mấy lần sai lầm trong hành động.

Hội nghị quyết định dứt khoát phải làm cuộc khởi nghĩa lấy đồn Ba Tư. Khả năng cướp đồn bằng kỹ thuật không còn nữa, nhưng hội nghị nhận định rằng: từ quan đến lính trong đồn Ba Tư đã hoang mang, dao động, nơm nớp lo quân Nhật lên vây bắt, do đó chúng nhất định không dám liều mạng cố thủ. Vì vậy khả năng thương lượng, bắt địch trao đồn, trao vũ khí cho ta vẫn còn. Muốn vậy, một mặt ta vẫn tiếp tục cử đại biểu vào buộc bọn chúng liên hiệp cùng ta, trao vũ khí cho ta đánh Nhật.

Mặt khác, mặt chủ yếu và có tác dụng quyết định là việc ta phải cử người tỏa đi phát động mạnh mẽ đông đảo quần chúng kinh, Thượng sử Trương An, Suối Loa... lên Ba Tư phối hợp với lực lượng xung kích, dùng áp lực quần chúng và uy thế của cách mạng mà cướp ngay chính quyền ở Ba Tư đêm nay. Thêm nữa, muốn công việc được thuận lợi hơn, hội nghị chủ trương đẩy mạnh công tác binh vận, tranh thủ đa

số binh lính trong đồn ủng hộ việc khởi nghĩa của ta hay ít nhất họ cũng giữ thái độ trung lập. Tình hình này là một cơ hội tốt để ta làm công tác tuyên truyền địch vận.

Đề phân tán lực lượng dân áp của phát-xít Nhật, đề ủng hộ và khuyến khích tương thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, hội nghị của chủ trương phát động quần chúng rộng rãi, nếu có điều kiện tiến hành bạo động cướp chính quyền một số nơi ở đồng bằng để hưởng ứng và bảo vệ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

Tỉnh ủy lâm thời phân công lại :

- Bộ phận chỉ huy cướp đồn đờ tới làm chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Đồn làm chính trị ủy viên.

- Bộ phận về trung tâm do anh Trương Quang Giao, anh Trần Quý Hai và anh Trần Lương phụ trách.

Một số anh em khác như anh P, anh Sáu Trần tỏa ra các nơi làm công tác tuyên truyền ủng hộ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

Lúc ch a tay đi làm nhiệm vụ, anh Trương Quang Giao nắm lấy tay anh Đồn và tôi, dặn dò : « Nhất thiết sống chết gì cũng phải cướp cho được đồn Ba Tơ. Chúng mình sẽ huy động quần chúng trung cứu hưởng ứng các cậu ». Để giữ bí mật trong khi liên lạc với nhau và để biểu lộ quyết tâm cướp cho được đồn Ba Tơ chúng tôi lấy tên đồn Ba Tơ đặt tên cho ba anh : anh Khâm lấy bí danh là Đồn (nay gọi là Đồn), anh Giao lấy tên là Ba, còn anh Khế là Tơ (nay là Trần Quý Hai).

Đường lên Ba Tơ còn 12 ki-lô-mét. Tâm trạng chúng tôi lúc trở lại có khác khi đi. Cái cảm giác tự do thoải mái say sưa của những con chim sổ lồng đã qua, nhường chỗ cho sự lo lắng với trách nhiệm nặng nề trước mắt. Quay trở lại Ba Tơ là một chủ trương kiên quyết, biểu

lộ quyết tâm đương đầu với lực lượng võ trang đầy đủ súng ống của địch, quyết tâm cướp chính quyền.

Về đến Ba Tơ, trời đã xế chiều. Lúc này quần chúng các nơi đang tụ tập kéo đến tập hợp chờ đợi mệnh lệnh. Truyền đơn, biểu ngữ được tung đi khắp nơi gây nên một khí thế rầm rộ. Hai giờ chiều, chúng tôi cứ anh Phạm Sanh và hai anh nữa vào đồn thương lượng. Lần này chúng tôi dự kiến: cạy cửa vào hang không phải dễ bắt, nhưng có khả năng còn tận dụng. Lời hứa của bọn cáo già thực dân tin làm sao được. Quả nhiên, một giờ sau, anh Sanh và hai anh kia trở ra, lắc đầu bực tức. Thì ra thắng quan tư đã chơi xấu ta một võ. Lúc anh Sanh vừa nêu yêu sách ra, nó liền đưa cho anh một khẩu súng lục. Anh lúng túng chẳng biết mò tề gì cả. Nó lại đưa tiếp một quả lựu đạn. Anh em không ai biết mở chốt lựu đạn. Thắng quan tư này liền trả lời rằng ta không biết sử dụng vũ khí, không chỉ buy được, rồi hần rủ anh em ta đi ra Di Lăng kéo lên Công Tum cố thủ chống Nhật. Thế là nó không giao đồn và giao súng cho ta. Cả yêu sách để ta giải thích cho binh lính, chúng cũng gạt nốt. Chúng tôi càng thấy rõ bản chất ngoan cố của bọn thực dân thống trị, dù chúng đã thất thế. Tuy vậy qua thái độ lẻo lá của địch, chúng tôi cũng rút ra được một nhận định có ích: Bọn địch đang tính chuyển rút lên Công Tum, chúng tỏ chúng nó đã dao động tợn. Chúng nó sợ Nhật, nhất gan cướp đuôi chạy trốn chứ đánh chác gì, chỉ lên giọng lẻo mà thôi. Nếu ta kéo đánh, ắt chúng phải tan rã. Do nhận định ấy, chúng tôi thấy thương lượng không ăn thua, chỉ còn có cách duy nhất là võ trang bạo động, lấy lực lượng quần chúng làm áp lực cướp đồn thôi.

Cùng lúc đó, tin tức từ các nơi đồn dập bay về. Quần

chúng cách mạng đã đồn cây rừng ngã la liệt, chân đường quân Nhật từ Mộ Đức lên, đèo Đá Chát đã bị phá vỡ, cầu lớn ở vùng Liễu Lý. Trườg An, quân chúng vẫn đã lấp cả đường. Nhiều đoàn biểu tình đang rầm rập kéo lên Ba Tơ phối hợp hành động. Cả buổi chiều ngày 11 tháng 3 nao động khác thường. Chúng tôi cấp tốc đến gặp quyền L., cơ sở binh vận trong đồn, báo anh ta :

— Anh phải bí mật mang một ít súng ra ngay. Lúc này là lúc lập công chuộc tội đấy.

Quyền L. hứa nhất định sẽ làm đúng theo lời chúng tôi.

Gần bốn giờ chiều, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Quần chúng các nơi tập hợp trước cửa đồn, ngay trên bãi đá bóng. Đồng bào Kinh, Thượng sát cánh bên nhau rầm rập bước vào bãi, tay cầm những mũi lao mới mài sáng lấp lóe. Quần chúng Ba Tơ bao nhiêu năm chịu cảnh tủi nhục nay đã quật khởi vùng lên. Truyền đơn bay như bướm bướm kêu gọi đánh đổ phát-xít Nhật, cướp chính quyền, ủng hộ Mặt trận Việt Minh. Cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới. Màu cờ tươi thắm, mới lạ, thu hút sự chú ý đặc biệt của quần chúng. Tiếng hô khẩu hiệu vang dậy núi rừng. Anh em cử tôi đứng lên nói chuyện, kêu gọi nhân dân đoàn kết tiến lên giành chính quyền, dùng uy lực của mình cướp đồn Ba Tơ. Tôi nói về thời cơ thuận lợi, về mặt trận Việt Minh và nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Những tiếng hô khẩu hiệu lại vang lên :

— Đánh đổ phát-xít Nhật! Tẩy sạch phát-xít Pháp ở Đông Dương! Bắt tay Pháp Đờ Gòn!

— Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!

— Ủng hộ Mặt trận Việt Minh!

Cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình tuần hành thị uy. Gương gáo rùng rùng lảo đi các ngã. Khoảng 8 giờ tối, quyền L. đưa ra được bốn khẩu súng trường. Trưa hôm ấy anh Đôn gặp một tên lính khố xanh ở cầu Nước Năng, trước được thêm một khẩu nữa. Đây là những khẩu súng đầu tiên nằm trong tay các chiến sĩ cách mạng. Chúng tôi mang súng dẫn đầu đoàn biểu tình võ trang. Một bộ phận chúng tôi kéo thành tời nhỏ kiểm lý. Vừa gặp lúc chúng đang họp, một đồng chí trong chúng tôi quát:

— Im không cục cựa. Hôm nay chính quyền cách mạng đã thành lập. Các anh phải hàng ngay, có bao nhiêu súng nạp hết.

Cả bọn giơ tay. Tên kiểm lý Bùi Danh Nghĩa run sợ, gọi lính lệ mang súng ra nộp. Chúng tôi thu được năm khẩu súng trường Rơ-manh-tông. Bốn quan lại, cường hào bị giam hết.

Đoàn võ trang bí mật quay trở lại bao vây đồn lính. Trước đồn có bờ hào. Chúng tôi nấp cả vào đó. Nhìn bên trong, vẫn thấy còn lính gác, tôi hô lớn:

— Quân cách mạng đánh Tây, đánh Nhật. Anh em binh lính Việt Nam hãy quay về với cách mạng.

Liền đó, tôi bắn một phát súng. Anh Đôn bắn tiếp một phát. Trong đồn bắn ra một vài viên đi đệt. Chúng tôi nã luôn một loạt nữa làm cho ngói gạch trên mái nhà đổ xuống. Bỗng bên trong đồn có tiếng quyền L. hô:

— Các anh an trí lấy đồn, quan Tây sợ còn chạy nữa là anh em ta. Hàng đi. Các anh an trí chẳng giết đâu.

Tôi lên tiếng gọi luôn:

— Ai hạ súng hàng thì sống, ai chống cự sẽ chết.

Cùng một lúc, trong đồn có tiếng ồn ào. Lính khố xanh lủi rủi kêu van:

— Xin hàng, Xin hàng.

— Mời các anh an trí vào.

— Xin hạ súng, mời vào.

Cồng dồn mở toang. Chúng tôi nhứt loạt xông vào, quát lớn:

— Tất cả bỏ súng xuống. Ai đứng đầu ở nguyên đây.

Lửa được rùng rùng áp vào đồn soi tỏ những cánh tay run rẩy của binh lính giờ lòa xin hàng. Nhiều tên dưng không vững nữa.

Tôi hó:

— Từng người một, ra tay không. Tập hợp ở đây.

Bọn lính lùi thối bước tới. Tất cả có hai mươi tám tên. Tôi không thấy thẳng quan tư đâu cả. Quyền L. nói trước:

— Lúc ngoài cổng đồn làm mít-tinh, thẳng quan tư nghe tiếng còi và tiếng chân người rầm rập, thế là hấn lòi hai tên lính lên ngõ sau đồn, chạy mất.

Thì ra thẳng Tây vừa sợ cách mạng vừa sợ Nhật nên đi chuồn. Tiếng còi mà quyền L. nói là do tôi thổi. Không biết trước khi mít-tinh, có đồng bào nào đã trao cho tôi một chiếc còi (loại mà bọn sĩ quan Nhật hay dùng), tôi rúc lên mấy hồi để dọa địch trật tự mít-tinh. Chẳng ngờ tiếng còi đó đã góp phần làm cho thẳng quan tư bỏ vía, chạy trốn.

Lúc này, ngoài cổng đồn trống mỗ giống lên âm ỉu. Lửa được từ mạn Trường An lại từng đợt kéo đến. Chúng tôi tuyên bố với binh lính:

— Chúng tôi là quân khởi nghĩa Ba Tơ cùng nhân dân cướp tôn. Các anh đã bằng thì cho về, mang theo đồ riêng, của ai người này nhận. Từ nay về sau ai làm phản, cách mạng sẽ không dung tha.

Cả bọn dạ ran, xin được về với vợ con. Các chiến

sĩ khởi nghĩa hươ được đi thu lượm chiến lợi phẩm. Mười bảy khẩu súng trường chất thành một đống. Năm mươi hòm đạn được kênh ra, chất đầy một góc sân. Tiếng reo hò vang dậy. Quân chúng kéo vào khua đuốc, đánh trống mừng thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Hai mươi tám chiến sĩ khởi nghĩa tập hợp ngay ngắn trước sân. Khi thấy đoàn quân chiến thắng trong thất hùng dũng. Cờ tam tài đã bị hạ xuống. Chúng tôi làm lễ treo cờ đỏ sao vàng. Mau cơ cách mạng đỏ thắm tung bay trong ánh đuốc sáng rực. Những gương mặt kiên nghị, phấn khởi, tin tưởng hướng cả về lá cờ lần đầu được kéo lên trên đất Quảng Ngãi. Bài hát chào cờ trầm trầm vang lên. Hồi ấy, chúng tôi chưa biết bài «Tiến quân ca» mà còn hát một bài học được trong tù câu mở đầu là: «Muốn năm tung bay bóng cờ...» Tuy vậy, giữa không khí trang nghiêm, lời hát đó cũng đã gây cho mỗi người một xúc động sâu sắc.

Khởi nghĩa đã thắng lợi! Chính quyền đã về tay cách mạng! Một đội ngũ vô trang gồm hai mươi tám tay súng đã uy nghiêm đứng dưới cờ. Ủy ban bạo động tuyên bố:

- Chúng ta là đội quân của giai cấp vô sản, hôm nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã chiến thắng. Từ giờ phút này, đội du kích Ba Tư thành lập. Nó là một trong những đội quân vô trang của Đảng mở đầu cho những hoạt động quan sự to lớn về sau. Có lệnh trên, các đồng chí phải kiên quyết tiêu diệt địch.

Quần chúng ba hũ, bốn bên tràn đến reo hò, hoan hô. Ngày đêm ấy, chúng tôi phân công anh Xuân, anh Hạnh đi mượn thuyền cả giấu bớt đạn được chỉ để lại năm hòm đủ dùng. Những người chủ thuyền có cảm tình với cách mạng từ trước, được giao nhiệm

vụ, háng hái nhân ngay. Bến thuyền lúc này cũng rừng rạc lửa đuốc. Đoàn thuyền tải đạn rời bến cấp tốc. Bên đồng chí được Ủy ban bạo động chỉ định phóng ngựa, cầm cờ đỏ sao vàng đi lên các cơ sở miền núi loan báo cho đồng bào Thượng tin Ba Tư khởi nghĩa thành công và động viên nhân dân đoàn kết sẵn sàng đánh Nhật. Suốt đêm hôm đó, các chiến sĩ ở trang chia nhau đi canh gác các nơi hiểm yếu, đề phòng quân Nhật lên tập kích.

Thế là chỉ trong một ngày, tình thế đã đổi hẳn: Ba Tư, nơi bọn đế quốc lập căn an trí để giam cầm những người yêu nước đã biến thành nơi cách mạng bùng lên đánh đổ đế quốc. Ba Tư, đồn sơn phòng, nơi bọn Pháp Đờ Gôn định dựa vào để đàn áp nhân dân, cổ thủ «chống Nhật» nay đã biến thành một cứ điểm của quân cách mạng. Đối với chúng tôi, đêm 11 tháng 3 năm 1915 là một đêm sung sướng nhất đời. Bao nhiêu năm xót đau về cảnh nhân dân bị nô lệ, bao nhiêu năm bị giam cầm tù tội chỉ mơ ước có một ngày quật khởi, đập đầu kẻ thù xuống thì ngày ấy đã đến. Là cờ Tổ quốc mà chúng tôi ấp ủ, phải che giấu bao nhiêu lâu, thì ngày nay đã công khai tung bay trước gió, tượng trưng cho niềm vui chiến thắng đang dâng lên. Trước kia, mong muốn có một khẩu súng trong tay cũng đã là chuyện xa xôi, bây giờ chúng tôi đã có đủ vũ khí trang bị cho một trung đội quân khởi nghĩa. Nhưng điều mà chúng tôi vui sướng nhất là chính quyền cách mạng đầu tiên trong tỉnh đã được thiết lập ở đây, nơi mà kẻ thù âm mưu định làm chết dần chết mòn những người cách mạng.

Suốt đêm ấy chúng tôi phải lo giải quyết không biết bao nhiêu công việc cấp thiết và quá mới mẻ đối với

chúng tôi: Họp bàn việc tổ chức mít-tinh nhân dân, vào sáng ngày 13, phải phái người đi vào các xóm để phổ biến thắng lợi vừa rồi và vận động nhân dân đi dự mít-tinh, phân công người chuẩn bị cho phương hướng hoạt động tới, v.v... Khi gà gáy sáng đã tan trong các xóm, tôi mới được rảnh một chút, ngồi nghỉ dưới gốc cây gòn. Nghĩ lại công việc ngày qua, một ngày không biết bao nhiêu sự việc, bao nhiêu điều đã diễn ra mà bao nhiêu năm tôi ấp ủ nung nấu trong lòng, nay đã thành sự thật. Nghĩ tới cuộc chiến đấu mới và thắng lợi buy hoàng của cách mạng, tâm dạ tôi rất bồn chồn. Nhưng công việc ngay từ sáng sớm mai đã nhắc tôi đứng dậy.

Sáng 13 tháng 3 năm 1945, một cuộc mít-tinh lớn nữa được tổ chức trước cửa đồn, Đồng bào Kinh từ Trường An, Suối Loa, Hoàng Đồn, Mang Đốc, đồng bào Thượng từ các triền núi quanh Ba Tơ đến đông nghịt. Ủy ban bạo động ban bố các quyền tự do dân chủ, xóa hết nợ nần trong thời kỳ đế quốc phong kiến. Quả chúng hoan hô va g dậy. Khi nghe nhắc lại chủ trương của cách mạng bãi bỏ mọi thứ sưu thuế, bãi bỏ chế độ bất phú, tiếng reo hò càng náo nhiệt. Đồng bào miền núi, tay khua mạnh giáo mác, miệng thét vang cả một góc trời: «Cách mạng tốt lắm! Cách mạng tốt lắm!...».

Sau đó Ủy ban bạo động tổ chức đem chia cho nhân dân tại sản thu được của địch trong đồn. Quân chúng sắp thành hàng rất trật tự đi vào, mỗi người đều được nhận một thứ. Tuy không nhiều nhưng là những vật kỷ niệm đánh dấu của một thời kỳ mới. Chúng tôi chia sạch từ mấy chục hòm vải sợi đến chiếc đồng hồ quả quít, từ chõng chén bát đến chiếc

áo bành tò, Cỏ gạo, mấm, trâu bò, xe, ngựa, cuốc xẻng, chúng tôi cũng chia tất. Chúng tôi chỉ còn giữ lại một con ngựa để tải đồ đạc và chiếc máy đánh chữ Héc-mét. Đồng báo các cơ trong núi nói:

- Chà, các ông an trí công sẵn tay không lấy dần, lại thương dân, lấy của Tây cho dần hết, không giữ gì cả.

Ngày tối hôm ấy anh em chúng tôi phải vận động nhân dân góp gạo mới có ăn, nhưng ai nấy đều phẫn chí vì thấy rằng mình đã làm một việc mà do lòng thông cảm sâu sắc: tổ thống khổ của nhân dân đã bao nhiêu năm sống dưới ách thực dân, bị bóc lột, đói khổ cơ cực. Và việc làm đó đã đặt thêm vào lòng dân một niềm tin ở cách mạng.

CHƯƠNG III

ĐƯỜNG LÊN CHIẾN KHU

Chiều ngày 13 tháng 3 ban chỉ huy chúng tôi họp để nhận định tình hình và bàn phương hướng hoạt động mới. Cuộc họp thảo luận rất sôi nổi các vấn đề:

— Cướp được chính quyền rồi bây giờ xây dựng hình quyền ra sao?

— Tổ chức đội võ trang thế nào, tên nó là gì, nhiệm vụ hoạt động của nó thế nào?

Sau khi thảo luận, chúng tôi nhất trí với nhau là:

— Chọn nước thành lập ở Ba Tơ một Ủy ban cách mạng lâm thời.

— Tổ chức lực lượng võ trang thành *Đội du kích lưu động*. Nhiệm vụ của đội là làm công tác võ trang tuyên

truyền, phát động quần chúng làm cách mạng, xây dựng cầu cử địa miền núi ở vùng Cơ Nhật, nơi đồng bào có truyền thống chống Pháp. Trước mắt phải kết hợp với công tác tuyên truyền vận động quần chúng mà tranh thủ tạo lập căn cứ đội ngũ, giáo dục chính trị, học tập quân sự.

— Liên lạc với các đồng chí ở trung châu đẩy mạnh hoạt động phát huy thành thế thắng lợi khởi nghĩa Ba Tơ mà xây dựng cơ sở để tạo điều kiện cho đội du kích về đồng bằng có chỗ đứng chân để hoạt động; trước mắt cần đẩy mạnh hoạt động cầm chân giặc Nhật để cho đội du kích có điều kiện xây dựng.

Chiều 14, sau khi Ủy ban cách mạng lâm thời ra mắt quần chúng, đơn vị được lệnh ăn cơm sớm để lên đường. Có ít gạo nhân dân ủng hộ, chúng tôi cho hết cả vào bao. Các chiến sĩ đã sẵn sàng. Năm giờ buổi chiều, cuộc hành quân bắt đầu. Thoạt tiên, chúng tôi nghỉ bình, đi ngược dòng sông Ba Tơ. Đến khuya, đơn vị du kích theo đường bí mật xuôi bãi sông đi quết trở lại ngang Hang Lớn (chỗ này nước chảy bồng bồng và chồm ra như bình trôi én). Thủy văn hệ của một số quần chúng cảm tình đã bị mất chỗ sâu ở đây. Theo kế hoạch, đến bên thác Hang Lớn, đơn vị dừng chân để làm lễ tuyên thệ. Trời mờ mờ ánh trăng. Bãi cát, dòng sông, thác nước chìm đắm trong một màn sương bạc. Thị trấn Ba Tơ ở phía nam lặng yên như trong giấc ngủ. Trước mặt chúng tôi là núi Cao Muốn. Thế núi hùng vĩ, bãi sông rộng, thác nước rền âm âm làm cho đêm nay có vẻ trang nghiêm hơn và dường như sâu sông chúng kiến lễ tuyên thệ dưới cờ, nghi lễ đầu tiên của đội du kích Ba Tơ. Lúc điềm lại đội ngũ, nhìn thấp thoáng khuôn mặt của những đồng chí đứng hàng

đầu, những khuôn mặt lầm lì má rần giời, tôi nhằm tên từng đồng chí một: Khoách, Phong, Hoa, Trinh Anh, Thử... và cảm thấy bắt đầu từ nay giữa chúng tôi như đã có một sợi dây thiêng liêng ràng buộc lấy nhau: Đó là tình đồng chí chiến đấu, sống chết có nhau, gian nan cùng chịu, vui buồn cùng nhau san sẻ. Trong đội ngũ du kích có người là tú an trí, có người là quần chúng cảm tình, có đồng chí ở nhà tù Quảng Ngãi mới thoát ra ngày 12 tháng 3 cũng lên đây tham gia du kích. Có người vừa lên thăm người nhà ở cảng an trí, gặp khởi nghĩa cũng xung phong xin tham gia du kích luôn.

Chấn chỉnh đội ngũ xong, đồng chí Nguyễn Đôn nhân danh chính trị ủy viên húc lên đùng trước hàng quân tuyên bố:

— Đêm nay chúng ta rời thị trấn Ba Tơ, di chuyển lên phía bắc. Trên bước đường xây dựng chiến khu, xây dựng lực lượng, ta lấy chỗ này làm mốc. Các đồng chí hãy nhìn núi cao, sông rộng, thác chảy bèn chân. Chúng ta dừng lại đây làm lễ tuyên thệ để tỏ rõ quyết tâm: Núi cao mấy cũng vượt, sông sâu thác chảy mấy cũng qua, không một khó khăn nào có thể cản được bước tiến của chúng ta trên con đường xây dựng đội ngũ phát động quần chúng đánh Nhật cứu nước. Đội du kích Ba Tơ là quân đội của Đảng, của giai cấp vô sản, chiến đấu giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Trước mắt, nó sẽ phát triển và xây dựng mạnh mẽ để cùng nhân dân Quảng Ngãi tiến lên giành chính quyền toàn tỉnh. Và tương lai, nó sẽ là nòng cốt cho quân đội cách mạng miền Nam Trung Bộ chúng ta.

Lễ chào cờ bắt đầu. Chúng tôi giờ nắm tay phải lên ngang mang tai. Bài hát: « Tung bay, muốn

năm tung bay bóng cờ » lai vang lên. Cháo cơm xong, mọi người đồng thanh hô khẩu hiệu « Hy sinh vì Tổ quốc ». Và từ giờ phút ấy đội du kích Ba Tơ mỗi lấy khẩu hiệu đó thay cho lời chào lúc gặp nhau, và khẩu hiệu đó cũng là lời hứa quyết tử lúc nhận nhiệm vụ chiến đấu. Khẩu hiệu thiêng liêng đó còn được chưng lên trong các cuộc biểu tình, mít tinh, sinh hoạt để nhắc nhở người chiến sĩ cách mạng hăng hái tiến lên làm nhiệm vụ cứu nước.

Tiếp đó là lễ tuyên thệ. Hồi ấy, chúng tôi chưa biết mười lời thề và mười hai điều kỷ luật của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, nên lấy nội dung nhiệm vụ cách mạng và bản chất lực lượng vũ trang của Đảng mà đặt thành lời thề, ví dụ một số câu như sau :

— Kiên quyết một lòng vì cách mạng, không sợ hy sinh gian khổ !

— Tích cực xây dựng đội du kích thành nông cốt của công cuộc giải phóng dân tộc !

— Quân đội cách mạng là quân đội của nhân dân, phải yêu mến nhân dân, tôn trọng nhân dân ..

Ban chỉ huy lại tuyên bố một số điều kỷ luật của đội. Lúc đầu chỉ nêu một số điều kỷ luật cần thiết, nhưng về sau do yêu cầu của mọi hoạt động thực tế, những điều kỷ luật dần dần được bổ sung thêm. Tôi còn nhớ có lần chúng tôi còn nhớ đi kiểm tra vọng gác, thấy có đồng chí đang giờ gác nhưng ngồi bên bờ suối nhìn bóng mình dưới suối để tự thoải mái. Chúng tôi về lại đề thêm trong bản kỷ luật : Khi gác không được làm việc khác.

Nội dung chủ yếu một số điều kỷ luật lúc bấy giờ như sau :

+ *Xiê tội nặng* :

— Người nào phản bội đa kích cứu quốc.

— Đào ngũ.

— Lúc đánh trận hay hành quân mà chống lại mệnh lệnh của cấp chỉ huy.

— Cướp phá tiền của sản vật của dân chúng, dùng võ lực bắt buộc dân chúng làm việc cho mình.

+ *Mấy điều kỷ luật* :

— Bất kỳ lúc nào cũng phải luôn luôn chú ý đến những tiếng còi hiệu và phải lập tức thi hành.

— Giờ chào cờ phải hết sức nghiêm trang.

— Khi ra một mệnh lệnh gì phải có sự đồng ý của chỉ đạo viên.

— Trong lúc hành quân không được trò chuyện ồn ào, hút thuốc, đốt lửa, làm rơi đồ đạc.

— Trong lúc canh gác không được ca hát, hút thuốc, chuyện trò hay làm việc khác, nhất là không được bỏ chỗ gác, không được rời võ khí.

Trong quân ngũ có điều gì bất bình, có quyền đưa ra toàn thể xét xử, cấm không được nói xấu vắng mặt.

+ *Những điều cốt yếu của người lính du kích* :

— Hy sinh dũng cảm, hăng hái, siêng năng để phụng sự Tổ quốc.

— Tuyệt đối phục tùng chỉ đạo viên

— Kiên nhẫn chịu đựng mọi điều cực khổ, ăn nói có lễ độ với tất cả mọi người.

— Không được lấy của công làm của riêng.

— Luôn luôn giúp đỡ dân chúng, khi đóng quân cũng như khi rút quân, phải giữ nhà cửa của dân chúng cho sạch sẽ.

- Mua bán phải giữ lễ công bằng, không được lấy không của ai dù là một cây kim sợi chỉ. Khi mua bán vật gì, lúc đi phải trả lại đủ, làm hư hỏng phải bồi thường mình bạ b.

- Không được hút xách say sưa..

Lễ tuyên thệ tuy đơn giản nhưng vô cùng trang nghiêm. Ngay từ giờ phút tuyên thệ, mỗi chiến sĩ đều cảm thấy đội ngũ du kích trở nên rắn chắc hơn, sức mạnh chiến đấu tăng thêm gấp bội. Chúng tôi ai lấy đều thấy rõ trách nhiệm nặng nề của người chiến sĩ cách mạng cầm khẩu súng mà thề chiến đấu đến cùng để giải phóng dân tộc.

Xong lễ tuyên thệ, đơn vị vượt sang phía bắc sông Ba Tơ. Gia tài độc nhất là một con ngựa cũng được mang theo. Qua sông rồi, đơn vị tạm vào rừng ngủ trong những lán giữ lúa bỏ trống của nhân dân. Bốn giờ sáng ngày 15 tháng 3, đơn vị lại tiếp tục đi xuôi theo bờ sông Ba Tơ, đến gần Bến Buôn thì rẽ sang tay trái đi vào Cơ Nhất.

Chúng tôi hành quân theo đội hình phân tán từng tổ nhỏ. Các đồng chí Phan Phong và Hoa dẫn một tổ đi tiền vệ. Bộ phận đi sau cứ chín người một bêu đội chia thành tổ ba người giữ đúng cự ly mà đi. Trời sáng hẳn, chúng tôi còn cách hia rừng chừng 500 thước, bỗng nghe có tiếng súng nổ. Chúng tôi nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa, chuẩn bị chiến đấu. Tôi dẫn các đồng chí Hoa và Phong đi về hướng có tiếng súng. Bên sông cách đó không đầy một cây số đường chim bay. Đi trở lại bêu kia đèo Bến Buôn, thấy một người đi tới, chúng tôi nhìn kỹ té ra là đồng chí Trần Lương. Chúng tôi mừng quá, cử đồng chí Hoa dẫn anh Lương lên

Anh Lương qua được bên này sông, một là người. Tôi đoán chắc anh đi từ trung châu lên gặp lần mới vất vả thế này. Tôi hỏi anh:

— Tiếng súng ở đâu vậy?

Anh cho biết, anh vừa bắn một tên, viết gian thân Nhật. Tên này ở trung châu bị quân chúng khép vào tội chết. Anh nhận nhiệm vụ dẫn nó lên chiến khu xử tử. Gặp quân Nhật kéo đến nơi, anh xử luôn tên đó tại bến sông. Còn tinh hình Nhật lên nhiều ít, anh chưa rõ.

Vừa lúc ấy thì anh Nguyễn Cừ ở bên kia sông cũng tạt qua. Cừ là người chúng tôi bố trí ở Trường An để quan sát động tĩnh của quân Nhật sau khi đội du kích rút lui. Chiều hôm qua, Cừ mượn ngựa của dân phóng xuống đèo Đá Chát thì gặp quân Nhật từ Mộ Đức đã kéo lên đến đó. Chúng đi một đại đội trong đó có 81 tên Nhật. Những tên khố xanh gian ác như quân Trần, đội Bá cũng lên theo. Chúng vừa đi vừa dò la tình hình du kích. Dọc đường, chúng bắt dân, hỏi: «Bọn cộng sản an trí ở đâu?». Dân cứ một mực trả lời không biết. Bọn Nhật sợ không dám đi đêm, phải chờ trời sáng mới đi tiếp. Đi lên ngang quãng này, chúng nghe thấy có tiếng súng nổ, lại bắt dân tra hỏi. Dân bảo đó là súng bắn-gà rừng. Nó hỏi đến tinh hình Ba Tơ. Ai cũng bảo rằng người cách mạng đóng ở đồn Ba Tơ đông lắm. Vì vậy bọn Nhật phải đi rất thận trọng. Hiện nay chúng đang ở bên kia sông cách đây hơn một cây số.

Nghe Cừ báo cáo tình hình xong, anh Lương liền nói:

— Cũng vì Tinh ủy làm thời có chủ trương mới và chuyện bọn Nhật kéo lên Bà Tơ nên tôi vội vã lên đây.

Anh Lương cho biết tình hình chung ở trung châu. Sau khi chia tay nhau ở Trường An, trưa ngày 11.

tháng 3, các anh Giao, Lương Hai đi ngay xuống trung châu. Dọc đường các anh đã lờ chức quân chúng mít-tinh ở Suối Lũa, Suối Bùn, giải thích chủ trương của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh, hô hào quần chúng ủng hộ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, hội hợp tác triệt để với Nhật, hăng hái tham gia vào các tổ chức cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Về đến đồng bằng, các anh chia nhau đi các địa bàn đã được phân công để tuyên truyền động viên quần chúng hưởng ứng khởi nghĩa Ba Tơ và liên tục phát động quần chúng khởi nghĩa từng phần ở các nơi.

Các anh đã gặp anh em tù chính trị ở nhà lao Quảng Ngãi phá trại giam ra ngoài đêm 9 tháng 3. Những đồng chí đảng viên cũ hoặc quần chúng cảm tình của Đảng sau ngày 9 tháng 3 cũng tự động gặp nhau, bàn bạc kế hoạch hành động và tích cực bắt liên lạc với số anh em ở trên Ba Tơ xuống Ở cãng Di Lăng, vì không có tổ chức nông cốt nên sau ngày 9 tháng 3, hầu hết anh em an trí bỏ cãng ra về. Chỉ còn bốn anh em Hịch cực trong nhóm anh Huy ở lại. Lúc này, lịch địch đã bỏ đồn chạy trốn. Các anh vào kho còn lượm được bốn, năm khẩu súng cũ đem về xuôi. Ở Mộ Đưa, trong số các đồng chí đã liên lạc chặt chẽ với anh em Ba Tơ từ trước, có đồng chí Ruồng đã gặp Tỉnh ủy làm thời xin chỉ thị thành lập một chi bộ Đảng chúng cho bốn, năm xã. Tiếng vang cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã nhanh chóng truyền đi khắp tỉnh, có tác dụng cổ vũ tập hợp các đảng viên cũ và quần chúng cách mạng ở trung châu. Nhân dân Quảng Ngãi vốn có truyền thống cách mạng, nay được phổ biến đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh, lại có ngọn cờ khởi nghĩa

Ba Bơ cổ võ nên rất náo nức muốn được tham gia vào đội ngũ các đoàn thể cứu quốc.

Nhưng mặt khác, thực tế tình hình trung châu chưa cho phép đưa quân chúng lên một hình thức đấu tranh cao như ở Ba Tơ, sau ngày Nhật đảo chính Pháp. Anh Giao đi về Tĩnh Kỳ, một xã vùng ven biển thuộc huyện Sơn Tĩnh, gặp các anh Võ Bầm cùng một số nông cốt khác, định tổ chức một tinh công khai, nhưng lực lượng quân chúng còn quá mỏng manh, trong số dân toàn xã là năm ngàn, chỉ mới có năm mươi quân chúng cầm tinh. Các tiểu tổ cứu quốc chưa thành hình. Tình hình các xã xung quanh càng yếu hơn. Lúc bấy giờ, bọn Nhật vừa hất cẳng Pháp, đưa ra luận điệu tuyên truyền trao trả độc lập giải hiệu, một số chính trị phạm cũ ăn phải bả độc đó, cũng đứng ra tham gia tổ chức hội đồng tỉnh của chúng, làm cho quần chúng phân vân; gây trở ngại nhất định cho công tác tuyên truyền vận động quần chúng của ta. Do đó, ở Tĩnh Kỳ cũng chỉ có thể tổ chức một-tinh bí mật trong phạm vi số quân chúng tốt, đồng thời tổ chức các đoàn thể cứu quốc, vận động ủng hộ Ba Tơ. Về vấn đề cướp chính quyền xã, tuy lý tưởng sở tại là cơ sở của phong trào cứu quốc nhưng để tránh lộn Nhât tập trung sự đàn áp vào một vùng đơn độc nên ở đó chưa công khai thu triển và xóa bỏ chính quyền cũ, mà chỉ lợi dụng chính quyền ấy để tiến hành công tác bán công khai.

Ở mạn tây huyện Sơn Tĩnh và ở Mộ Đức, anh Hai và anh Lương đến cũng gặp tình hình tương tự. Khi cả ba anh lên gặp nhau trao đổi đều thống nhất nhận định rằng về phía địch, quân Nhật tập trung ở miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng khá đông, sau khi hất cẳng Pháp chúng chiếm đóng các vị trí xung

yếu và các đường giao thông quan trọng. Cái bả độc lập giả hiệu của chúng còn mé hoặc được một số quần chúng kể cả một số người trước đây có tham gia phong trào phản đế; về phía ta, phong trào Việt Minh đã có ảnh hưởng các nơi, nhất là thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ có tác động mạnh thúc đẩy phong trào trên quốc, nhưng nông cốt ở cơ sở còn ít, cơ sở chỉ có một tổ nông dân, hơn nữa quần chúng chưa được chuẩn bị đề tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Căn cứ vào tình hình đó, Tỉnh ủy lâm thời đã quyết định hoãn chủ trương bạo động cướp chính quyền ở trung châu vì nếu ta cướp chính quyền ở nông thôn sớm quá sẽ không giữ được, lực lượng địch còn mạnh, chúng có thể khủng bố, phá nát cơ sở. Cho nên ở trung châu phải phát động quần chúng tuân hành thị uy, phát động phong trào ủng hộ du kích Ba Tơ, không chế bạo hương lý, bắt chúng phải phục vụ cho ta, trên cơ sở đó sẽ tổ chức du kích. Như vậy là ta khoét sâu vào lòng địch mà địch không thể chống phá có hiệu quả được. Về mặt tổ chức, Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh được mở rộng, bổ sung thêm một số đồng chí ở trung châu. Riêng hoạt động của đội du kích Ba Tơ, thường vụ Tỉnh ủy lâm thời có nhận định: lực lượng của ta chưa đủ sức phá cuộc tấn công của phát xít Nhật nên chỉ thị cho đội vũ trang rút lên chiến khu để xây dựng và củng cố.

Sau khi nghe xong tình hình và chủ trương mới, chúng tôi quay trở lại, theo đường cái Trường An-Minh Long, đi vào Cơ Nhất. Vừa vào thôn đầu tiên định nấu cơm ăn thì nhân dân đã đổ ra, kéo hết chúng tôi vào nhà bảo đã có sẵn cơm rồi, cứ vào ăn. (Sở dĩ có sẵn cơm như vậy là vì đồng bào Thượng có phong

tục hễ đến mùa lúa sớm nhà nào cũng nấu một nồi cho khách tới ăn, bao nhiêu người cũng không sợ thiếu) Dân hỏi chúng tôi :

- Cách mạng đi vào đây làm gì ?

Cảm kích trước tấm lòng tốt của dân và biết ở đây có truyền thống chống Pháp nên chúng tôi không ngần ngại nói rõ cho nhân dân biết :

- Cách mạng đánh Nhật nhưng còn ít người, phải vào đây rủ thêm người cho nhiều.

Nghe vậy, nhân dân càng bắt chúng tôi ăn thật no.

Ăn xong, chúng tôi lại đi tiếp. Vào đến giữa Cơ Nhất, trời đã về chiều. Ở đây có một tù trưởng nổi tiếng chống Pháp, trong tay có nhiều bộ hạ. Trước khởi nghĩa Ba Tơ, cách mạng đã có bất liên lạc với ông ta. Tên ông ta là ông Run. Chúng tôi vào nhà thì thấy bảy tám bộ hạ của ông đã túc trực sẵn, người neo người nẩy cung nỏ sẵn sàng. Ông Run tiếp chúng tôi rất niềm nở :

- An trí lên đây, tôi lão giết vài con lợn.

- Không cần ăn mà cần tìm người lên núi thôi, ông Run ạ ! An trí động binh nhưng vì ít người quá phải vào vùng ta rủ thêm đây.

- Được, dân Cơ Nhất đây còn Tây còn dân, còn Nhật còn đánh, nó còn ở, còn làm nữa. Đánh hết trận này, trận khác cho nó thua luôn.

Chúng tôi hỏi đường đi các ngã, ông Run đều chỉ cho hết. Ăn cơm tối xong, chúng tôi tiếp tục hành quân theo hướng Minh Long Gấn đến chân đèo Eo Chim, chúng tôi rẽ tay trái, lên núi, nhắm vùng Nước Nẻ mà đi. Ở Nước Nẻ nhân dân kể lại cộc thường về đây bắt người nhưng nhân dân ở đây không chịu bỏ làng xuống núi, vì dưới ấy có thú cộc còn nguy hiểm gấp trăm lần cộc

rừng : Đó là bọn Pháp, bọn Nhật. Trong lúc tất cả các chiến sĩ lùa vào thôn xóm để tuyên truyền cách mạng thì tôi vào gặp Phó Nía, tù trưởng vùng này. Phó Nía chắc tuổi chưa quá ba mươi lăm, vạm vỡ, đầu vẫn khàn thủ rìu, mình trần, đóng khố, đặc biệt có bộ ngực rất nở, lông mọc rậm rì. Thoạt trông dường như Phó Nía, tôi tưởng như đang đứng trước một anh hùng hảo hán trong truyện cổ. Tôi nói với Nía :

— An trí đánh Tây, đánh Nhật, Phó có ưng giúp đỡ không?

— Có chứ, Tây lấy núi rừng của mình, mình phải đánh nó; không nạp thuế cho nó.

— Chúng tôi ở đây trăm việc nhờ Phó cả đó.

— Được, an trí cứ ở đây, chúng tôi giúp.

Vừa lúc ấy bà mẹ phó Nía cũng một gói gạo ra, rồi lại trở vào mang ra thêm một gói khoai, bà nói :

— Giúp cho an trí, cho cách mạng đó. Cha thằng Nía hồi trước đánh Tây. Hồi con gái tôi cũng đánh Tây, giữ làng. Thằng Nía khỏe mà chưa khôn đâu. Nó khỏe, đâm chết con nai, con heo rừng nhưng chưa đâm chết thằng Tây. Tây bắt nó làm phó tổng, nó không làm nhưng nó chưa đâm chết thằng Tây, nó chưa khôn.

Anh em đi tuyên truyền trong thôn xóm gặp ông Dụ và cụ Điều là hai người lính khố xanh trước có cảm tình với cách mạng.

Biết có an trí lên đây, cụ Điều chạy về, nắm lấy tay tôi, nói :

— Túc quá, các anh làm nên việc thì tôi đã già mất rồi, không đi theo được. Tôi chỉ biết báo lũ con cháu làm như các anh thôi.

Tôi đáp :

- Xin cụ Điều cứ làm cho được như vậy là đã giúp cách mạng nhiều rồi.

Trong những ngày chúng tôi ở Nước Nẻ, cụ Điều đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc tuyên truyền vận động nhân dân.

Các chiến sĩ không ở tập trung mà xuống ở với từng gia đình, cùng đi làm rẫy, cùng ăn với dân. Sự đùm bọc của nhân dân đã làm cho anh em vô cùng cảm kích. Nhân dân hết lòng giữ bí mật cho đội du kích. Ở đây gần đường cái, nhưng chúng tôi ở năm, sáu ngày mà bọn Nhật vẫn không biết. Quả là tiếng đồn xưa nay về nhân dân Cơ Nhứt không sai. Chúng tôi là một nhóm vũ trang đang thời kỳ trứng nước đã lọt vào một cái nôi vững chãi, không kẻ thù nào có thể tiêu diệt được.

Sau mấy ngày ở Nước Nẻ, chúng tôi lại kéo quân lên chân núi Cao Muôn lập chiến khu ở Nước Sung. Ở đây, địa thế tốt, chúng tôi chỉ để một ít anh em vào nhà dân, còn phần lớn thì dựng lán ở ngoài rừng.

Sau một thời gian tuyên truyền vận động, thấy nhân dân đã hiểu rõ chủ trương đánh Nhật cứu nước, chúng tôi dựa vào phong tục tập quán của đồng bào Thượng, tổ chức lễ ăn thề.

... Một buổi chiều vào hạ tuần tháng 3 năm 1945, đội du kích cùng với nhân dân địa phương - hơn một trăm người - tập hợp trên một gò đất cao ráo làm lễ «cùng trời, cùng đất, cùng ma», thề sống chết có nhau, một lòng cứu nước. Lễ vật là hai con gà. Ông Run cũng đến dự lễ.

... Một chốc rượu lớn đặt ở giữa, nhân dân và đội du kích đứng xung quanh. Một người chặt đầu hai con gà rồi

cho huyết gò chảy vào chóc rượu. Ông Run và tôi bước lên mấy bậc, cùng chìa tay ra, chích máu cho nhỏ giọt xuống chóc rượu. Hàng trăm con người đứng im phăng phắc chứng kiến giây phút trang nghiêm của buổi lễ cổ truyền này. Chích máu xong, ông Run và tôi cũng quay mặt lại nhìn mọi người rồi giơ cao súng và kiểm lên thể « Nhân dân và du kích thương yêu, dùm bọc nhau, đoàn kết đánh Nhật, chống Tây, cứu nước ». Mọi người hưởng ứng lời thể cũng bước tới thọc lưỡi lê, mũi giáo vào chóc rượu.

Sau đó, chúng tôi nói chuyện với nhân dân về nhiệm vụ giữ bí mật, đề phòng gián điệp của Nhật giả làm lái buôn lên dò la tình hình. (Điều này đã được nhân dân thực hiện rất tốt. Suốt thời gian chúng tôi ở Nước Sung, nhà nào cũng cắm lá trước ngõ và căng dây ở các ngã đường làm dấu kiếng cũ, thực tế là để ngăn chặn mọi người lạ mặt vào khu du kích). Cũng vậy buổi lễ chích máu lần thể ấy, ông Run về gọi lại cả những người bộ hạ đang làm hương lý tôi, dặn:

— Dừa nào phân bội cách mạng, tao chặt đầu.

Về sau, trong đám bộ hạ của ông có tên xã N, làm phân, đi báo Nhật, lập tức bị nhân dân bắt và xử tội.

Đội du kích ở Nước Sung có trạm liên lạc, có tổ chức cơ sở bí mật. Hàng ngày, anh em chia nhau cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân. Dân bị sốt rét, anh em mang kỹ - niuh đến chữa giúp, bệnh lui « nhanh hơn cúng ma ». Có ông già, bà lão nào chết, anh em đến đỡ dẫn gia đình làm ma chay tử tế. Với người nghèo, anh em như ong rau, sỏ muối.

Thời kỳ này, chúng tôi không đủ gạo, thường ăn đói. Nhưng nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật quần chúng, không một chiến sĩ nào lơ hào đến một củ

khoai, bắp ngô hay quả chuối cắt dần ở ngoài nương rẫy. Có ngày, chúng tôi chỉ nấu cháo loãng, trộn cả dây khoai lang cắt nhỏ. Một hôm, có một bà cụ nhà nghèo, chúng tôi quen gọi là mẹ Thía, mang đến trạm liên lạc một củ khoai, củ mài. Mẹ nói:

— Thấy anh em ăn triền đói, gia kiểm củ cho anh em.

Thấy mẹ nhà nghèo mà đem cho như vậy liệu còn gì mà ăn nữa không, chúng tôi từ chối:

— Quý lòng của mẹ, xin cảm ơn mẹ. Chúng con không dám nhận, để mẹ mang về ăn kéo nhà túng đói.

Với giọng tha thớt mà kiên quyết, bà cụ nói:

Thằng Nhật ác thế nào chưa biết nhưng Tây thì ác quá đi rồi. Con trai tôi đi làm xấu cho Tây mà chết. Cách mạng đánh Tây, đánh Nhật là sướng bụng lắm. Tôi không có gì đóng góp, chỉ có mấy củ khoai, cách mạng đừng chê.

Nói xong, bà cụ khóc. Chúng tôi cảm động quá cũng ứa nước mắt. Một củ khoai của người nghèo mà nặng tình nặng nghĩa làm sao! Núi Cao Muôn có cao cũng không cao bằng tấm lòng yêu nước, yêu sách mạng của dân! Sông Ba Tơ có sâu cũng không sâu bằng hận thù quân cướp nước trong lòng người Thượng! Chúng tôi biểu mẹ Thía một năm muối và một vuông khăn làm của cử, nhưng phải nói mãi bà cụ mới chịu cầm. Những ngày ăn ở, gần bó với nhân dân ở vùng Nước Sung có lẽ không bao giờ chúng tôi quên được.

Công tác dân vận của đội là một kỹ luật tự giác. Có đồng chí nằm chung với người bị bệnh lác (1). Có đồng chí tuy chưa quen ăn những thức ăn lạ như mắm ngóc dầm ớt bỏ trong ống tre, nhưng vẫn chịu khó tập cùng ăn theo phong tục của dân. Nhiều đồng chí lúc trở

(1) Bệnh hắc lác

về trại phải cởi hết quần áo mà điệt rận... Mặc dù vậy, vì lòng thương yêu nhân dân, vì nhiệm vụ cách mạng, không một đồng chí nào từ can. Nhìn thấy hành động tốt đẹp của anh em du kích, hiểu được anh em cách mạng căm sùng khải đấu với binh lính của tụi đế quốc nên nhân dân càng yêu mến bộ đội du kích, coi anh em như con cái trong nhà. Nhờ đó, chúng tôi nói ra lời nào, dân tía ngay lời ấy và cùng căn cứ cũng nhờ có sự bảo vệ chặt chẽ của dân mà được an toàn.

Song song với công tác xây dựng cơ sở quần chúng, chúng tôi liền hành tập luyện cho anh em trong đội. Qua một thời gian hai tuần lễ, anh em được học bắn súng, học cách tháo lắp súng, học động tác cơ bản, cá nhân chiến đấu, tổ chiến đấu, học cả cách đánh du kích. Bao nhiêu vốn liếng quân sự học trong nhà tù, tôi đưa ra hết để dạy cho anh em. Bấy giờ tôi càng thêm căm ơn đồng chí T. Q. L. đã ra công huấn luyện cho chúng tôi hồi còn ở Ban Mê Thuột. Có lẽ không bao giờ tôi quên được những ngày sôi nổi tập luyện, lễ, bô, toái ở trong tù.

Tôi còn nhớ những năm đầu đại chiến thế giới lần thứ hai, chúng tôi ở Ban Mê Thuột được học tập chủ trương xây dựng lực lượng võ trang, xây dựng chiến khu du kích, nên ai cũng muốn được học quân sự. Anh em cứ nói với nhau: «Ở tù ra mà không biết quân sự coi như què một chân. Phải luyện tập hai quả đấm cứng như nhau. Có biết quân sự mới làm được nhiệm vụ đúng võ trang cướp chính quyền». Trong nhà tù lúc ấy có anh T. Q. L. — ở Lao Bảo chuyển sang — am hiểu về quân sự đã nhận mở lớp dạy cho chúng tôi.

Anh T. Q. L. người Nghệ - Tĩnh. Năm 15, 16 tuổi anh trốn sang Trung Quốc học trường Hoàng Phố. Qua thời

kỳ Quảng Châu công xã năm 1927, anh có liên hệ với cách mạng vô sản. Sau đó anh bị bắt và bị đưa về Đông Dương Thực dân Pháp kết án anh tù chung thân. Ở trong tù, chúng tôi có tổ chức một nhóm học quán sự chừng năm, sáu mươi người. Bắt đầu là những động tác cá nhân và các động tác đội ngũ. Bên ngoài chúng tôi giả cách tập thể dục để chuẩn bị cho những ngày lễ đi diễn binh. Một nửa số học viên được chọn để học những môn quan trọng như bắn súng, ném lựu đạn. Tôi ở xưởng mộc lui hui chỗ tạo súng gỗ cho anh em tập. Tuy là súng gỗ nhưng cũng có đủ đầu ruồi, khe ngắm, lẫy cò và bộ phận cơ bản có thể tháo ra, lắp vào như thật. Với khẩu súng gỗ to xù xù mà giấu được bọn gác ngục, tất nhiên không phải là chuyện dễ. Có «súng» rồi, chúng tôi cũng học cách nin thỏ bóp cò, lấy đường ngắm hẳn hoi. Lỡ đồng tiền được dùng làm điểm ngắm và muốn kiểm tra đường ngắm, giáo viên cũng đi động đong tiền ba lần. Các buổi học tập thường bắt đầu từ bốn giờ chiều trở đi. Có thể nói từ lúc ấy cho đến sáng, «chính quyền» trong nhà tù thuộc về chính trị phạm. Anh em thợ mộc, chúng tôi lặn ra chỗ khuất để tập. Số thanh niên tham gia hăng hái hơn cả. Tuy vậy, học viên cũng chia làm hai hạng. Một hạng chỉ tập để diễn hành, một hình thức sống khai lúc bấy giờ. Hạng này chỉ tập hết mục đi đều là thôi. Hạng thứ hai tính chuyện phục vụ lâu dài cho cách mạng thì học đủ các môn. Riêng có một số cầu an, sợ đấu tranh thì chế giễu: «Tôi này ngồi tù chưa ngàn, muốn ra tù lại vào lần nữa đây». Mặc dù vậy, số anh em hăng hái vẫn không nản chí. Những hôm nào không tập ở ngoài bãi thì anh T:Q:L giảng lý thuyết hoặc kể chuyện Hồng quân Trung Quốc.

Anh T.Q.L đem hết sức mình ra dạy. Chúng tôi có lần hỏi đùa anh :

- Ông tập cho bọn tôi năm bản máy bay, chẳng hay ông đã bắn rơi máy bay nào chưa ?

«Anh cười, đáp :

- Từ trước tới giờ thì chưa, nhưng mai đây sẽ được bắn thôi.

Ngoài những môn anh T.Q.L dạy, anh em còn học võ dân tộc, học đánh roi. Môn này tôi có biết chút ít nên anh em giao cho tôi phụ trách.

Tôi cũng không ngờ chỉ bốn, năm năm sau tôi đã phải dùng ngay đến cái vốn ít ỏi này. Tuy vậy, trong đợt huấn luyện đầu tiên ở Nước Sùng, anh em du kích Ba Tơ đã hăng hái nỗ lực luyện tập nên từ chỗ chưa biết sử dụng cây súng, ra sao mà sau hai tuần lễ, nhiều anh em đã thu được kết quả tốt. Đến kỳ tập bắn, chúng tôi mang theo mỗi người bảy, tám mươi viên đạn. Bắn hình người có vòng tròn. Ai bắn trúng hai viên là giỏi, ai bắn trúng một viên là dở. Lần ấy, hơn một nửa số người trong đội bắn trúng hai viên. Có người bắn trúng cả ba viên. Nhưng dù bắn giỏi hay bắn dở, ai cũng phấn khởi vì được bắn súng.

Sau đợt huấn luyện quân sự, chúng tôi di chuyển địa điểm. Đơn vị tiếp tục hành quân lên núi cao. Nhân dân tiễn đưa ai cũng dặn anh em đi chóng trở về. Qua nửa ngày đi theo triền núi Cao Mầu, chúng tôi tới làng Gò Rinh. Từ đây lại đi đường núi luôn một ngày nữa thì tới vùng hoang vu, dốc cao núi hiểm. Ở lưng chừng núi có một xóm tam nhà. Nghe nói đây là những gia đình trước kia hăng hái chống Pháp ở một vùng nào đó, sau này mới dời lên núi cao ở. Các cụ già thấy chúng tôi lên, mừng quá, bảo con cháu nhường chỗ cho

anh em nằm. Chúng tôi nhất định từ chối. Ban đêm cả đội du kích ngủ ngoài sàn gác đầu nhà, hái lá trái làm chiếu. Các cụ già bèn khuôn củi tới nhóm lửa cho anh em sưởi. Chúng tôi lên xóm này cốt để hỏi đường lên chỗ ở của hai anh em Rua, Rói. Hai anh em nhà này nổi tiếng chống Pháp và biết cách tổ chức phòng thủ kiên cố. Chúng tôi làm công tác quần chúng ở xóm tám nhà được bốn, năm ngày thì các cụ già thuận đưa đường lên xóm Rua, Rói (vùng này không có tên nên người ta lấy tên người cầm đầu mà gọi tên đất). Cụ già dẫn đường bảo chúng tôi:

— Tây lên là hẳn đánh. Cách mạng lên đề tôi đến nó trước với hẳn. Mà phải đi ngỗ tất mới được.

Đi theo ông cụ có ba người: tôi mang súng lục, đồng chí Phong, đồng chí Hoa mang tiêu liên và các-bin. Đường rừng rất khó đi. Chỉ trong một buổi đường, chúng tôi đã gặp cả voi lẫn lợn rừng. Voi đi thành đàn ba, bốn mươi con. Người tránh voi đi vòng khá xa vẫn nghe tiếng cây cối đổ ầm ầm ở phía đàn voi lướt đi.

Chừng bốn giờ chiều, chúng tôi tới vùng Rua, Rói bằng ngõ sau. Vừa đến nơi tôi đã thấy rất nhiều người chạy tản ra bốn phía núi, chỉ có một người già ở lại. Trong thấy đám người chạy nhanh mà không lộn xộn, lại có vũ khí trong tay, tôi đoán họ chạy đến các vị trí phòng ngự đã bố trí sẵn. Xem vậy đủ biết Rua, Rói là những tay chống Pháp chẳng vừa. Cụ già dẫn đường đến nói với người già ở lại:

— Anh em an trí cộng sản lên nói chuyện đánh Tây, đánh Nhật, bỏ sưu, bỏ thuế.

Người già đi ra rừng. Một lát sau, Rua dẫn sáu bộ hạ về. Rói về sau, tay cầm một cây mác bảy dài, lưỡi sáng quắc, lưng nịt dây rừng. Cả thủ lĩnh lẫn quân có

đến 19, 20 ngày, phần nhiều mạng nỏ và tên có tầm thuốc độc. Cả hai anh em Rua, Roi người vạm vỡ, ngực để trần, tóc rối ngang vành tai, mày râu, mắt sắc, nhìn ai cứ như nhìn đôi lông mày như luôn luôn mang một mối nghi ngờ người đang đứng trước mặt họ. Chúng tôi vừa đem chuyện đánh Tây, đánh Nhật ra bàn thì hai anh em nhà này tỏ ý rất vui vẻ. Rua sai bộ hạ giết gà, bắt cá làm cơm đãi khách.

Trong lúc ăn cơm, Rua nói :

— Các ông đánh Tây, đánh Nhật, muốn giúp gì cũng có. Chúng tôi sẵn sàng ủng hộ các ông gạo, thịt... Chúng tôi bao nhiêu năm ở đây, Tây không lên đờy. Tháng cai Xac trước kia đem quân lên đây đã bị dân làng giết chết. Từ trước đến giờ chúng tôi vẫn độc lập. Ông trời chưa cho xuống núi, anh em tôi cứ giữ vùng này.

Nghe Rua nói một cách thẳng thắn, thật thà như vậy, chúng tôi càng yêu mến tinh thần bất khuất của nhân dân ở đây. Chúng tôi khuyên họ giúp cách mạng, cùng cách mạng đánh Tây, đánh Nhật giữ làng, không để cho chúng đến. Khi chúng tôi ra đi, Rua cho người đưa chúng tôi xuống núi. Trời đổ tối nhưng chúng tôi vẫn có thể quan sát cách bố trí cạm bẫy của làng này ở hai bên đường đi. Đây là một đập nước ngăn con suối từ trên núi chảy xuống, chỉ cần giật bẫy một cái là nước đổ xô xuống dốc, cuốn theo luôn kẻ nào nhanh tâm lên cướp phá dân làng. Đây là những bẫy đã có dây giật, đặt bên cạnh con đường hẻm độc đạo. Chúng tôi vừa nhìn vừa khám phục tài bố trí phòng ngự của anh em Rua, Roi. Tôi cố nhớ kiểu cách của họ để về làm. Về sau, ở những chỗ độ cao kích B. Tư đóng quân đều có áp dụng một số kiểu bẫy của dân đồng bào Thượng.

Lúc trở lại Gò Rinh, lương thực của đội đã cạn hẳn.

Một số anh em bắt đầu ốm. Phải tính ngay chuyện xuống núi. Có hai việc phải giải quyết trước mắt là con ngựa và khẩu trung liên hỏng. Có thể nói con ngựa đã mang nặng mọi thứ, đỡ đầu cho anh em rất nhiều trong các cuộc hành quân. Nhưng ngựa lên dốc thì đi được, còn dắt xuống, quả là chuyện khó. Dốc đá cao, đường lại chèo leo, ngựa rất dễ đâm xuống vực sâu. Đồng bào Thượng ở Gò Rinh nói: «Lũ làng dắt bò lên núi chứ chưa dắt xuống bao giờ». Thế là đành phải thịt ngựa.

Khẩu trung liên hỏng thì phải gửi lại. Khẩu súng này ta mò được dưới Sỏi Bùn do bọn lính Pháp vứt sau ngày 9 tháng 3 năm 1945. Súng mất lò-xo vẫn hồi nên không bắn được. Trước khi xuống núi, chúng tôi gửi khẩu súng ấy lại một ông cụ người Thượng ở Gò Rinh. Ông cụ đem gói vào mo cau cần thận rồi treo lên tận nóc nhà. Cụ nói:

— Hai mươi năm, ba mươi năm, đến lấy vẫn còn. Tôi có chết đi, con cháu tôi sẽ giữ súng cho cách mạng.

Ông cụ cùng với chúng tôi cắt một lát bạc thành hai nửa ché, mỗi bên giữ một phần, sau này ai đến lĩnh súng phải có vật ấy làm tin. Súng gửi lâu ngày, không ai về nhận. Mãi sau ngày Tổng khởi nghĩa, lúc tôi đã Nam tiến vào mặt trận Nha Trang, các đồng chí ở Quảng Ngãi mới nhớ đến khẩu súng bên cứ một cán bộ lên gặp ông cụ để xin về. Tuy là người quen biết nhưng vì không có vật tin, ông cụ không đưa. Anh cán bộ đành phải về tay không. Về sau, có người đi tàu hỏa vào Nha Trang gặp tôi lấy nửa lát giấy một hào, trở về đem lên đưa ông cụ mới nhận được súng.

Lần này trở lại Ruộng Hoa, chúng tôi tính ngay đến việc phải di chuyển tới một vùng thuận lợi hơn cho việc bố phòng. Đồng thời chúng tôi cũng tiến hành việc

chấn chỉnh đội ngũ. Có hai đồng chí người Thanh Hóa vì sức yếu không theo nổi, được chuyển về Trường An, rồi đưa về quê quán. Cũng trong thời gian này, cơ sở ở Mộ Đức đã giới thiệu lên hai anh lính khố đỏ cảm tình cách mạng, bỏ hàng ngũ địch xin gia nhập đội du kích. Trong hai anh này có anh Dũ giúp được nhiều cho đội trong công tác huấn luyện. Dũ sau này được đề bạt làm trung đội trưởng và hy sinh trong một trận chống Nhật tàn quét ở trung châu.

Việc chỉnh đốn tổ chức cũng đã đi vào nền nếp. Ngoài ban chỉ huy đội du kích gồm có đội trưởng và chính trị ủy viên, còn có một số bộ phận giúp việc như ban chính trị, ban quân pháp, ban huấn luyện. Gọi là ban nhưng chỉ có một, hai người đảm nhiệm, có khi cán bộ phụ trách kiêm luôn. Tỉnh ủy gửi lên cho một chiếc đĩa bàn, mấy cái nồi nấu cơm. Các anh ở trung châu còn kiếm đâu được một chiếc ống nhôm kiểu Anh rất tốt. Nhận được chiếc ống nhôm, chúng tôi rất mừng và giao ngay cho các đồng chí gác.

Tranh thủ thời gian củng cố, đội cử người đi thu lượm thêm súng ống ở các nơi. Tháng trước, đồng chí Nếp đã dẫn người băng rừng lên tận Di Lăng mò các vựa sâu lấy được một khẩu tiểu liên, một các-bin do lính Tây vứt chạy hồi Nhật đảo chính. Dân ở vùng đó lại nộp thêm cho du kích một khẩu súng lục nữa. Một hôm chúng tôi nghe tin ở dưới Suối Bàn, huyện Nghĩa Hành, dân có thu được ba khẩu súng trường do lính khố xanh, khố đỏ của Tây bỏ lại. Cơ sở của chúng ta tới vận động xin súng, dân chưa tin nên không đưa. Sau đó chúng tôi phải một tổ xuống vận động. Khi đồng bào biết là du kích xuống nên đã vui vẻ giao ngay.

Và việc chọn địa bàn mới để tiếp tục công tác quân chúng, chúng tôi xin ý kiến của các già làng. Các già đều bảo là nên sang Nước Lá. Đó là một vùng núi hiểm trở nằm ở phía Đông đàng Minh Long - Ba-Tơ. Ngày trước nghĩa quân thượng du đã đánh Pháp nhiều trận ở đây và đã tiêu diệt được khá nhiều binh lính của chúng.

Tôi dẫn các đồng chí Phan Phong và Nếp đi xem địa hình Nước Lá. Sau khi xem các phía, chúng tôi thấy lập chiến khu ở đây có nhiều điều thuận lợi. Từ đây nhìn xuống Bến Buôn, Trường An rất rõ, việc liên lạc tiếp tế thuận tiện. Bàng rừng ra phía bắc Minh Long, xuống phía đông giáp thung lũng Suối Bàn. Đường lên chiến khu cheo leo hiểm trở, có vách đá cao trên mười thước chần ngang, muốn lên phải dùng thang dây. Trên cao có thác nước gieo thẳng xuống tạo thành một cái hồ rất sâu, nước xanh leo lẻo. Muốn tới vách đá phải đi vòng quanh bờ hồ. Đường ven hồ chạy men những bức thành đá có kẽ nứt. Nghe nói ngày xưa, nhân dân miền núi chỉ cần bỏ tri một số người cầm mìn, nấp trong những kẽ đá ấy mà dám chết bao nhiêu là lính Tây. Ở Nước Lá còn có một xóm nhà dân thưa thớt. Chúng tôi tới tới thăm hỏi, ai cũng bảo vùng này máu cha ông họ đã thấm vào đất, đá, và máu Tây đã đổ ở đây, làm cho nó trở nên thiêng liêng. Họ quý quân cách mạng, sợ các chiến sĩ lên núi này sẽ bị ma, bị trời làm ốm đau, chết chóc. Về sau ông Run và các cụ già dưới núi phải lên núi nói mãi họ mới không sợ ma quỷ làm hại quân cách mạng.

Chúng tôi đang sửa soạn chuyển quân thì có liên lạc dẫn đến một người mặc bà ba đen. Chẳng phải ai xa lạ, đó là đồng chí Nguyễn Chánh, vừa ở tù ra, được

anh Giao cử lên làm chính trị ủy viên, đại diện tỉnh ủy chỉ đạo đội du kích Ba Tơ. Anh Chánh không được khỏe lắm, trán đã bắt đầu hói, - nhưng vẫn giữ được dáng dấp vui vẻ linh hoạt như khi trước. Anh Đức Lạc và tôi tiếp anh Chánh dưới mái một chòi cạnh lúa. Anh Chánh đưa giấy giới thiệu của tỉnh ủy ra cho chúng tôi xem rồi hỏi ngay:

— Sao? Đói, khát, gian khổ như vậy có nản không? Anh em có quyết tâm hy sinh giành lấy tương lai vẻ vang cho cách mạng không?

Chúng tôi báo cáo sơ qua tình hình đội du kích để anh yên lòng. Ngay buổi chiều hôm ấy, toàn đội tập họp đón đồng chí cán bộ mới và nghe nói chuyện. Anh Chánh lặp lại câu hỏi lúc mới gặp chúng tôi. Các chiến sĩ đều đồng thanh biểu lộ quyết tâm bằng khẩu hiệu: « Hy sinh vì Tổ quốc! ». Anh Chánh nói về ý nghĩa của việc thành lập và xây dựng đội du kích Ba Tơ và đề ra phương hướng chủ yếu để củng cố lực lượng. Anh căn dặn cán bộ, chiến sĩ phải yêu mến nhân dân, tôn trọng nhân dân, thể hiện đúng bản chất một đội quân của nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu. Anh lại nhấn mạnh nhược điểm của đội: là nếu không phát triển được, chẳng bao lâu nữa, cứ đà này sẽ bị hao mòn hết.

Đồng chí Nguyễn Chánh thông báo thêm một số tình hình ở trung châu từ sau khởi nghĩa Ba Tơ. Tỉnh ủy làm thời vừa được bổ sung thêm một số đồng chí trong đó có anh Chánh. Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh đã được đổi tên là Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh. Từ khi chuyển hướng chủ trương từ khởi nghĩa cướp chính quyền ở nông thôn sang thuyết phục, tranh thủ bộ máy hương thôn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động

ôca phong trào quần chúng, các nơi đã lợi dụng được tình hình Nhật chưa kịp nắm bộ máy chính quyền cơ sở của Pháp để lại mà thực hiện chủ trương của Ủy ban vận động cứu quốc, tổ chức hàng chục cuộc mít-tinh lớn nhỏ để tuyên truyền đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh. Ủy ban vận động các cấp từ huyện xuống xã đã được tổ chức đều khắp. Toàn tỉnh đang tiến hành phát động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị, lấy thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tơ làm đà chung nhằm chuẩn bị thời cơ tiến lên khởi nghĩa. Việc hành lập các đoàn thể cứu quốc và ban chấp hành các giới cứu quốc đang được đẩy mạnh. Phong trào lạc quyền, tổ chức những nhóm lạc quyền ủng hộ quỹ cứu quốc, ủng hộ đội du kích Ba Tơ được đặt thành một nhiệm vụ cấp bách. Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh sở một đợt hơ hào quần chúng ủng hộ thuốc men, quần áo, tiền bạc và thóc gạo để tiếp tế cho đội du kích Ba Tơ.

Nhờ xây dựng được hệ thống tổ chức cứu quốc từ tỉnh xuống xã, mọi chủ trương của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh thấm suốt tận cơ sở, tạo nên một đà chuyển biến mạnh mẽ cho phong trào chính trị ở trung châu. Trên cơ sở đó, nhiều làng đã tổ chức đội tự vệ cứu quốc, có làng tổ chức được trên năm mươi đội viên tự vệ! Nhiệm vụ của các đội tự vệ là canh gác, bảo vệ các buổi sinh hoạt của quần chúng, bảo vệ cán bộ. Trong vòng hai tháng sau Ba Tơ khởi nghĩa, số hội viên cứu quốc đã tăng nhanh từ ba, bốn trăm lên ngót hai vạn. Về hình thức, phong trào chính trị ở trung châu đã có phần nửa công khai, nói chung lấy việc xây dựng và phát triển cơ sở là chủ yếu. Bước đầu đã phát động quần chúng đấu tranh chống các tổ chức

phản động thân Nhật như bọn Tàn Việt Nam dựa vào thế lực của Nhật, lợi dụng dạy chữ quốc ngữ để mê hoặc quần chúng, tuyên truyền cho cái gọi là chính sách « Đại Đông Á » của Nhật; bọn phản động lợi dụng đạo Cao Đài cổ động cho tên hoàng thân lưu vong Cường Để, tìm mọi cách xuyên tạc Mặt trận Việt Minh, dò la tin tức báo cho Nhật; tổ chức Thanh niên thân Nhật lợi dụng phong trào thể thao để cổ động cho chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim.

Sau buổi tiếp xúc với anh Chánh, chúng tôi như được tiếp thêm một nguồn sức mạnh mới, thêm tin tưởng vào con đường mình đã và đang đi, đồng thời sáng tỏ thêm phương hướng hoạt động mới. Những nhận xét và những lời dặn dò của đồng chí đại diện tinh ủy làm cho mọi người rất phấn khởi vì thấy Đảng theo dõi rất sát sự trưởng thành của đội du kích, quan tâm đến những thiếu thốn, khó khăn của nó, vui mừng trước những cố gắng và lo lắng trước mỗi khuyết điểm của nó nữa.

Anh Chánh lên được vài ba hôm thì đội du kích rời khỏi Ruộng Hoa, đi sang Nước Lá. Lán này đơn vị làm lán ở riêng, không đóng trong nhà dân nữa. Nó là lán nhưng thực ra là những vòm cây hoặc những cành cây rậm buộc túm lại làm mái. Nền là những tảng đá tương đối bằng phẳng, các chiến sĩ bẻ lá trái lên đá để nằm. Cả đội chúng tôi chỉ có một chiếc lán lợp tranh trong đó có sạp tre để dành cho anh em ốm. Vì phương hướng lâu dài của đội không phải là hoạt động ở Nước Lá, nên chỗ ở chỉ làm tạm như thế. Phía trước chỗ đóng quân và thấp hơn một chút là xóm nhà dân. Ở đó, đội có đặt một trạm liên lạc, ai có việc gì cần gặp đội chỉ lên đến đấy chứ không được vào

chỗ chúng tôi ở. Đến chỗ mới, anh em bắt tay đào chiến hào, đắp công sự. Ở các ngã đường đều có bố trí những cạm bẫy theo kiểu Rua, Rôi. Ban ngày, anh em chia nhau canh gác, ban đêm, tất cả ra các vị trí chiến đấu.

Ngay sau khi lên Nước Lá, anh Chánh triệu tập tất cả đảng viên lại tuyên bố thành lập chi bộ Đảng trong đội du kích. Chi bộ gồm năm người là các anh Chánh, Đôn, Khoách, Phan Phong và tôi. (Anh Phong mới được kết nạp). Chi bộ bàn về công tác tổ chức và quy định mỗi chiến sĩ du kích lấy một bí danh. Lấy con số 200 làm gốc, mỗi người theo thứ tự mà thay số không (0) sau cùng bằng những số từ một (1) trở lên làm bí danh của mình như: 201, 202, 203, 204... cho đến người cuối cùng. Anh Chánh lấy bí danh là 201, tôi là 202. Để cho gọn, tôi đề nghị lấy chữ cuối của tên tôi là T ghép với con số cuối của bí danh mới là 2 mà gọi tôi là T.2. Cũng vì vậy mà từ đó, anh em trong đơn vị quen gọi tôi là « Tê Đơ ». Hội nghị chi bộ còn bàn vấn đề lãnh đạo đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng, công tác dân vận v.v., làm cho đội du kích thực sự trở thành một đội quân cách mạng. Kết thúc hội nghị, anh Chánh có nêu lên một vấn đề mới, anh nói:

— Trên thế giới, tại phát-xít thua đến nơi. Hồng quân Liên Xô tiến đánh phát-xít Đức như vũ bão. Trong nước, phong trào Mặt trận Việt Minh đang lan rộng. Tình hình ấy đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng phát triển lực lượng, sẵn sàng chớp lấy thời cơ. Tôi lên đây mấy ngày thấy rằng đội du kích đóng ở vùng này không phát triển được. Anh em ốm đau, thiếu thốn đủ thứ. Nên kéo về trung châu chăng? Xin gợi ý để các đồng chí nghiên cứu, cuộc họp sau ta bàn tiếp. Vấn đề

là làm thế nào để phát triển đội du kích và phát triển theo hướng nào để đội ngày càng lớn mạnh.

Tuy hội nghị chưa thảo luận ngay vấn đề này nhưng anh em trong chi bộ coi ý kiến của đồng chí bí thư như một phương hướng mới cần ra công nghiên cứu.

Sau hội nghị chi bộ, đơn vị lại bắt tay vào đợt công tác khẩn trương xây dựng nền nếp bộ phận, dân vận, sinh hoạt nội bộ, v.v.

Từ lúc đội du kích lên đóng chiến khu ở Nước Lã, nhân dân ở dưới chân núi bẻ lá làm dấu cũ cấm đầy đường. Bọn Nhật tung rất nhiều mật thám giả làm người bán rượu, bán riêu, mang lựu, sồi lên đồi lúa hồng dò la tin tức du kích. Nhưng đũa nào mò lên cũng bị dũa chặn lại ngay dưới Bến Buôn. Mọi việc mua bán, đổi chác đều làm ở ngoài bến sông, chẳng có người lạ nào được lên núi. Cũng vì thế mà tự nhiên Bến Buôn trở thành một cái chợ nhỏ. Các trạm gác trên chiến khu tổ chức khá chu đáo. Ngoài vọng gác chính được trang bị ống nhòm, còn có các trạm lẻ thường ở lẫn với nhà dân. Bọn đêm quy định đốt lửa làm hiệu: dịch lên hướng chính đốt ba đồng; dịch lên mạn trái, đốt hai đồng; mạn phải, đốt một đồng.

Có một đêm, anh em đang ngủ thì bỗng có tiếng báo động: Quân địch từ phía nam kéo đến! Nhìn xuống chân núi quả nhiên chúng tôi thấy hai đám lửa cháy. Đội du kích tập tức tỏa ra chiếm lĩnh các vị trí chiến đấu. Bố trí liền hai giờ chẳng thấy động tĩnh gì, ban chỉ huy cho người xuống núi kiểm tra. Thì ra đó chỉ là những đám lửa do đồng bào cầm đuốc đi đêm để tàn rơi, gây ra. Từ hôm ấy tín hiệu lại phải đổi khác: Cự ly giữa các đồng lửa được quy định rõ ràng, đồng thời đặt thêm việc báo động bằng mõ và chạy bộ.

Đội du kích cử ra sáu người chia làm hai tổ hàng ngay đi xuống các cơ sở quần chúng làm công tác tuyên truyền, kết hợp với việc điều tra địch tình, trìn sạt đường sá. Đồng chí Phong phụ trách một tổ, có Nếp dẫn đường. Tôi phụ trách một tổ có đồng chí Huỳnh Hoa thạo đường, thạo tiếng đi theo. Thường thường cứ sáng đi, trưa về. Hôm nào đi xa, mang theo gạo muối để thời cơ. Tuyệt đối không được trú đêm ở nhà dân, cứ chiều tối là kéo về căn cứ. Các tổ tuyên truyền võ trang không nhân bất cứ một tặng vật nào của dân. Có bận dầu hồ cơm hay xôi vào giỏ, từ chối không được thì mang về căn cứ cho anh em ốm. Do giữ được tác phong kỷ luật tốt, các tổ tuyên truyền đã gây được lòng yên mến của dân đối với đội du kích. Các nơi anh em đi qua đều tỏ chức được lễ ái thể « đồng tâm đánh Nhật » giữa nhân dân và đội du kích.

Việc liên lạc tiếp tế cho đội du kích cũng được củng cố. Đội thuyền đi lại giữa trung châu và Bến Buôn do anh Phạm Xuân lo liệu. Còn việc tiếp tế tại chỗ do anh Chương phụ trách.

Suốt hai tháng đội du kích hoạt động ở Cơ Nhất, nguồn tiếp tế chủ yếu là do đồng bào trung châu cung cấp. Lúc bấy giờ, bọn Nhật phong tỏa vùng núi rất chặt chẽ, nhưng quần chúng cách mạng không những hàng hái ủng hộ, mà còn tìm mọi cách vượt qua lưới kiểm soát của Nhật để chuyển hàng từ các huyện vùng xuôi lên chiến khu.

Đường dây tiếp tế này được tổ chức ngay từ khi các anh Giao, Lương, Hai xuống đồng bằng và duy trì mãi cho đến khi đội du kích xuống trung châu. Ngay sau ngày Ba Tơ khởi nghĩa các đồng chí Trần Hàm, Trần Toại đã được giao nhiệm vụ bí mật lập ban vận động

suôi quán và thu thập vũ khí đưa lên chiến khu. Từ đầu quân chúng cách mạng trong các tổ chức tương tế cũ hằng ủng hộ gạo, vải, tiền bạc, giày dép... Quân chúng cách mạng nghe tin Ba Tơ khởi nghĩa, biết đội du kích cần súng đạn nên đã chú ý theo dõi những đoàn lính khổ đỏ chạy tán mát ở các nơi, hề dẫu có súng giấu là họ bị mật thu lượm nộp cho ban vận động nuôi quán. Ở dốc Eo Gió, đồng bào thường đi thấy lính khổ đỏ tháo quy-lát và vứt súng trên núi bên bao cho cơ sở, đồ đó cách mạng thu được mười lăm khẩu súng, trong số đó có một khẩu trung liên đầu bạc.

Đồng chí Xuân phụ trách hướng dẫn tiếp tế lên chiến khu, theo dòng sông Vệ đã tổ chức được nhiều cơ sở trong số thanh niên nam nữ đánh cá trên sông như anh Hương ở Trường An, cô Đào, cô Lưu ở Hành Tín. Về sau, chính đội thuyền này đã chở 30 thùng đạn — chiến lợi phẩm đem khởi nghĩa hạ đồn Ba Tơ — đem về cho đội du kích. Mặc dù bọn Nhật đe dọa gặt gao sẽ bần chết bất kỳ ai đóng góp hay chuyển chở hàng tiếp tế cho đội du kích, nhưng với tinh thần cách mạng cao, đồng bào trong châu cũng như đồng bào miền núi đã không tiếc xương máu, tiền của hết lòng nuôi nấng, đùm bọc đội du kích bé nhỏ đang ở trong thời kỳ phôi thai.

Nền nếp sinh hoạt của các chiến sĩ trở nên đều đặn. Buổi sáng trước khi mặt trời mọc, mọi người dậy tập thể dục rồi tập mấy bài kiếm. Sau đó chia ra từng phân đội tập quân sự: Mỗi phân đội có một bãi tập riêng. Cứ hai phân đội thì một phân đội cảnh giới, luân phiên nhau mà tập. Ăn uống thì ngày hai bữa rau, khoai. Kỷ luật của đội rất nghiêm: Có đội thì đi đào củ mài, hái rau rừng mà ăn, tuyệt đối không được vay mượn

hoặc xin của dân. Mặc dù hoàn cảnh thiếu thốn, bao giờ anh em cũng đảm bảo cho người ốm và hai chiến sĩ người dân tộc là Nếp và Nhóa được ăn no. Ngược lại, Nếp và Nhóa về lấy khoai, lúa của nhà mang lên cho anh em. Tinh đồng đội thương yêu nhau thật là thâm thiết. Lúc hành quân anh em giành nhau công người ốm Hàng ngày cải thiện thêm được mớ cá, mớ ốc, đều nhường chỗ người yếu. Giữa cán bộ và chiến sĩ, tình keo sơn gắn bó rất đậm đà. Để cho đơn vị luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, chúng tôi thường tổ chức báo động về đêm. Không khí sinh hoạt trở lên rộn rịp khẩn trương.

Sau thời gian ngắn, bộ phận lãnh đạo đội du kích hợp lại trao đổi vấn đề anh Chánh đã gọi lên lần trước. Sau khi bàn bạc, chúng tôi nhất trí nhận định :

- Từ khi đội đi vào xây dựng phong trào miền núi và củng cố xây dựng lực lượng, tuy thời gian chưa nhiều, nhưng bước đầu đã làm cho quần chúng hiểu thêm tình hình và nhiệm vụ cách mạng, tin tưởng lực lượng cách mạng, hiểu được đội du kích và họ đã hết lòng giúp đỡ và bảo vệ. Với truyền thống chống Pháp trước đây, nay được tuyên truyền hiểu được âm mưu của phát-xít Nhật, nhất định giặc Nhật lên đây sẽ bị nhân dân chống lại.

- Riêng đối với đội du kích qua thời gian học tập chính trị, quân sự và làm công tác vận động quần chúng, nay đã có nhiều tiến bộ, nếu đưa về trung châu thì từng người có khả năng làm được phần nào công tác vận động quần chúng, huấn luyện quân sự cho lớp mới.

— Phong trào trung châu đã khá, có thể là chỗ đứng chân tốt cho đội du kích hoạt động.

Căn cứ vào nhận định đó, chúng tôi đề nghị cho đội du kích xuống trung châu. Nghe chúng tôi đề nghị, anh Chánh nói :

— Trước đây tôi chỉ kêu gọi mà chưa nói ngay ý kiến của mình cốt để các đồng chí suy nghĩ. Tôi đồng ý như các đồng chí nhận định. Theo tôi, ta nên làm mấy công việc như sau :

Một là : chia đội của chúng ta ra làm hai bộ phận về làm nông cấy cho hai đại đội, một đóng ở bắc Quảng Ngãi, một đóng ở nam Quảng Ngãi, dựa vào phong trào mà phát triển lực lượng,

Hai là : không ngừng củng cố đội ngũ. Lần này về giữa trung châu, mặt thám Nhật dễ đánh hơi, nếu ta lơ lửng mất cảnh giác, hàng ngũ không vững vàng sẽ nguy to.

Ba là : Phân công phải cụ thể, anh T.2 và anh Phong nên đi về phía Sơn Tịnh Anh Đôn và anh Đức, anh Trinh Anh đi về phía nam. Tôi phụ trách chung. Nếu các đồng chí đồng ý, tôi xin về gặp tỉnh ủy báo cáo và xin chỉ thị mới.

Sau khi đã bàn bạc kỹ lưỡng, toàn thể chúng tôi nhất trí với chủ trương ấy. Anh Chánh đi ra Bến Buôn, theo đường sông về báo cáo với thương vụ tỉnh ủy.

Mấy hôm sau (vào khoảng rằm tháng năm âm lịch), từ dưới núi bỗng có người của ông Run lên báo

cho trạm liên lạc biết : Nhật kéo lên đánh. Người của ông nói rõ thêm : Quân Nhật đi gần 100 tên, lính bảo an 30 tên. Ngoài ra còn 200 binh của tổng Ngòi — một tên cường hào vùng núi.

Được tin, toàn đội báo động. Tất cả ra vị trí chiến đấu. Ban chỉ huy đội bàn kế hoạch chớp nhoáng. Có ý kiến nên rút ngay, nhưng đa số không đồng ý vì nếu địch lên mà ta không đánh thì sẽ mất ảnh hưởng về chính trị và lại rút ban ngày, qua đời trông sẽ bị lộ. Đội chủ trương sẽ chiến đấu tiêu hao một phần lực lượng địch rồi mới rút. Nếu trong ngày hôm ấy địch không lần công lên, thì đêm đến, toàn đội sẽ lui về vùng Minh Long, nơi đã được chọn trước để phát triển lực lượng mới. Hồi bấy giờ tuy đã học tài liệu đánh du kích, nhưng chúng tôi chưa có kinh nghiệm nên vẫn bố trí theo kiểu trận địa phòng ngự và nằm chờ địch đến.

Toàn đội phân tán bố trí ở ba địa điểm. Anh Đồn và tôi chỉ huy mặt chính diện, anh Phong, anh Đức ở cánh phải, các anh Diệt, Trinh Anh ở cánh trái. Các chiến sĩ tranh thủ đào thêm hầm, chặt chuỗi rừng đắp lên công sự. Chiếc thang dây ngoài vách đá được kéo lên. Trinh sát đi xuống dưới thấp, bắc ống nhòm nhìn xuống sân nhà ông Run thấy lính Nhật đi lại lảng vảng. Chín giờ sáng, ông Run cho người lên báo :

— Nhật chưa dám lên.

Bọn Nhật này đến Cơ Nhất định làng du kích nhưng không biết du kích ở đâu. Chúng hỏi dân, ai cũng trả lời :

« Không biết ». Bọn chúng đã man, bắt cậu con trai chín, mười tuổi của ông Run cho ngựa cưỡi. Chúng bảo em: « Chỉ chờ công sẵn ở, quan Nhật tha cho ». Em này thương ngày vẫn chơi đùa với các chiến sĩ du kích nhưng lúc đó em cứ lắc đầu đáp: « Không biết ». Lũ phát-xít cho ngựa cưỡi đến trầy da chảy máu, em vẫn một mực giữ bí mật cho đội du kích không hề một lời. Đến trưa, quân Nhật vẫn quanh quẩn dưới núi. Chúng tôi tranh thủ nấu cơm. Vì hôm sau mới tới ngày tiếp tế nên toàn đội chỉ còn sáu lon gạo. Chúng tôi đem nấu bốn, còn hai để dành bữa sau. Anh em nấu thành cháo loãng được một nồi to, gánh ra chia cho mỗi người được một bát. Tuy bụng còn đói nhưng đang lúc hăm hở chờ giặc đến để đánh, ai nấy đều biểu lộ khi thế phần khởi, hăng hái lạ thường.

Mười hai giờ trưa. Lần thứ ba, cơ sở lại lên báo cho chúng tôi biết: Quân Nhật bắt đầu tra hỏi ông Run, buộc ông chỉ đường đi đánh du kích. Ông Run nói với bọn Nhật: « Từ ngày an trí về đây, dân không ai dám lên núi Cao Muôn cả. Họ kéo về làng một bữa lại đi ngay, nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác, đi về như con ma. Họ đông hơn quân của các ông, lại có thứ súng to bằng đầu gối. Bây giờ họ ở đâu, khó biết lắm ».

Đến hai giờ chiều lại có người của ông Run lên báo tin: Nhật thúc tổng Ngủi đi trước dẫn đường. Quân tổng Ngủi nghe người Cơ Nhật nói chuyện về du kích nên không chịu đi, đòi lính Nhật đi trước. Lính Nhật lại thúc cho lính bảo an dẫn đường. Rút cục, chẳng tên nào dám đi trước. Một Thằng quan Nhật liền rút kiếm ra, nắm lấy cổ ông Run, kẻ lười kiếm vào, dọa:

— Tao cắt cổ mày. Du kích cộng sản đâu mới mau!

Nói xong, nó khĩa một nhát vào gáy ông Run, máu chảy ra đầm cổ. Nhưng con người yêu nước ấy vẫn không hề sợ hãi, mà còn cứng cỏi đáp: «Tôi già rồi, có chết cũng được. Nhưng tôi chết đi, con cháu tôi nổi lên làm loạn thì các ông chịu đấy. Ở đây không có du kích, không có cộng sản». Bọn giặc nung thế phải thả ông ra. Chúng ở lại nấu cơm ăn bữa tối...

Nghe đầu đuôi câu chuyện, ai nấy đều cảm động trước tinh thần kiên cường, bất khuất bảo vệ lực lượng vũ trang cách mạng của những người dân yêu nước. Chính nhân dân đã lấy tính mạng của mình ra bảo đảm an toàn cho đội du kích. Và qua đó, chúng tôi càng thêm thía thêm rằng: Lực lượng vũ trang cách mạng xây dựng từ trong lòng nhân dân, tồn tại và phát triển được cũng nhờ có sự đùm bọc của nhân dân, nhất định sẽ chiến thắng mọi kẻ thù. Bài học ấy suốt đời chúng tôi ghi nhớ.

Chiều hôm ấy, đội du kích chuẩn bị dời ra mạn Minh Long như chủ trương đã định. Trước khi đi, toàn đội phải ăn cháo. Nói là cháo nhưng «món chính» vẫn là lá rau ranh (1)

Nhân dân ở đây rất mực thương yêu và hết lòng giúp đỡ đội nhưng đời sống nhân dân quá khổ cực nên chúng tôi không nỡ vận động nhân dân ủng hộ gạo.

Sau khi ăn mỗi người một bát cháo rau ranh, chúng tôi họp toàn đội, bàn chuyện hành quân. Trong đội lúc

(1) Loại rau rừng, đồng bào miền núi thường ăn thay cơm trong những vụ đói. Rau này thường mọc ở ven suối. Lá ranh ăn bèo như lạc.

này có hai đồng chí ốm, chúng tôi tìm cách khiêng theo. Nghe chúng tôi bàn bạc thì một đồng chí trong số hai người ốm phát biểu :

— Chúng tôi yêu cầu bảo tồn lực lượng du kích Ba Tơ là chính, còn chúng tôi không đi được thì ở lại đây. Nếu các đồng chí khiêng chúng tôi đi theo nữa, lại còn súng đạn, dụng cụ các thứ, các đồng chí sẽ nhớ việc chung.

Rồi cả hai đồng chí ốm cùng yêu cầu đội trao cho mỗi người một cây kiếm để quắc Nhật có lên, sẽ quyết tâm chết một vài tháng rồi mới hy sinh. Trước lời đề nghị khẩn thiết của hai đồng chí đó, hội nghị đồng ý. Hội nghị còn cử đồng chí Hoa ở lại một mặt chăm sóc hai đồng chí đó, chờ dịp thuận tiện sẽ đem xuống sơ sở rồi chuyển về xuôi, một mặt làm công tác trinh sát.

Lúc sương núi buổi chiều đã tràn xuống che kín các lưng núi, đội du kích chúng tôi rời chiến khu Nước Lã đi về phía bắc.

CHƯƠNG IV

VỀ TRUNG CHÂU

TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

Rời khỏi Nước Lã, chúng tôi bắt đầu leo ngược lên đỉnh núi Ôn Lãnh. Phải vượt qua năm eo núi mới tới đường thượng đỉnh. Đi liền năm tiếng đến eo thứ nhất, anh em bắt đầu kêu khát. Vì đi đường băng núi, đoàn người phải vừa leo vừa lấy súng gạt lau lách, cành lá mà tiến, ai nấy đều mệt nhọc. Tôi mò mẫm đi tìm nước, thấy mờ mờ một kẽ đá, tôi đến áp tai sát tận miệng hồ nghe rõ tiếng róc rách, nhưng nước chảy dưới kẽ đá sâu không tài nào thò tay tới được. Tôi vội lấy mấy chiếc khăn tay nối thành một sợi dây, thả xuống thăm

dò. Thấy đựng nước, tôi gọi anh em đến dùng gạo tre làm gàu múc uống. rồi lại chĩa dây cả những ống bương để dự trữ. Nghỉ ngơi một lúc, chúng tôi lại tiếp tục leo. Qua bốn eo núi nữa thì trời vừa hừng đông. Lên tới đường thượng đỉnh, nhìn xung quanh, các đỉnh núi dường như cúi xuống hết. Một đường sông núi bằng phẳng nối liền các đỉnh chạy từ tây bắc xuống đông nam. Nhìn xuống hai triền núi hai bên chỉ thấy những ngọn núi thấp gối lên nhau như những đợt sóng chạy dài rồi chìm hẳn trong biển sương mù trắng đục. Anh Đôn, anh Phong và tôi thay nhau cảnh giới cho anh em ngủ. Ở trên núi cao, chủ yếu là đề phòng cọp.

Đến lượt tôi vừa nằm chợp mắt được một tí thì bỗng thức giấc vì có cảm giác nhồn nhồn khắp chân tay. Tỉnh dậy thì thấy vật đá bám đầy. Nhìn anh em khác đang ngủ say, ai nấy cũng đều bị sai tai nạn như tôi. Tôi liền đánh thức anh em dậy bắt vật. Đồng chí nào ít nhất cũng bị ba, bốn chục con bám vào, hút máu. Nhìn anh em đang rít từng chỗ vật cắn rỉ máu, niềm xót thương cuộn cuộn trong lòng tôi; anh em đã gầy, ốm vì ăn uống kham khổ giờ lại mất máu vì vật, biết bao giờ cho lại sức!

Mặt trời lên một hồi lâu, chúng tôi bắt đầu xuống núi. Khoảng mười giờ sáng thì đến một thung lũng có rất nhiều chuối rừng. Anh em nghỉ chân. Tôi trèo lên một mỏm núi phía trước, đưa ống nhòm lên quan sát. Tôi ngạc nhiên hết sức vì trước mặt tôi không phải là đất rừng Minh Long mà là một dòng sông mờ xanh quanh co uốn khúc. Đó là Sông Vệ, con sông từ Ba-Tô chảy xuống. Chúng tôi đã đi chệch quá về phía đông và đang kéo xuống thung lũng Sông Vệ thuộc đất Nghĩa Hành. Làng Phú Khương, Phú Thọ hiện ra trước mắt.

Bên kia sông, phía hữu ngạn là những bãi sỏi xanh tốt của đất Suối Bùn. Dãy Núi Lớn âm u nằm chắn ở phía nam...

Bây giờ mà cho đơn vị leo ngược lên núi cao, thì anh em khó lòng đi nổi. Ban chỉ huy quyết định cứ xuống núi, vì xét thấy phía đông sông Ve có Núi Lớn là một trong những địa bàn được chọn làm nơi đóng quân sau này. Và lại, trong lúc anh Chánh đang về báo cáo với tỉnh ủy, đội du kích di hướng Núi Lớn có nhiều khả năng gặp anh Chánh dọc đường anh trở về.

Ban chỉ huy đội liền cử hai anh Phan Phong và Đờ đi trước bắt mối với cơ sở dưới chân núi. Hai anh đi từ chiều, nhưng chưa xuống hết núi thì gặp trời tối phải vào trú trong kẽ đá. Trước khi vào, hai anh vội đi hái một nắm lá tâu bay gói trong lá chuối, định đốt cho chín để ăn. Nhưng hai que diêm cuối cùng còn lại không cháy, nên sáng hôm sau, hai anh đành phải ăn rau sống mà đi. Anh em còn lại cũng chia nhau đi hái lá tâu bay. Toàn đội còn một bó gạo bỏ luôn vào nồi nấu canh. Không có diêm, chúng tôi phải lấy dây giang và tre khô, kì kạch mãi mới kéo ra được lửa. Canh chín, mỗi người được lưng bát. Anh Đôn và tôi đã khéo tìm cách nhường phần của mình cho hai chiến sĩ Nếp và Nhóa ăn thêm. Mọi người tuy mới lưng dạ nhưng ăn bụng vô cùng. Anh em ngồi sát bên nhau, nói cười vui vẻ. Thấy sẵn có chuối rừng ngay trước mặt, anh em lại mở luôn một « tiệc » góc chuối nĩa. Góc chuối vừa ngọt vừa chát, chẳng mấy chốc đã nặng bụng mà ruột thì xót.

Chúng tôi tiếp tục xuống núi. Khoảng ba giờ chiều thì gặp hai anh Phong và Đôn trở lên, mang theo hai gói khoai lang luộc của anh em cơ sở gửi cho. Đây là

lần đầu tiên chúng tôi gặp cơ sở Việt Minh ở trung châu và cũng là lần đầu tiên được ăn một bữa khá kè từ ngày lên chiến khu Nước Lá. Điều đó làm cho tôi vừa ăn vừa ngẫm nghĩ : « Chủ trương của chi bộ kéo quân về trung châu là đúng. Trung châu là nơi giàu nhân tài vật lực ; đi về trung châu, đội du kích sẽ có đủ điều kiện phát triển lực lượng... ». Chúng tôi đi một quãng nữa thì gặp hai cơ sở đang chờ để dẫn đường. Đội du kích đi mãi đến xâm tối thì vượt sông Vệ đi lên suối Chí, vùng Núi Lớn. Lúc này chúng tôi chỉ còn chờ bất liên lạc với tỉnh ủy và đợi tin anh Chánh lên. Chờ mãi cho đến gà gáy lần đầu thì cơ sở dẫn anh Chánh vào chỗ chúng tôi. Anh Chánh mừng rỡ nói :

— May sao lại gặp các anh về đây !

Chúng tôi báo cáo tình hình quân Nhật vây chiến khu, đội du kích chuyển địa điểm lạc đường mới về Núi Lớn. Anh Chánh cười bảo :

— Lạc đường mà lại hay đây ! Nếu các anh lên Minh Long rồi, cũng lại phải quay xuống đây thôi. Có chủ trương của tỉnh ủy rồi.

Anh Chánh cho biết là ngày 31 tháng 5, tỉnh ủy đã họp bàn củng cố tổ chức và quyết nghị nhiều điểm quan trọng. Đặc biệt có quyết nghị về lực lượng võ trang, về việc xây dựng và tổ chức căn cứ địa và quân sự hóa quần chúng. Tỉnh ủy quyết định đưa đội du kích Ba-tơ về trung châu để tạo điều kiện phát triển nhanh chóng lực lượng võ trang toàn tỉnh.

Anh Chánh lên, tỉnh ủy còn gửi theo gạo, mắm, muối, đủ cho cả đội du kích ăn hai, ba ngày, quần chúng cảm tình dưới trung châu lại biểu đội một võ mạch nhà lớn, anh Chánh cũng cho chở lên theo. Sáng hôm ấy, toàn đội tập họp liên hoan, một chầu kẹo mạch nha.

Sau ba tháng thoát ly khỏi Ba-tơ, lần đầu chúng tôi được nếm mùi đường. Kẹo mạch nha ngọt thẩu lưỡi thì mới tình đùm bọc của nhân dân cũng thấm sâu vào trong lòng mỗi chiến sĩ du kích.

Ngày thứ nhất, chúng tôi cho anh em nghỉ để tắm giặt, còn chỉ bộ thì họp bàn kế hoạch mới.

Theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Chánh thì cuộc hội nghị vừa qua của Tỉnh ủy lâm thời đã có nhiều chủ trương và quyết định quan trọng. Trước hết, tỉnh ủy xác nhận việc chuyển hướng từ chủ trương cướp chính quyền nông thôn sau khi khởi nghĩa Ba-Tơ sang chủ trương lợi dụng tình hình hoang mang tan vỡ của bộ máy chính quyền cũ, làm tê liệt nó để phát triển các tổ chức Việt Minh là đúng.

Về mặt chính trị, Ủy ban vận động cứu quốc lập trung công tác tuyên truyền vào vạch thủ đoạn trao trả « độc lập » giả hiệu của phát-xít Nhật, vạch mặt phản quốc của bọn cầm đầu các tổ chức tay sai thân Nhật, đồng thời giải thích sâu rộng chủ trương cứu nước của Mặt trận Việt Minh, chủ trương bắt tay Đồng minh châu Nhật, tuyên truyền gây thanh thế để phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Ba-Tơ và đội du kích Ba-Tơ. Để thực hiện các chủ trương này, một mặt cho in và phát rộng rãi lời hiệu triệu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1941 (khi bấy giờ Quảng Ngãi chưa được truyền đạt chỉ thị ngày 12 tháng 3 năm 1945 của Thường vụ Trung ương Đảng), mặt khác xuất bản tờ báo « Chọn độc lập » để làm cơ quan vận động tuyên truyền tranh đấu.

Về mặt xây dựng lực lượng vũ trang, để chuẩn bị điều kiện vật chất cho tổng khởi nghĩa toàn tỉnh, Tỉnh ủy lâm thời chủ trương: song song với việc phát động

quần chúng để xây dựng và phát triển các tổ chức cứu quốc, cần đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang phát triển thì đây mạnh thêm một bước việc xây dựng lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng, lấy hai việc lớn đó hỗ trợ cho nhau để xây dựng phong trào.

Du kích chính thức là bộ đội chiến đấu, thoát ly sản xuất, có trang bị súng ống, biên chế cứ ba tiểu đội thành một phân đội, ba phân đội thành một trung đội, ba trung đội thành một đại đội. Trong mỗi đại đội có chỉ huy trưởng và một chính trị ủy viên lãnh đạo. Các trung đội và đại đội đều có một chỉ huy quân sự và một chính trị ủy viên (một đại đội hồi bấy giờ tương đương với một tiểu đoàn ngày nay). Tỉnh ủy căn cứ vào sự phát triển của phong trào chính trị ở đồng bằng, để tạo điều kiện cho đội du kích Ba-ô/T nhanh chóng trưởng thành, làm nòng cốt cho việc xây dựng các tổ chức bán vũ trang và hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, đã thông qua đề nghị chuyển đội du kích Ba-Tơ về trung châu. Trong lúc giặc Nhật đang tập trung quân cần quét vùng núi, đội du kích về trung châu, không những giải quyết được mọi khó khăn về tiếp tế, đánh lạc hướng quân địch mà còn phục vụ được nhiệm vụ trung tâm là chuẩn bị mọi điều kiện thúc đẩy thời cơ cho cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh.

Ngoài đội du kích chính thức, ở các làng xã còn tổ chức tự vệ cứu quốc và tiểu tổ du kích.

Đội tự vệ cứu quốc là một tổ chức bán quân sự không thoát ly sản xuất, lấy những phần tử trung thành hăng hái nhất trong các đoàn thể cứu quốc để thành lập. Nó có nhiệm vụ bảo vệ cho các chiến sĩ cách mạng, bảo vệ các cơ quan cách mạng, giữ trật tự, canh gác và bảo vệ

các đoàn thể cứu quốc trong khi hội họp mật-tính, biểu-tình, tranh đấu, phụ-lực giúp đỡ các tiểu tổ du kích lúc cần-thiết, bổ-sung người cho các tiểu tổ du kích.

Tiểu tổ du kích là một tổ chức cao hơn đội tự vệ và thấp hơn đội du kích Ba Tơ về mặt nhiệm vụ quân sự. Những người trong tổ chức này lấy trong những đội tự vệ có sức khỏe và tích cực nhất. Nó là nguồn bổ-sung cho lực lượng du kích chính thức. Vũ khí thống nhất cho các tiểu tổ du kích là dao bẩy (hình thù như lưỡi gươm, dài bẩy năm tay).

Vấn đề trang bị vũ khí cho các tổ chức vũ trang cũng đã có nghị quyết cụ thể. Hai biện pháp chủ yếu được nêu lên là tự chế vũ khí và mua sắm.

Các địa phương có nhiệm vụ thu thập sắt và sắt vụn đem về rèn khí giới, tích cực vận động thợ rèn vào hội cứu quốc, khuyến khích họ nhập ngũ để rèn khí giới cho du kích, tìm mua những thứ cần dùng cho bộ đội du kích chính thức như địa bàn, ống nhôm, đồng hồ... Trong mỗi ban chấp hành hội cứu quốc phải phân công người phụ trách chuyên lo sắm khí giới cho tự vệ, du kích làng mình. Toàn tỉnh và từng huyện lập ban quân nhu và ban tài chính phụ trách công tác vận động quần chúng quyên góp ủng hộ tiền bạc, lương thực, vật phẩm và các thứ cần thiết để nuôi dưỡng, trang bị cho đội du kích Ba Tơ và các tổ chức du kích, tự vệ ở cơ sở.

Tỉnh ủy lại có chỉ thị tổ chức hàng tháng « một ngày đặc biệt mua khí giới ». Chỉ thị nói rõ :

« Muốn đánh đổ quân thù cần phải có khí giới. Trong thời kỳ cách mạng trực tiếp, việc mua khí giới lại tối cần. Nhưng mua khí giới là một vấn đề quan trọng không phải chạy đâu nay vợ đâu nọ năm hào, mười

chữ mà mua được. Vì vậy toàn thể hội nghị mỗi tháng lấy ngày 27 âm lịch làm ngày lạc quyền đặc biệt để mua khí giới, gọi là « ngày mua khí giới ». Lấy ngày ấy để kỷ niệm ngày Ba Tơ khởi nghĩa cướp chính quyền và cũng là ngày thành lập đội du kích Ba Tơ».

Ủy ban vận động cứu quốc còn phát lời hiệu triệu kêu gọi đồng bào các giới:

«... Giờ đây hàng ngũ quân đội chúng ta đã chính tề. Họ chỉ còn đợi lệnh của đồng bào chúng ta là xông ra phất cờ chiến đấu với quân thù. Nhưng hiện nay có một vấn đề rất cần thiết và quan trọng là vấn đề khí giới... Muốn giải quyết vấn đề này lại cần đến một số tiền quá nhiều. Từ một cây gươm, từ một lưỡi giáo cho đến khẩu súng, viên đạn cũng không ngoại tiền... Theo con số phòng trừ thì phải cần đến hàng vạn mà các quỹ ủng hộ du kích Ba Tơ, quỹ cứu quốc cũng chưa đủ dùng vào công việc hàng ngày cho cách mạng nuôi dưỡng đội du kích, thì số dân chỉ vào khoản sắm khí giới cho nổi... Đến ngày 27 mỗi tháng, chúng tôi có tổ chức một « ngày đặc quyền sắm khí giới ».

Sự nghiệp của Tổ quốc có gây dựng được hay không, tiền đó cách mạng có tiến triển hay không, phần lớn cũng nhờ vào tâm lòng hy sinh ủng hộ của toàn thể đồng bào».

Ngoài các vấn đề trên, Tỉnh ủy lâm thời còn quyết nghị đẩy mạnh công tác vận động binh sĩ trong hàng ngũ địch vào hội « Quân nhân cứu quốc ». Ủy ban vận động cứu quốc tách cử ra một ủy viên chuyên trách công tác này.

Hội nghị Tỉnh ủy lâm thời cũng bàn đến chủ trương gấp rút liên lạc với các tỉnh lân cận, tiến tới thành lập chung ban chỉ đạo phong trào Việt Minh chung cho các

tiếng miền Nam Trung Bộ. Anh Trần Lương đi vào Bình Định, anh H.Đ. đi vào Khánh Hòa.

Anh Chánh báo cáo xong tình hình, chuyển sang phần hàn về việc chấp hành chỉ thị chuyển đội du kích Ba Tư về trung châu.

Theo kế hoạch mới, tỉnh ủy sẽ lập hai chiến khu ở trung châu, chiến khu Bắc đóng ở huyện Sơn Tịnh, vùng Vĩnh Tuy, phía bắc sông Trà Khúc, và chiến khu Nam lập ở vùng núi Dầu Rái mé sau Núi Lửa, thuộc huyện Mộ Đức. Khu Bắc do anh Phong, anh Thứ và tôi chỉ huy. Khu Nam do các anh Đôn, Đức chỉ huy. Anh Chánh là người phụ trách chung nhưng đi với đơn vị khu Bắc. Đội chia làm hai toán đi về hai chiến khu hoạt động. Tất cả sẽ đi thuyền xuôi Sông Vệ, chờ theo võ khí, bí mật đưa về căn cứ.

Sau hội nghị chỉ bộ, chúng tôi vô cùng phấn khởi trước triển vọng lớn mạnh của đội du kích và trước sự phát triển rộng rãi hình thức của phong trào trung châu.

Đang phấn khởi, chúng tôi lại được thêm tin mừng: đồng chí Hoa về đến căn cứ. Hoa vui mừng kể lại chuyện quân chúng ở Cơ Nhất dẫn hai đồng chí ốm xuống núi. Thỉnh ra sau khi Nhật rút, ông Run đã vội cho người lên tìm du kích. Nghe họ hú má, Hoa ra bắt liên lạc và kể đầu đuôi công việc. Người của ông Run về được một lát thì cô sáu đồng bào mang chân lên vớt hai đồng chí ốm xuống núi. Ông Run vừa gặp anh em, mừng rỡ nói ngay:

— Nhật kéo lên đông quá, tôi cứ lo cho anh em an trí. Nó cắm cây kiếm xuống đất, rồi đặt cái ống sát tai mà dọa tôi rằng nó đã biết cả rồi, không nói thật thì chết. Tôi không nói. Nó cứ cõ tôi chảy máu, tôi cũng

không nói. Bây giờ nó sợ an trí xuống đánh, nó rút hết rồi.

Sau đó ông Ruu cử người chăm sóc hai người ốm, hẹn lúc nào họ khỏe sẽ cho người đưa về với đội.

Nghe Hoa kể lại chúng tôi càng thêm thừa cảm phục lòng dân đối với cách mạng và chúng tôi thấy thắng Nhật cũng rất xoàng. Bao nhiêu binh tướng, súng ống, hùng hổ kéo lên tìm du kích nhưng nghe dân dọa mấy câu đã sợ hãi vội vàng rút lui; và qua việc này một phần đã cho chúng tôi có cơ sở để quyết định đánh Nhật cướp đồn sau này.

Sáng ngày thứ hai, tôi giả làm người bắt cá trên suối đi xem xét địa hình để định đường rút quân khỏi Núi Lớn. Bất đồ mới đi được một quãng ngắn đã gặp bốn người Thượng cùng đi mò cá đã đến sát chỗ chúng tôi bị mật trú quân. Họ đã thấy chỗ anh em du kích và súng ống các thứ, đề bảo đảm bị mật, chúng tôi phải mời bốn người lên nói chuyện và khéo léo tìm cách giữ họ lại ăn cơm trưa. Chúng tôi giả thích cho họ biết đây là những người dân hợp lại đánh Tây, đánh Nhật, chứ không nói là du kích hay an trí gì cả. Họ vui vẻ ăn cơm trưa và cũng nói chuyện đánh Nhật với chúng tôi đến chiều mới về.

Gần tối, đội tập hợp nghe phổ biến chủ trương mới. Chúng tôi không cho anh em biết ngay kế hoạch lập hai chiến khu của tỉnh ủy vì trong số du kích có mặt ở Núi Lớn chỉ có một phần sẽ được tiếp tục ở lại hàng ngũ còn những anh em khác sẽ được cử trở lại các địa phương làm nông cốt xây dựng phong trào nên không cần thiết cho anh em biết kế hoạch cụ thể.

Để khỏi lộ, ban chỉ huy chúng tôi tuyên bố với anh em:

- Hiện nay anh em ở Bắc có phái người vào bảo chúng ta đi ra ngoài ấy cùng hoạt động. Chúng ta sẽ kéo quân ra đó, vừa đi đường vừa làm công tác vận động quần chúng. Chuyển này sẽ gian khổ. Ban chỉ huy sẽ chọn một số đồng chí đi về các địa bàn tham gia công tác phát động quần chúng. Số còn lại vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ xây dựng đội du kích.

Sau khi anh em phát biểu ý kiến, ban chỉ huy chọn một số đồng chí ở lại. Số anh em khác chuẩn bị về địa phương trong đó có anh Náoá, người Cơ Nhât, còn Nếp thì cử một mực xin ở lại. Anh nói: «Tôi đi cùng cách mạng; cách mạng còn, tôi còn». Từ đó, Nếp đi theo du kích rồi tham gia kháng chiến, sau này trở thành một cán bộ quân sự của quân đội nhân dân. Số anh em người Quảng Ngãi thì đến Suối Bùn, chờ ba hôm sau sẽ về địa phương. Chúng tôi dặn dò anh em những điều cần trả lời khi bọn hương lý hỏi.

Sắp xếp mọi việc xong xuôi, chúng tôi tập hợp riêng số đồng chí còn lại, chia làm hai toán chuẩn bị đi về hai ngã. Họ là nòng cốt của hai đại đội chủ lực sau này. Anh Đôn và tôi nắm lấy tay nhau hẹn ngày thắng lợi. Mỗi người đi một hướng. Lực lượng tuy ít hơn so với hồi xuất phát từ Hang Én lên chiến khu, song chúng tôi đều tin tưởng rồi đây về giữa lòng quần chúng nhân dân lại luôn luôn được Đảng dìu dắt, lực lượng du kích sẽ phát triển mạnh mẽ. Tôi trở về Sơn Tịnh là nơi chôn nhau cắt rốn, quen đất, quen người lại có anh Chánh cùng đi kèm nên cũng yên tâm, chỉ lo cho anh Đôn đi vào phía nam địa bàn xa lạ có thể gặp nhiều khó khăn. Nhưng nghĩ cho cùng ở đâu cũng có Đảng lãnh đạo, ở đâu cũng có nhân dân đùm bọc, chẳng việc gì khó mà không vượt qua được.

Tất cả mọi công việc sửa soạn của toàn chúng tôi đều làm trong một buổi chiều. Đạn được xếp vào thùng, bên trên đồ dầy lúa. Súng đem dút vào giữa những bó bả mía, cứ bốn khẩu giấu trong một gánh. Bảy giờ tối, hai chiếc thuyền đã đậu sẵn ở dưới bến sông. Cả hai toán đều gánh võ khí chất xuống thuyền giả làm người đi chở lúa và bả mía trên vùng ngược về. Anh Chánh ra tận bến tiễn chúng tôi. Toán du kích thuộc chiến khu Bắc theo anh Chánh, anh Hoa và anh Khoách đi bộ qua đèo Eo Gió. Trường Ôi rồi vượt sông Trà Khúc sang Phước Lộc mà đi lên. Riêng anh Phong và tôi thì chuyên chở võ khí xuôi Sông Vệ về Cửa Hai rồi lại ngược sông Trà Khúc, hẹn gặp anh em ở trên Phước Lộc. Đoàn chúng tôi được phân phối mười lăm súng trường, một tiểu liên, một cạc-bin và chiếc ống nhòm. Tôi ngồi cạnh anh Phong, cả hai đều có võ khí cầm tay để có chuyện gì bất trắc, chúng tôi kịp thời đối phó. Những người chèo thuyền đều là cơ sở tốt của phong trào. Thuyền nhỏ sao được một hồi lâu thì trắng lên. Hôm ấy vào khoảng mười bảy, mười tám âm lịch, trăng lên muộn. Mái chèo khua nhẹ trên mặt nước. Ngồi trên con thuyền đang lướt giữa dòng Sông Vệ, hai bên bờ đầy những bãi dâu, nương ngô xanh tốt, nhưng chúng tôi không còn lòng dạ nào nghĩ tới sự thích thú của chuyến đi thuyền giữa đêm trăng. Chúng tôi cứ tính tới tính lui việc đối phó với những bất trắc có thể xảy đến. Đảng giao số võ khí này cho chúng tôi coi như phó thác vốn liếng của lực lượng võ trang để nay mai xây dựng chiến khu Bắc; nếu chúng tôi không bảo đảm được tốt thì coi như chúng tôi đã gây một tổn thất cho Đảng.

Đường sông vừa xa vừa phải qua nhiều nơi nguy hiểm như cầu sông Vệ, cửa Cồ Lũy, đồn Thương Chánh, cầu Trà Khúc, cầu xe lửa... Chúng tôi dự tính nếu gặp quân Nhật hoặc tụi bảo an chặn đường thì sẽ xảy ra đánh nhau; trong trường hợp ấy dù chết chúng tôi cũng phải bảo vệ cho được tất cả những cái gì mà chúng tôi đang chịu trách nhiệm trước Đảng.

Tôi đập Bến Thấp chỗ có bờ xe nước, thuyền của anh Dón ghé lại. Toán phía Nam bắt đầu vào những bó chiếu và bao tải, bên trong có súng, đạn, giao cho những cơ sở tin cậy (do Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi đã bố trí sẵn) đem đi giấu phân tán các nơi.

Thuyền chúng tôi tiếp tục xuôi sông. Ngang cầu sông Vệ, phía tả ngạn có một bốt gác của Nhật. Chúng tôi trú tinh nếu chúng gọi vào khám thì sẽ lao thuyền sang bờ nam rồi nhanh chóng tìm cách đổi thuyền. Nhưng trạm gác của Nhật bữa đó không chú ý đến thuyền chúng tôi. Chiếc thuyền ba chèo nhẹ nhàng xuôi về cửa biển Cồ Lũy.

Đến Cửa Đại, trời hừng đông. Cửa Đại vắng vẻ quá, chúng tôi cho thuyền đi chậm lại chờ những đoàn thuyền chở hàng ngược sông Trà Khúc đi tới để nhập bọn. Lúc này bọn địch ở đồn Thương Chánh vẫn còn ngủ. Thuyền qua khỏi đồn, chúng tôi giở com sang ra ăn. Com nguội, cà khô mặn chát mà ăn vẫn thấy ngon lành. Thuyền đã đi được nửa đường, chỉ còn một lèo nữa là tới nơi. Đi trên sông Trà Khúc, nước ngược nên thuyền đi chậm. Mặt trời vừa ló lên, gió nồm cũng lên theo. Buồm căng gió, đưa thuyền đi vèo vèo. Trong lòng tôi, nhẹ nhõm được vài phần lo âu. Một đoàn thuyền chở đường kéo lèn, chúng tôi bẻ lái, chen vào giữa.

Thuyền qua An Phú — Châu Sa. Bãi sông đến mùa
đỏ chín, đỏ ói một màu. Nhìn những quả ớt bị, to bằng
quả trứng gà, chín đỏ — thứ ớt vừa cay vừa ngọt — tôi
vừa sực nhớ lại chuyện hồi nhỏ đi thuyền qua đây,
người chủ thuyền bị tuần đinh giữ lại. Số là người chủ,
thì thuyền dingang đây thấy ớt ngon quá, cầm sào, nháy
mắt hái một vài quả. Bất đồ tuần đinh nấp sẵn trong
rừng ớt, rút mõ khỏi lưng quần, nổi hiệu vẫy bắt. Chủ
thuyền phải nộp một quan năm tiền đần, thuyền mới
lược đi. Nhớ lại chuyện cũ trên bãi ớt, tôi chợt lo
rằng kỳ này mà chúng nó giữ thuyền lại thì không phải
chuyện đần một quan năm tiền mà là chuyện hệ trọng
hơn nhiều.

Cầu sông Trà Khúc, tên quen gọi là cầu Quán Cơm
đã nằm ngang trước mắt. Một vài chiếc xe nhà binh
Nhật chạy vụt qua. Những tên lính Nhật mặc quần áo
vàng cũn cõn đi lại lảng xãng phía Quán Cơm. Một
khẩu cao xạ bố trí gần chân cầu, trông rõ mồn một.
Lần đầu tiên trông thấy những thằng lính Nhật ở ngay
trước mắt mình, tôi tự hỏi không biết những thằng này
có lên vây du kích ở Ba Tư đạo họ hay không. Mới
hôm nào còn tránh mặt chúng, hôm nay đã thân nhiên
qua mặt chúng để rồi mai đây sẽ nện cho chúng ra trò.
Tôi đưa mắt quan sát để xem cách thức chúng nó
khám thuyền thế nào. Những chiếc thuyền đi trước
bắt đầu hạ buồm để chui qua cầu. Bọn Nhật không gọi
thuyền nào vào cửa, thuyền chúng tôi cứ theo đoàn mà đi.

Khỏi cầu Trà Khúc tới cầu xe lửa. Đối với tôi, nó
cũng rất lạ mắt vì hồi tôi còn ở nhà, cầu này chưa
làm. Qua được cầu sắt Trường Xuân, lòng tôi nhẹ nhõm
hẳn. Mười phần khó khăn coi như đã trút được bầy, làm.
Từ lúc ngược sông Trà Khúc, tôi giấu khẩu tiểu liên đi

mà cầm khẩu súng lục, thủ dưới áo. Qua cầu xe lửa rồi, giắt xong khẩu súng dưới lưng quần, tôi mới thấy bàn tay moi ròi vì đã qua một đêm ngày luôn luôn ghi chặt nó.

Khởi cầu một cây số rưỡi, thuyền men theo làng Thọ Lộc. Đây là làng của anh Chánh. Đối với tôi, nó quá quen thuộc. Hồi trước tôi thường đi lại với người anh của anh Chánh là anh Tãi, một đồng chí Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Những hàng dưa, hàng cau cao ngọn vẫn còn kia. Và hiện giờ nghe nói em gái tôi là cô Trinh, vợ anh Chánh cũng đang bị quản thúc ở đây. Nhưng tôi không dám có ý nghĩ ghé vào thăm.

Thuyền ngược dòng lên đến Phước Lộc thì cập bến. Vùng nông thôn trên này coi như cách mạng đã làm chủ. Nhờ lời anh Chánh dặn: «Đến sớm có người đón sớm, đến muộn: đón muộn, đừng lo», chúng tôi đứng đình găm thuyền. Chả phải chờ đợi lâu, có người ra đón chúng tôi ngay. Mà người đón chẳng phải ai xa lạ: chính là anh Chót, anh ruột của anh Đôn. Xa nhau mười ba, mười bốn năm nhưng mới gặp đã nhớ mặt ngay. Anh Chót cho biết số anh em đi đường bộ đã về ngoài này đông đủ cả. Xóm làng trên này đã có tổ chức tự vệ...

Đến thăm tôi, những gánh «lúa» và «bã mía» được chuyển vào làng, đưa vào cơ sở cách mạng.

Những ngày tiếp theo, anh em du kích Ba Tư chia nhau đi các làng, các xóm tập luyện cho các tổ tự vệ. Đồng chí Nếp trở thành một giáo viên hăng hái nhất. Hoạt động ở vùng Vĩnh Lộc, Châu Nhai non nửa tháng, chúng tôi đã tuyển lựa trong số tự vệ hăng hái, dũng cảm, thể lực tốt, được mười sáu, mười bảy người, lập ra một trung đội du kích thoát ly. Ở Vĩnh Lộc, chúng tôi còn tuyển truyên vận động được một anh thợ rèn gia nhập đội, phụ trách rèn dao, kiếm cho du kích.

Toán du kích Ba Tư về tới trung châu lại chia làm ba tổ giáo viên vừa đi làm công tác tuyên truyền ở các thôn xóm vừa huấn luyện cho lớp tự vệ tập trung. Qua một thời gian, thấy phong trào huyện Tư Nghĩa, phía nam sông Trà Khúc, cơ sở lên đồng đều hơn, chúng tôi chuyển sang bên ấy. Đến địa bàn mới, chúng tôi tuyển thêm một số du kích ở Phước Lâm rồi kéo lên núi Thạch Bích lập chiến khu ở Đà Sơn.

Thạch Bích là một dãy núi cao, sánh ngang với núi Cao Muôn bên Ba Tư và cũng liền một mạch với nhau. Tập luyện mới được một tuần lễ thì bị lộ (do anh em đi lên đi xuống núi nhiều lần, đồng bào Thượng biết). Lại một hôm, đồng chí gác thấy cộp liễn nổ súng, gây cáo động. Thế là đội du kích phải di chuyển ngay lên vùng cao hơn. Đến làng Tà Ót, gặp cơ sở tốt, đội dừng lại. Chẳng may vùng này khí hậu quá xấu, anh em ngã ra ốm gần hết. Trừ một số anh em đã ở Nước Lã như anh Chánh, anh Phương, anh Nếp và tôi ra, còn tất cả hai mươi bảy người mới tuyển, chẳng anh nào không bị sốt rét.

Ở Tà Ót được nửa tháng, đội du kích lại quay về Phước Lâm. Những đồng chí ốm được quần chúng cách mạng đem về nhà nuôi. Được sự chăm sóc tận tình của nhân dân, chẳng bao lâu, anh em bình phục gần hết. Lúc này bên tả ngạn sông Trà Khúc, vùng Vĩnh Tuy đã xây dựng tốt cơ sở quần chúng. Đội quyết định trở lại Vĩnh Tuy. Cũng từ đó, Vĩnh Tuy mang bí danh là chiến khu Vĩnh Sơn tức là chiến khu Bắc theo như nghị quyết của tỉnh ủy.

Thấy cơ sở phong trào Việt Minh đã lan khắp các huyện trung châu, nhiều xã đã có tiểu tổ tự vệ; ở một số xã đã có du kích thoát ly. Đội chúng tôi lại phân

công nhân đi các nơi vừa làm công tác tuyên truyền vừa huấn luyện và chọn một số anh em tự vệ du kích lên chiến khu để huấn luyện. Để bảo đảm bí mật và phải qua thời gian nghiên cứu thử thách, chúng tôi cho tập trung số anh em đó đến Trà Bồng - Khánh Mỹ thuộc huyện Sơn Tịnh để huấn luyện. Những đồng chí nào xuất sắc và vững vàng mới được đưa lên chiến khu Vĩnh Sơn tập luyện tiếp, nhưng lúc đầu các đồng chí đó cũng chỉ mới được ở ngoài cửa ngõ chiến khu. Qua một thời gian thử thách nữa, đồng chí nào tỏ ra xuất sắc hơn mới được chính thức vào chiến khu.

Lực lượng phát triển rất nhanh chóng. Tiếng rằng ở chiến khu Vĩnh Sơn có tổ chức một đại đội du kích lấy tên là đại đội Phan Đình Phùng nhưng thực ra quân số đông đến hàng ngàn người. (Tuy vậy chúng tôi cũng chỉ tổ chức thành bốn phân đội) Riêng các chiến sĩ sử dụng kiếm, nếu biên chế theo bây giờ thì cũng có tới hàng tiểu đoàn. Để cho việc trang bị, liếp tế gọn, nhẹ và dễ giữ vững nồng cốt ở các địa phương, ban chỉ huy đại đội chủ trương cứ từng đợt huấn luyện thuần thục lại tung một số đơn vị về các xã. Đáng thương trực trên chiến khu chỉ có một đại đội khoảng hai trăm người chia ra làm bốn trung đội. Nhờ cách huấn luyện luân chuyển như vậy mà đến ngày Tổng khởi nghĩa, Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh một lúc có thể huy động hàng ngàn chiến sĩ.

Ở chiến khu Nam, trong thời kỳ này, đại đội Hoàng Hoa Thám do đồng chí Nguyễn Đôn chỉ huy cũng đã được khẩn trương xây dựng và phát triển mạnh mẽ. Quân số có hàng ngàn người kể cả du kích bán chính thức. Các đội tự vệ cũng được xây dựng khắp nơi.

Chuyển về trung châu, được nhân dân các huyện-xã trực tiếp nuôi nấng, chỉ một thời gian ngắn, đội du kích Ba Tơ đã trưởng thành một cách nhanh chóng. Do điều kiện ăn ở ổn định hơn nên công tác giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự cũng có nền nếp hơn trước. Các tài liệu giáo dục bản chất cách mạng, nhiệm vụ chính trị, kỷ luật quân sự được hoàn chỉnh. Tờ báo « Xung phong » của đội ra đời, gồm các mục: xã luận, tin tức phong trào, ca dao, thư động viên của nhân dân khải hiệu... Báo ra khổ 9x15 trên giấy học sinh, bài ngắn, gọn. Có những bài được anh em ghi vào sổ học tập như bài nói về kỷ luật của đội có đoạn viết:

« *Tinh thần kỷ luật* — kỷ luật của quân đội du kích cứu quốc nhất thiết nghiêm minh, muốn người như một, mọi người phải phục tùng. Khi có lệnh thì hành giết sạch quân thù, luôn giữ hàng trận; coi xung phong mỗi khi thúc giục, đấu bom đạn cũng không từ. Các chính trị ủy viên, các cấp chỉ huy quân sự và toàn thể đội quân ai theo phận sự này, một lòng một dạ, sát cánh đều tay, khi xông ra trận lạnh như điện, mạnh như hùm, tiêu diệt quân thù, hoàn thành chiến lược. Gặp bước bốn phương lưu lạc, nay nhà này mai xóm nọ, đôi cơm lạc mấm vẫn giữ tròn kỷ luật mà không hề phạm của ai... »

Để đảm bảo cấp dưỡng và trang bị cho lực lượng du kích đang nhanh chóng phát triển, nhân dân Quảng Ngãi đã không tiếc tiền của, hăng hái quyên góp vào quỹ nuôi quân. Các ban tài chính, quân nhu tỉnh, huyện được bổ sung đầy đủ.

Ở các làng, xóm, đồng bào bí mật tổ chức « hũ gạo Ba Tơ ». Hàng ngày, từng nhà góp gạo, khoai, sắn ủng hộ cách mạng. Có người ủng hộ một lần 50 hay 100 ang.

lúa, mỗi ang lúa cần được năm kí-lô-gam). Ở vân Trường có bà cụ ủng hộ cả một cây vải (dài 20 mét) để may quần áo cho đội. Có nhà khá giả, nữa muốn ủng hộ cách mạng nữa chưa tin vì còn sợ Nhật, đã nói với cán bộ vận động: « Mình làm nhiều keo rồi, chưa thấy thành công, bây giờ tuí Nhật lại dữ quá tay. Chẳng hay cách mạng có sung không? Nếu có cho xem một tí, tôi có bốn con bò xin bán một đôi, ủng hộ ngay». Thấy người ta cứ nần nỉ xin xem sung, cán bộ phải tổ chức ba đồng chí du kích súng ống nài nỉ gọn gàng, nhân một chuyến công tác, ban đêm ghé vào thăm. Thấy mặt du kích, người nghèo phấp khởi người giàu yên tâm. Về sau có nhà giàu cũng ủng hộ. Lúc bấy giờ, mỗi lần nhận quyền góp, ban tài chính có làm biên lai nhỏ, viết tay, dưới đóng dấu Việt Minh, bọn tri huyện, hương lý có biết cũng chẳng dám làm gì

Hàng tuần hay nửa tháng, các huyện lại tổ chức một chuyến tiếp tế lên hai chiến khu Vĩnh Sơn và Núi Lớn. Việc vận chuyển do các đội tự vệ và thanh niên cứu quốc đảm nhiệm. Phương tiện thường là bằng gồng gánh, hoặc dùng xe đẩy. Có lần dọc đường bọn hương lý chặn đường đòi khám, anh em tự vệ cảnh cáo và đuổi chúng đi rồi lại tiếp tục vận chuyển. Huyện Mộ Đức có đêm chở lên chiến khu hàng năm chục tấn chân sợi, hàng xe vải, giấy ba-ta. Những lần gặp quân Nhật, có kho khấn nguy hiểm hơn, nhưng với tinh thần hăng hái hy sinh và khí thế cách mạng, cán bộ, nhân dân ta vẫn không lùi bước. Có lần, đồng chí Trần Ruộng (vừa được bổ sung vào Tỉnh ủy làm thời tỉnh Quảng Ngãi), mang hai mươi lăm ngàn đồng tiền quý nuôi quân từ Đức Phổ lên tiếp, chẳng may qua Đồng Cát bị một toán bốn mươi tên lính Nhật chặn lại. Chúng

khám người thấy một số tiền to và nhiều tài liệu có dấu của Việt Minh huyện. Mặc dù bị chúng đánh đập, tra tấn dã man, đồng chí Ruộng chỉ một mực khai là đi buôn đường gập giấy tờ ai vứt trong bụi thì lượm về để cuốn thuốc hút. Nhật sắp hai hàng lính dẫn đồng chí quay trở lại, vừa đi vừa tra hỏi: «Bọn Ba Tư ở đâu?» Đến khi vào làng, bọn Nhật nghe tiếng mõ nổi lên âm âm, chúng sợ quá, kéo Ruộng lên xe đi về Quảng Ngãi. Ở thị xã chúng tiếp tục tra tấn đồng chí nhưng vô hiệu quả. Nhật giao cả người và tài liệu cho trưởng bù nhìn xét hỏi. Đồng chí Ruộng đã nói thẳng với tên tỉnh trưởng L.T.H.: «Tôi là người của Việt Minh, tiền này, giấy này là của Việt Minh. Ông xử sự thế nào thì ông chịu lấy trách nhiệm với Việt Minh». Cuối cùng tên tỉnh trưởng phải thả đồng chí Ruộng và trả lại số tiền quỹ nuôi quân cùng các tài liệu.

Hồi bấy giờ, để tăng thêm lực lượng nuôi quân, có xã miền biển ở Sơn Tịnh tổ chức lấy gạo của Nhật. Nguyên ở vùng này, bọn Nhật thường trưng dụng ghe bầu loại trọng tải từ mười đến hai mươi tấn, vào Sài Gòn chở gạo ra Quảng Ngãi cho chúng. Có những đoàn vận tải được cách mạng giáo dục, tổ chức nên đã cập bến ở những bãi ngang dọc biển, giao ngay gạo cho các đội tự vệ và các đoàn thể cứu quốc để huyện lên chiến khu. Bọn Nhật mất mấy chuyến hàng, lổn lổn truy nã, nhưng bộ máy chính quyền của chúng ở nông thôn vốn đang suy sụp, rút cục chúng đánh bó tay.

Trong vòng hai tháng kể từ khi đội du kích Ba Tư về trung châu, việc lo sắm khí giới được tổ chức ở hai chiến khu Việt Sơn và Núi Lớn cũng như ở các xã với một nhịp độ khẩn trương. Những hội viên cứu quốc

làm nghề thợ rèn tự nguyện góp lò và bể cho các mạng. Riêng ở trên Núi Lớn, mở một xưởng rèn trên hai mươi lò. Vật liệu do các địa phương cung cấp. Ở Đức P. ò, các đội thợ rèn cả đường ray xe lửa chuyển lên chiến khu. Sản đường ray khó làm, người giỏi mỗi ngày cũng chỉ đánh được hai lưỡi kiếm, nhưng với tinh thần lao động ngày đêm không nghỉ, các lò rèn vẫn sản xuất đủ khi giới cho các tiểu tổ du kích và những đội du kích tập trung huấn luyện. Ở mỗi chiến khu còn tổ chức bộ phận chuyên môn chữa súng. Hết hết súng trường, tiểu liên thu lượng được ở những kho cũ của Pháp ở hoặc ở những nơi binh lính Pháp cất giấu trước khi chạy trốn đều thiếu phụ tùng hoặc hư hỏng, phải sửa chữa lại. Hơn một tháng, các trạm sửa chữa ở hai chiến khu đã phải chữa trên năm trăm khẩu súng từ khắp nơi trong tỉnh chuyển về. Ngoài ra, các cơ sở binh vận trong hàng ngũ binh bảo an của Nhật cũng xoay xở được một số súng đem ra cho các lực lượng du kích.

Phong trào cứu quốc trong tỉnh bấy giờ đã rộng khắp. Tài liệu của tổng bộ Việt Minh và tin tức về khu giải phóng Cao - Bắc - Lạng và Hà - Tuyên - Thái tới tập gửi vào Quảng Ngãi làm nức lòng các chiến sĩ du kích. Mọi liên hệ với phong trào các tỉnh phía bắc và phía nam đã chấp nối được chặt chẽ. Trong hàng ngũ các hội cứu quốc, phong trào ủng hộ du kích và xung phong tham gia vào du kích rất sôi nổi.

Tháng 6 năm 1945, dựa theo chỉ thị của Trung ương, tỉnh ủy Quảng Ngãi họp và đề ra bốn điều kiện đề khởi nghĩa.

— Liên lạc được với Trung ương và có nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về khởi nghĩa.

— Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Quán Đồng minh đồ bộ lên nam Trung Bộ.

- Quán chúng sẵn sàng nổi dậy. Liên hệ với các tỉnh bạn để hành động chung.

Tình hình lúc này không riêng trong tỉnh Quảng Ngãi mà ở các tỉnh khác không khí cách mạng đang sôi sục.

Tháng 7 năm 1965, hội nghị liên tịch của 8 tỉnh họp bàn:

- Cử ban liên lạc chỉ huy chung.

- Thông qua bốn điều kiện khởi nghĩa của tỉnh Quảng Ngãi.

Sau cuộc hội nghị này, đồng chí Tố Hữu thay mặt ủy ủy đến phổ biến chỉ thị về chuẩn bị tổng khởi nghĩa của Trung ương cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Tình hình tỉnh Quảng Ngãi lúc này đang phát triển rất mau lẹ. Nhiều làng xã đã có chi bộ Đảng lãnh đạo. Cách mạng hầu như làm chủ nông thôn từ phía tây và phần lớn phía đông đường xe lửa. Hương lý các nơi đều biết các hoạt động của phong trào cứu quốc nhưng không dám đi báo với Nhật, làm cho phát-xít Nhật tuy đảo chính Pháp mấy tháng rồi mà vẫn không thể nào nắm được nông thôn. Trong các thị xã, thị trấn, cơ sở cách mạng cũng được xây dựng và phát triển nhanh chóng.

Để đẩy mạnh phong trào du kích phát triển thêm một bước mới, tỉnh ủy đồng ý cho chi bộ đại đội Phan Đình Phùng đánh các trận nhỏ trên đường giao thông.

Ngày 10 tháng 8 năm 1945, một cuộc duyệt binh lớn được tổ chức rầm rộ tại chiến khu Vĩnh Sơn, có năm trăm chiến sĩ tham gia. Đồng chí Hồ Thiết thay mặt tỉnh ủy và Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh lên dự. Đây cũng là lần đầu tiên, đội ngũ du kích được tham gia một

buổi lễ long trọng như vậy. Các chiến sĩ, gồm tuốt
trần, súng ống đầy đủ, hàng ngũ chỉnh tề. Đại biểu
lãnh giao nhiệm vụ cho đại đội Phan Đình Phùng phát
động chiến tranh du kích, đánh vào các toán tuần tiễu,
vận tải, tập kích các toán bảo an của địch, đồng thời
trao gươm, trao cờ cho đơn vị Anh Chánh thay mặt
toàn đội lên nhận gươm, cờ và hứa hẹn sẽ làm tròn
nhiệm vụ. Ngay sau đó chúng tôi gấp rút chuẩn bị
đánh các đoàn vận tải của Nhật trên đường Hồng Ké-
Sơn Hà và Trà Bồng — Châu Ô...

Ít ngày sau anh Chánh trở về cơ quan tỉnh ủy bàn
việc tổ chức trao cờ cho chiến khu Nam và phát động
chiến tranh du kích ở mạn trong. Lúc anh trở về ngang
thị xã Quảng Ngãi thì nghe cơ sở — trong cơ quan chính
quyền bù nhìn Trần Trọng Kim — báo cáo tin Nhật đầu
hàng. Anh Chánh vội dừng lại chờ nghe đài xác minh
chắc chắn rồi đi xe đạp ngay vào Thị Phò. Thường vụ
tỉnh ủy còn đang họp chưa giải tán đã cấp tốc triệu
tập luôn hội nghị thường vụ mở rộng. Hội nghị nhận
định điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi và lệnh khởi
nghĩa chớp các phủ, huyện đánh chiếm các đồn binh,
tiến tới cướp tỉnh lỵ. Ủy ban vận động cứu quốc Quảng
Ngãi của tổng bộ Việt minh được đổi tên thành Ủy
ban khởi nghĩa.

Khoảng tám giờ tối ngày 14 tháng 8, anh Chánh lên
đến Vinh Sơn. Dưới ngọn đèn tù mù, chỉ bộ họp bàn
rất khẩn trương. Anh Chánh nói nhanh, gọn:

— Nhật đầu hàng rồi, tỉnh ủy chỉ trương nhanh chóng
cướp chính quyền và chỉ thị cho đại đội du kích Phan
Đình Phùng triển khai đánh chiếm ngay các đồn Sơn
Hà, Di Lăng, Trà Bồng, Châu Ô, rồi kéo về phía trên cầu

xe lửa Trường Xuân một cây số. Ở đó chờ lệnh. Các đồn Ba Tư, Minh Long, Nghĩa hành, Mộ Đức do đại đội Hoàng Hoa Thám phụ trách. Thời cơ này phải chớp mau mới được.

Thật là bất ngờ mà cũng rất khẩn khởi. Chúng tôi thấy chỉ trong thời gian ngắn mọi việc chuyển biến quá nhanh. Phong trào lên mạnh, lực lượng quân sự cũng phát triển nhanh, tình hình khách quan cũng thay đổi từng ngày, từng giờ. Tôi thoáng nghĩ: già anh Trần Quý Hai đi ra Trung ương dự Hội nghị Tân Trào lúc này về kịp thì hay biết mấy. Nhưng rồi tôi lại nghĩ: Không thể nào ngồi mà chờ được. Không khẩn trương là bị tình hình bỏ rơi ngay.

Chi bộ bàn luôn kế hoạch chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa. Chúng tôi phân công các bộ như sau:

— Đồng chí Thứ chỉ huy một trung đội đánh đồn Trà Bông rồi kéo xuống đường số 1, đánh Châu Ổ.

— Đồng chí Phương và đồng chí Phan Phương chỉ huy một trung đội đánh huyện lỵ Sơn Hà.

— Đồng chí Chánh và tôi chỉ huy hai trung đội đánh đồn Di Lăng vì địch ở đây tương đối đông và có công sự, bố phòng kiên cố.

Chi bộ họp xong, ban chỉ huy đại đội ra lệnh báo động. Chưa đầy 7 phút, toàn đơn vị đã tập họp sẵn sàng với khí thế xung trận. Lệnh chiến đấu phát ra. Các bộ phận lập tức xuất quân theo các hướng đã định.

Phân đội chúng tôi đi suốt đêm, vượt sông Giang, qua Phú Thọ, Núi Một tới Hồ Rọ thì trời vừa sáng. Lệnh khởi nghĩa của tỉnh đã nhanh chóng truyền đi các ngả cho nên mới bốn, năm giờ sáng, làng xóm hai bên đường đã nổi trống mõ đi biểu tình, bắt Việt gian. Chúng tôi đi theo mé núi rồi rẽ vào rừng nấu cơm ăn và gói theo đề danh

hơn sáu. Khoảng bốn, năm giờ chiều, đơn vị qua đèo Cà Đào. Đến cách Di Lăng hai cây số, chúng tôi lặn ra hai bên vệ đường. Anh Chánh đi trước, dẫn theo hai chiến sĩ để bắt liên lạc với ban cơ sở binh vận trong đồn Di Lăng là Duẩn và Liên (hai anh này trước đây do anh Tài cùng một số anh em khác đã tổ chức được). Tôi chuẩn bị cho đơn vị kéo tiếp lên vây đồn. Anh Chánh vào nhà riêng của Duẩn ở ngoài đồn. Vợ Duẩn gọi chồng ra, Anh Chánh bảo:

— Nhật đầu hàng rồi. Chúng tôi lên lấy đồn đây. Dịp này các anh cố lấy công chuộc tội.

Duẩn đồng ý với kế hoạch la dụ quân Trần—chỉ huy đồn Di Lăng—ra cho du kích bắt. Tối hôm ấy anh ta giết gà, mua rượu mời quân Trần ra đánh chén. Trời vừa tối thì quân Trần ra nhà Duẩn. Hắn ngồi giữa, hai vợ chồng Duẩn ngồi hai bên. Trong lúc hẳn đang ung dung nhấm nhap thì bên ngoài anh Chánh cùng với hai chiến sĩ đã đứng trước cửa. Hắn có súng lục mang theo, nhưng trước khi vào ăn uống, Duẩn đã cẩn thận «chăm sóc» cho quan trên bằng cách «xin» để súng của quan vào ngăn kéo cho tiện. Khi anh Chánh gõ cửa, quân Trần hỏi vọng ra:

— Ai?

Duẩn lặng lẽ ra mở cửa. Anh Chánh xông vào, giơ súng, quát:

— Ngồi im, không động đậy

Quân Trần luồn tay xuống ngăn kéo định rút súng lục ra thì hai chiến sĩ du kích chia mũi lê sát nách hắn, hô lớn:

— Giơ tay lên kéo mũt mạng!

Bấy giờ hắn mới run rẩy giơ tay, mặt tái mét, miệng lừ rừ van:

— Em xin nghe lời. Xin các ngài tha chết cho em.

Quân Trần bị bắt. Du kích dẫn hẳn tới cửa đồn Di Lãng. Đồn này đóng trên một cao điểm, sau lưng có sông, cổng đồn hướng về phía đông, nơi có con đường từ dưới trung châu lên. Bên cạnh đồn có một sân bay cho các máy bay trinh sát bà già hạ cánh. Bên phía đồn là những đồi trọc. Trước ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, máy bay Mỹ nhiều lần tới thả dù tiếp viện cho bọn Pháp - Đờ Gôn chuẩn bị căn cứ chống Nhật. Từ đó đồn này có giao thông hàng bằng gạch và lô-cốt xi-măng. Sau ngày mồng 9 tháng 3, Nhật kéo lên chiếm Di Lãng và cho tên quân Trần chỉ huy bọn lính hảo an ở đồn này. Khi đã bố trí lực lượng du kích xong, chúng tôi bảo tên quân Trần gọi binh lính trong đồn ra hàng. Quân Trần liu lười, lên tiếng:

— Tôi là quân Trần đây anh em mau mau mở cửa, giao đồn cho các ông Việt Minh.

Hắn gọi hàng hai, ba lần, bên trong vẫn không có tiếng trả lời. Chúng tôi bắn một loạt súng cảnh cáo. Bên trong lẽ lẽ có vài phát bắn ra. Quân Trần cố gắng quít vào lấy quân ta đứng bắn nữa. Hắn gọi đích danh từng tên vai, đội, bảo đừng bắn vì hắn sợ lạc đạn chết và cũng sợ cả ta bắt tội hắn nữa. Lính hảo an cùng sai, đội đang do dự thì anh Liên (cơ sở binh vận của ta) lên tiếng kêu gọi binh lính trong đồn đầu hàng. Kết quả, tất cả bọn lính trong đồn đều hạ súng. Quân du kích xông vào chiếm đồn. Cờ địch bị hạ xuống. Cờ đỏ sao vàng được treo cao trên đỉnh cột. Tiếng rằng hai trung đội, nhưng chúng tôi chỉ có cả thầy 8,9 khẩu súng trường, còn toàn là giáo mác. Hạ đồn Di Lãng, chúng tôi thu thêm được ba mươi bảy khẩu súng trường và một khẩu

sứ g luo. Trận đầu xuất quân thắng lợi, các chiến sĩ ai nấy đều phấn khởi. Riêng tôi, cứ nhớ lại ngày đầu tiên báo động ở Ba Tơ, bụng bảo dạ rằng: Thắng quan tư đạo ấy mình sợ hễ để cho nó thoát, cứ lần này thì thắng quân Trần phải giữ cho chặt. Tôi soi đèn nhìn mặt hân và bảo:

— Mày mà chạy trốn thì mất mạng

Thực ra, tôi phải ghim lòng lắm mới nói nổi câu đó với hân vì tôi căm thù hân đến tận xương lủy.

Hồi 1930—1931, tên chó săn này còn đóng lon dọi đã lên áp rất dễ man phong trao cách mạng. Chính hân đã chỉ huy lính bắn vào quân chúng đi biểu tình. Từ đội nhì, lên đội nhất rồi lên quân, hân đã gây không biết bao nhiêu tội ác. Hân lên đóng ở Ba Tơ đã bóc lột, hà hiếp nhân dân đủ điều. Hân vợ vét tiền bạc nhiều hơn cả những tên quan lại nổi tiếng đục khoét dưới trung châu. Hân đã chủ trương cho binh lính đối xử tàn tệ với anh em an trí. Từ ngày tên quan một Phi-líp đổi đi nơi khác, hân lên làm tướng đồn lại càng hống bách. Sau lúc đội du kích Ba Tơ rút lên Cơ Nhất, chính hân cùng đội Bá theo gót Nhật trở lại Ba Tơ bắt bớ tra tấn quân chúng để dò la manh mối du kích. Có lần chính hân đã bắt một quân chúng tên là Từ, giam cầm, tra tấn năm ngày đêm liền, đến giập nát cả thân thể. Và ngay chính con đường phản cách mạng của hân đã dẫn hân đến cảnh rơi vào tay quân khởi nghĩa.

Ngày đêm ấy, quân Fran bị nhốt trong một căn hầm kiên cố tại đồn Di Lăng.

Anh Chánh dặn tôi:

— Sáng mai tuyên bố tội trạng của nó trước, quân

chúng nhân dân rồi cho hai chiến sĩ giải về xuôi, giao cho cơ quan tỉnh xử lý.

Sau khi sắp xếp xong mọi việc, anh Chánh và tôi hội ý chủ trương phát huy chiến thắng. Tôi sẽ ở lại Di Lăng với một tiểu đội và 4, 5 khẩu súng trường để sáng ngày 18 tháng 8 sẽ tổ chức cuộc mít-tinh tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng. Còn anh Chánh, ngay đêm ấy cùng hai trung đội về trung châu. (Đi tới sáng thì anh Chánh gặp trung đội của anh Phương và anh Phong ở Hà Thành. Hai anh Phương và anh Phong báo cáo trận đánh huyện lỵ Sơn Hà cũng thắng lợi gọn gàng, quân ta bắt toàn bộ lính bảo an, thu ba mươi lăm khẩu súng, viên kiểm lý xin hàng. Bên ta chỉ có một chiến sĩ bị thương. Anh Chánh cũng kể lại chiến thắng Di Lăng cho trung đội của hai anh Phương và Phong rõ. Rồi cả hai cánh quân sát nhập thành ba trung đội cùng kéo về Phước Lâm).

Ở lại Di Lăng, cả đêm hôm ấy tôi thức trắng để chuẩn bị công việc cho ngày mai, nhưng bụng dạ tôi cứ suy nghĩ không biết cánh Trà Bồng làm ăn ra sao, cuộc tổng khởi nghĩa ở các nơi đã diễn ra như thế nào. Bỗng vào khoảng ba giờ sáng, anh em gác tới báo tin quân Trần đã trốn mất. Tôi giật mình, tức tốc tôi hầm giam để xem xét, đồng thời cho người loan tin đi các nơi vây bắt. Hầm giam quân Trần tưởng dày kiên cố, cửa khóa chắc chắn, có người gác cẩn thận, làm thế nào mà tên này trốn thoát được? Vào hầm, tôi thấy dưới nền có mấy viên gạch bị nạy lên, phía dưới có một con đường hầm thông ra ngoài. Quân Trần đã chui theo lối bí mật ấy mà trốn thoát. Thì ra tại Pháp trước đây đã chuẩn bị « chiến đấu » quá chu đáo. Chúng nó tính

đến cả chuyện bị Nhật bắt giam nên đã xây sẵn một đường « đặc biệt » để tháo thân.

Quần chúng cách mạng nghe tin quân Trần trốn tù liền đổ ra hỗn phía vây bắt.

Bây giờ sáng, cuộc mít-tinh được tổ chức trước cổng đồn Di Lăng. Ủy ban nhân dân cách mạng ra mắt, công bố các quyền tự do dân chủ và đề ra nhiệm vụ diệt trừ tay chân của phát-xít Nhật. Đến chín giờ giải tán mít-tinh, tôi vội vã mượn xe đạp quay về trung châu. Mười hai giờ trưa tới Hà Thành nghe tin du kích, tự vệ ở đây đã bắt được quân Trần. Hầu chạy không thoát khỏi mạng lưới bao vây của đồng đội quần chúng cách mạng. Về sau tên chó săn này bị tòa án nhân dân cách mạng xử tử.

Tôi đạp xe về đến Phươc Lâm thì được tin anh Chánh cũng đơn vị đã cấp tốc kéo về xuôi vì nghe tin quân Nhật đang tiến đánh vào làng Xuân Thổ. Từ Phươc Lâm sang Xuân Thổ đường lấm khe, lấm hố, xe đạp khó đi nên tôi phải quay sang tả ngạn sông Trà Khúc. Xuôi ngang làng An Phú, quê tôi, tôi có ý định tạm qua nhà (ngay cạnh đường cái) một chốc. Nhưng khi hỏi thăm đường thì biết là mình đã đi quá nhà một đoạn và tôi không còn đủ thời gian trở lại nữa nên tôi nhắn lại với anh chị em du kích gác dọc đường : gửi lời thăm mẹ tôi và bảo anh Sáu Trần phải bắt cho được tên việt gian Bùi Phương Chánh (1).

1. Bùi Phương Chánh là tên phản bội từ năm 1930 - 1931, làm tay sai cho đế quốc, sau trở thành địa chủ. Trước đây hẳn phụ trách tài chính của huyện ủy, sau đầu hàng địch, tấn công toan hót với tội đế quốc xử án các đồng chí ta thật nặng để rành tay lấy tiền của Đảng về tậu ruộng làm giàu.

Về đến Xuân Phổ, tôi gặp anh Chánh. Anh cho tôi biết: Hôm trước, một chiếc xe «gíp» chở một tên sĩ quan và một tên lính Nhật có một tên phiên dịch đi theo, từ An Hội vào làng Xuân Phổ. Chúng để xe ngoài đường, đi bộ vào làng xem xét tình hình Các chiến sĩ tự vệ du kích của ta đổ ra đâm nát lốp xe, đồng thời vây giết luôn cả ba tên, chôn ngay tại chỗ. Ta thu được một súng lục, một cây gươm. Nay chúng nó định kéo lên để trả thù.

Kể xong, anh Chánh bảo tôi về ngay đó tham gia chỉ huy đỡ anh em một tay. Tôi rất vui mừng vì đã về kịp dự trận chiến đấu mới. Trận đó ta bố trí hai mặt. Một phân đội bố trí ở bờ sông để chặn tụi Nhật ở cầu xe lửa đánh bọc vào phía bắc làng Xuân Phổ (Anh Chánh và tôi giữ mặt này). Một phân đội do đồng chí Phan Diệt, Phan Phong chỉ huy có bảy khẩu súng thì bố trí chặn tụi Nhật từ An Hội vào Xuân Phổ.

Khoảng hơn sáu giờ chiều, bọn Nhật đi ô-tô lên, gồm bốn mươi sáu tên. Chúng đổ xe ở cống An Hội và hành quân bộ vào làng. Chúng có vẻ khinh thị du kích, đi nghênh ngang, chẳng để phòng gì hết. Các chiến sĩ ta bố trí trong những đám mía chờ cho quân Nhật tới sát liền nhất là bắn một loạt súng rồi nhảy xỏ ra, vung gươm chém. Đồng chí Bột chém tiên tiếp làm hai tên Nhật bị thương phải bỏ chạy. Vì đánh giáp lá cà, nhiều tên Nhật không sử dụng được súng, toan cướp gươm chém lại nhưng bị chiến sĩ ta dồn mạnh, chúng phải lùi lại. Bên ta, đồng chí trưởng đội trưởng Phan Diệt xung phong đầu tiên và chém chết ngay một tên Nhật. Nhưng liền đó, đồng chí bị một tên Nhật khác bắn tử thương. Gương anh dũng tuyệt vời của đồng chí

Điệt đã cõ võ các chiến sĩ hàng bại xông lên trả thù cho người chỉ huy của mình.

Trong lúc chúng tôi đang chiến đấu, nhân dân trong làng nổi trống, mõ rầm trời. Quân Nhật hoảng sợ, tháo lui và vội vã khiêng xác chết đồng bọn chạy về An Hội rồi lên xe, chuẩn ra thị xã Quảng Ngãi. Chúng bỏ lại trên chiến trường xác một tên hạ sĩ quan, ba khẩu súng trường, một địa bàn, một đống hồ. Về sau, tin cơ sở thị xã cho biết thêm: Bọn Nhật thua trận đem xác của sáu tên về chôn trong thành Quảng Ngãi gần đôn khổ xanh.

Trận đánh kết thúc khá nhanh. Lúc phân đội ở bên đò kéo về tiếp viện thì quân Nhật đã bỏ chạy rồi.

Mừng chiến thắng, dân làng mở cỗ khao quân. Lê truy điệu đồng chí Phan Diệt được cử hành trọng thể. Anh Chánh lên nói chuyện, nhấn mạnh ý nghĩa của trận thắng, động viên tinh thần chiến đấu. Anh đặc biệt nêu rõ rằng da kích hoạn toàn có khả năng đánh bại quân Nhật.

Trận Xuân Phổ có một tiếng vang mạnh mẽ khắp toàn tỉnh, cổ võ, động viên quân, dân Quảng Ngãi anh dũng tiến lên giành chính quyền.

Trong thời gian này, ngày 15 tháng 8, trung đội của đồng chí Thứ đánh chiếm đôn Trà Bồng. Tên kiểm lý ở đây đầu hàng ngay lúc đầu. Một bộ phận hành quân về Châu Ổ định đánh một bất gác của Nhật ở đầu cầu xe lửa. Vì kế hoạch dùng thuyền ký lợp bằng đường sông không được thì hành nghiêm chỉnh nên quân ta bị lộ lính Nhật bắn chìm thuyền. Đồng chí trung đội trưởng Võ Tư hy sinh. Nhưng sau lúc nổ súng, bọn Nhật cũng hoảng sợ, vội bỏ bất gác và 3 khẩu súng lại, chạy tháo mạng về thị xã Quảng Ngãi. Ở cửa biển

Cử Lữ, quân ta đánh vào sở. Thương chánh (do một tên Tây đoan làm tay sai cho Nhật chiếm giữ) từ năm giờ chiều đến tám giờ tối ngày 16 tháng 8 thì chiếm được. Tiếp đó quân Nhật kéo qua cầu sắt xe lửa Trường Xuân đánh lên làng Thọ Lộc bên tả ngạn sông Trà Khúc; du kích bản bị thương hai tên, bọn Nhật phải tháo lui. Sau trận Xuân Phổ, cơ quan tỉnh ủy dời về huyện Sơn Tịnh đóng ở Vĩnh Lộc.

Đồng thời với những hoạt động của đại đội Phan Đình Phùng, ở chiến khu Nam, đại đội Hoàng Hoa Thám do đồng chí Nguyễn Đôn chỉ huy cũng được lệnh triển khai đánh chiếm các huyện Ba Tơ, Minh Long, Mộ Đức. Ở những nơi kẻ thù, quân chúng cách mạng đã vận động binh lính, bảo an nộp đũa trước khi ta lên.

Sau trận thắng, đại đội chia làm ba cánh liền về xuôi chờ chỉ thị mới của tỉnh ủy. Một trung đội do đồng chí Nguyễn Đôn chỉ huy kéo về Sông Vệ. Một trung đội do đồng chí Khai chỉ huy kéo về Lâm Điền, cách Sông Vệ bảy cây số và cách thị xã Quảng Ngãi, mười bảy cây số về phía nam.

Ngày 17 tháng 8, cánh quân của anh Khai chặn đánh hai xe Nhật ở Thị Phổ Nhi giết 3 tên. Buổi chiều, một đoàn xe Nhật từ phía nam kéo vào Quảng Ngãi bị quân ta phục dưới ruộng đánh lên. Chiếc xe đầu bốc cháy. Chiếc thứ hai bị hỏng. Phía sau còn 13, 14 xe nữa. Chúng dừng lại từ xa và bắt xổ xả. Bên ta bốn chiến sĩ hy sinh. Đồng chí Khai chỉ huy đơn vị tấn công, bị thương vào tai. Nhưng bên ta vẫn anh dũng chiến đấu và xông ra đốt cháy chiếc xe hỏng. Quân Nhật vội vã lượm xác chết và lính bị thương chắt lên xe rồi rút lui.

Sau những thất bại ở Xuân Phổ, Thị Phổ Nhi, Mộ Cây, quân Nhật có bọn phản động chỉ điểm, diến cường

khủng bố nhân dân. Nhưng hễ chúng lên quá đường xe lửa là bị chặn đánh kịch liệt. Những nơi quân Nhật kéo ra nhân dân đánh trống, mõ báo động làm cho chúng hoang mang phải rút lui. Tuy vậy, cuộc chiến đấu chống bọn phản động ngày càng gay gắt, có khi xô xát dữ dội vì bọn này với bọn địa chủ phản động thường dẫn giặc Nhật đi phá cơ sở của ta.

Trong những ngày cuối tháng Tám cũng tháng ấy, bằng lực lượng quần chúng và lực lượng vũ trang ta gây áp lực mạnh mẽ và cho người tới điều đình với bọn Nhật đóng ở thị xã Quảng Ngãi, buộc chúng thừa nhận chính quyền cách mạng, rút quân tuân theo các nơi về, không can thiệp vào công việc của nhân dân ta. Đồng thời ta đảm bảo cho chúng rút quân yên ổn. Giảng cơ mỗi cuối cùng bọn Nhật phải ký giấy chấp nhận những điều kiện của ta vào ngày 28 tháng 8 năm 1945.

Ngày 30 tháng 8 năm 1945, một cuộc biểu tình vô trang lớn được tổ chức ở thị xã Quảng Ngãi. Nhân dân các huyện kéo về tình nguyện đông nghìn nghịt, khí thế bừng bừng. Ở phía bắc, đoàn đầu của đoàn Sơn Tịnh đã vào phố mà đoàn cuối vẫn còn ở bên kia cầu Trà Khê bốn cây số. Đoàn Nghĩa Hành kéo dài từ sân vận động tới Gò Lãng. Đoàn Tư Nghĩa dài bảy cây số. Hai đại đội du kích Ba Tơ lúc này triệu tập các chiến sĩ cũ trở về đội ngũ thành một đội quân trên dưới hai ngàn người với hơn trăm khẩu súng. Nếu kể cả du kích địa phương thì có đến hàng vạn. Cả một biển người tràn về thị xã biểu dương lực lượng và dự lễ ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Các đơn vị du kích, đội ngũ chính tề, dẫn đầu các đoàn biểu tình. Nhiều đơn vị đi thành hai hàng, bảo

về hai bên sườn các đoàn đi diễu hành. Bọn lính Nhật không dám lộ ra khẩu súng. Hai chiếc máy bay của chúng liệng trên thị xã mây vòng rồi chuẩn thẳng. Ủy ban nhân dân cách mạng ra mắt quần chúng giữa tiếng hoan hô vang dậy. Trong số các đảng viên chỉ bộ Ba Tư cũ, hai người được cử tham gia ủy ban này: Anh Trần Quý Hai phụ trách hậu cần và tư pháp, tôi phụ trách quân sự.

Một giờ chiều, cuộc salt-linh đã bế mạc nhưng mãi đến tối đoàn người cuối cùng mới kéo ra khỏi sân vận động thị xã. Dứng trước quang cảnh ngày hội chiến thắng dựng chính quyền cách mạng, từng đợt sóng người ò ạt kéo dài, lòng tôi tràn ngập niềm hân hoan. Quần chúng cách mạng đã đứng lên nắm lấy vận mệnh của mình. Không một kẻ thù nào có thể lay chuyển sức mạnh vô bờ của nhân dân. Kể từ ngày phát động vũ trang khởi nghĩa ở Ba Tư đến nay thêm thoát đã đã một trăm bảy mươi ngày. Sự hy sinh anh dũng của bao nhiều thế hệ gan góc chống đế quốc phong kiến đúc lại mới có một ngày tháng Tám vẻ vang này.

Nhớ lại những ngày này còn non nói nhưng một nhóm an trí đảm trách chính quyền Ba Tư, những ngày rút lui để bảo toàn lực lượng, tiếp theo là cuộc di chuyển về trung châu để phát triển lực lượng du kích ở Ba Tư, cho đến ngày cùng toàn dân khởi nghĩa, tôi càng thấy sự lãnh đạo, giáo dục và tổ chức của Đảng ta thật là sáng suốt, tài tình.

Từ những năm đất nước còn trong cơn đen tối, Đảng đã chỉ ra con đường đi đến thắng lợi. Lúc thời cơ đến, Đảng thúc giục đứng lên, khi gặp sỏi lằm khuyết điểm, Đảng chỉ bảo an cần. Nhờ vậy lực lượng vũ trang cách

mạng sử dần dần trưởng thành và làm tròn sứ mạng mà Đảng giao phó.

Nhưng cướp được chính quyền mới là đi được bước đầu trên con đường vạn dặm. Bọn thực dân Pháp lúc đó đang lâm le gáy hấn để chiếm lại đất nước ta một lần nữa. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, chúng nổ súng ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai. Sau ngày ấy, Ủy ban nhân dân Trung Bộ điều động anh Trương Quang Giao và tôi về phụ trách Ban Quân chính Nam phần Trung Bộ.

Chúng tôi bước vào một cuộc chiến đấu mới.

LỬA Ở BA TỖ

Con đường bụi đỏ mù mịt dọc sông
sông Liêng trong veo chở một trời trời ngược
đoàn xe
mùa khô những phiến đá buổi trưa bốc hơi
lau bạc trắng tự nghìn xưa và màu hoa ngũ sắc
trên một đá sấm dần

ai mặc áo tù giặc Tây đày qua đèo Đá Chát
như cơn gió nam non
con mắt dốt lìm trong Hồ Tỏi
bàn chân trần trầy trụa đạp qua Hồ Mây
dừng đôi phút bên cầu Nước Nắng
như một đám lửa nhỏ

bốn mươi năm trước
lối chân cạp dày hơn trên đường Ba Tỗ

bốn mươi năm trước
phải giấu đóm lửa sau lớp da lông ngực
đém khuya êm chiếu xuống con trong đám lá rù rì...

bốn mươi năm trước
một đêm cả ngàn bó đuốc cháy giũc đèn Ba Tư
lưỡi mác người Chăm
như tia chớp
cánh tay già láng Re
như cây trắc
vung lên trời ngọn lửa màu nâu

để bây giờ
đuốc bằng bình chuyển từ đỉnh núi này sang
đỉnh núi khác
theo tiếng chiêng ngàn dải
những đoàn người đi lấy hom mì đi tĩa bắp
vẫn dùm cơm trong mo cau
và chiếc xe chở hàng công ty lên Ba Vinh Ba Ngọc
kênh cang hơn chú voi rừng già
đôi mắt chói xuyên qua vòm lá thắm

lửa Bók Hồ đã chia về mỗi bếp
nghe thoảng mùi thịt nướng thơm khò lam
mùa tháng ba như bàn tay bè bạn
vỗ nhẹ trên vai mình...

GẶP CHA

Hành quân đánh Giã Vực
Tôi ghé qua Ba Tư thăm cha
Cha vào đầu năm Bảy ba
Thư nào cũng gục tôi lấy vạ

Thủ trưởng thúc tôi lên thăm ông cụ
Cha con gặp nhau kể chuyện quê hương
Những ngày ấy đơn vị đánh còn
Phở Văn, Phở Quang
Ngụy đang cây úi

— Cha vào xây quê mới
Nghề cũ, lái máy cày
Mấy thằng bạn đọc thư cười khoan khoái
— Rất nhiều nữ công nhân.

Tôi gặp cha đang lái máy trên đồng
Người lấm lem dầu mỡ
Áo cha mặc bạc màu nắng gió
Vẫn giọng nói oang oang

Vui chuyện với cha mây cày rẽ ngang
Tiếng động âm vang mưa nhật rớt rồ
Cha bảo lời còn trẻ
Đánh giặc xong tình chuyện cũng vira

Thời chào cha

Thằng Già Vặt con ghè qua lâu nữa
Mây cày chồm lên thay lời từ già
Sau lưng tôi những luống đất thẳng băng

Những thôn xóm miền Nam

Giặc cày úi trắng

Cò hay một vùng đất đầu giới phóng

Cha tôi đang mở nông trường.

Thu 1974

TIẾNG MÁY CÀY

Đầu phải tiếng trực thăng phách phách đều quân
Đầu phải tiếng OV10 vo vo tìm kiếm
Nghe xôn xao đêm trăng
Tiếng máy cày bên bờ sông vọng lại
Giữa một vùng cỏ tranh hoang dại
Máy cày đi nhẩn nại trong đêm
Nơi đất cần động cơ nổ êm
Nghe hối hả máy trườn qua hố pháo
Đất què mình vậy mùa giông bão
Mấy lần địch cào nhệ lập ếp gom dân
Đạn bom quân thù đâm nát ruộng nương
Bờ tre lóng đậy thép gai tràn ngập
Nay máy cày về
Đất què hương rạo rực những luống cây mạ ước
Ta đi mở hậu phương—đi mở lòng Tô quốc
Nghe rộn rịp cuộc sống hồi sinh

Đất nước mình phương bắc là binh mình
Ứng hồng lên phía trước
Những chuyến xe ngày đêm nào nữa
Gọi máy cày đi khai phá những đồng hoang
Cho những nông trường ngô lúa tươi non

Lan về biển nơi ngày đêm sóng vỗ
Đất cát mở màu xanh diệp trùng cây số
Trên lưng cây băng theo dọc chiến hào
Tiếng máy cày vỗ vào trời sao
Như những lời thì thầm dẫu nước
Ôi tiếng máy
Xoáy vào mãi trong ta niềm hạnh phúc
Trên chặng đường đánh giặc đi qua
Ánh sáng chói lòa từ ngọn đèn pha
Chiếu khắp trên đồng đất Ba Tơ
Xóa đi ngày u ám
Trong tiếng máy cày rì rầm, rì rầm
Lòng ta như cánh đồng mang khúc ca vô tận

VỀ VỚI BA TƠ

Tôi đến với Ba Tơ, một ngày xuân
Nắng ấm tràn về thung lũng thấp
Trời Ba Tơ trong vắt
Và đỉnh Cao Muôn ngưng bóng xuống sông dài

Thác Hạng Ếu rì rầm trong sáng nay
Lặng tiếng đá gõ vào nhau làm tin hiệu
Cùng cát trắng suối Nước Nàng hiền dịu
Còn in dấu chân người bán vọc nước năm xưa...

Cây rù rì lá nhỏ gió đung đưa
Như còn giấu bao điều bí mật
Dáng giá nua óm trùm miếng đất
Như bóng mẹ chõ che người du kích năm nào.

Cứ ngỡ con người đã dạy cả trăng sao
Biết nhấm mát khi núi rừng bừng ánh đuốc
Đã dạy con đom đóm đưa trăm bản chiến bước
Theo những lối nhỏ mòn cỏ lót dưới chân

Ai đã từng ăn củ chuối ai đã thức thâu đêm
Nhường bát cháo lá ranh cho người ốm
Người Chăm người Rê chung lòng theo Đảng
Gùi củ mài mang đất núi đi theo

Đêm Mười Một tháng Ba

Mùa xuân mảnh mặt trời vừa thấp sáng
Ngọn Cao Mùa đã rụng mình chuyển động
Và tuôn ra những dòng-thức-con-người

Dám giặc Tây lầy bầy dưới chân đồi
Thấy Đốc Mốc, Trường An là địa ngục
Bọn sói băng đèo Đá Chải
Cây chĩa ngang rồi chẳng tìm được lối ra...

Ba Tư ơi, người du kích nào treo cờ đỏ năm xưa
Mà màu ngói bây giờ đỏ vậy
Và bên dòng sông Liêng nắng đợi
Bóng ai trên đồi gùi nặng chờ nhau

Bà Tô, xuân 64

ÁNH LỬA VÀ ĐỨA CON

Giữa cái rốn đất nước
Từ phía núi Cao Muôn.
Như chiếc gương soi trăm ngã
Rừng đêm không thấy gió
Chỉ có sóng và chìm
Cây và lá.
Bóng bưng lên ánh lửa
Từ các làng buồn
Từ những ánh mắt
Từ những giáo mác
Và nã tên
Giành lại mùa xuân!

Là đứa con
Sinh trong bếp Hê âm khói
Từ lúc bình minh hé đỏ
Nay bốn mươi
Tìm lời còn trần trở
Muốn lộn ra ngoài
Mọc cánh giấp lá cà quâu thà
Và tập làm thơ
Ngợi ca.

Những người cộng sản
Ấm lành như buổi sớm
Ba Tơ
Ba Tơ
Lao xao rừng núi
Náo nức đèo xuôi
Ánh lửa đã sáng trưng
Sôi nổi hồ Tôn Đức
Cho nhà ngói nhà sàn
Lung linh ánh điện...

Ba Tơ, toàn 85

ĐI DỌC SÔNG LIÊNG

*Tháng Chạp này anh đi dọc sông Liêng
nghe mấy nước mở lòng phóng khoáng
anh cái đờ - như thời còn trẻ lắm
nhánh cỏ thơm lướt thướt ngã bên bờ*

*đầy bầu trời nửa nắng nửa mưa
nổi nhớ chia vầng hai bên ấm lạnh
từ sâu thẳm vô biên anh cảm nhận
mùi hương gần trông kỹ ừ xa xăm*

*chợt hiện về những năm tháng yêu em
mọi bão tố đều trở thành đơn hậu
mọi hoa lá cũng bỗng nhiên thơm thảo
như ước ao như nong đơm cho mình*

*mỗi bước chân là của riêng anh
dù con đường lá của chung tất cả
một ít đất, một ít trời và gió
đủ làm nên nổi sao xuyên khôn cùng*

đầy buồn lắng em tìm dưới trăng trong
mẹ đỡ anh lên nhà sàn mấy bậc
người H're vit những cần rau ngọt
sống hết mình với bầu bạn, anh em

cứ róc gì như thê thiên nhiên
lâm hồn ta mãi vô tư, hào hiệp
sống trung thực sống tràn đầy khát vọng
gêu say sưa gêu vô bến vô bờ

những chân trời cứ thê lại mở ra
anh đi dọc theo sông Liêng độ lượng
thấy mình trẻ trong say tư xúc động
như cái thời mới hội hợp gêu nhau

Ba To, tháng Chạp Giáp Tý

NGÀY HÈ TRỞ LẠI BA TƠ

Ba tơ

Mảnh đất mơ màng trong kỷ ức tuổi thơ
Những đường sá gồ ghề chung tôi đi học
Những trưa hè gió rất
Nắng chiều ngời thác trắng đỉnh Cao Mươn

Những đám lửa cháy riêng
Tiếng gặm đàn hồ đoi
Một chú mang xa lạc đàn khác loài
Ói diệu kỳ như trong chuyện xưa ..

Chợt gặp lại Ba Tơ

Sau mười năm xa và sau nghìn nỗi nhớ
Sau những cơn sốt liên hồi trên đỉnh Trường Sơn
Ba Tơ đây rồi... Những đồi núi trắng trồn

Chào Trường An, suối Loa

Chào những cánh rừng chồi tái sinh xanh mướt
Bé bỏng, những vườn ươm lâm nghiệp
Đêm ru mình trong tiếng ngân nga

ĐẸP THAY MẢNH ĐẤT

Trở về thăm đất Ba Tơ
Dường sơn đi giữa hai bờ núi non
Qua Đá Chát, đến Hoàng Điền
Cao Muôn trước mặt mây vờn trắng phau
Đồi lau lác đặc lưng trâu
Tiếng tức chinh vắng tự đầu cuối rừng
Khóm hoa trang nở lưng chừng
Lúa xưa du kích cháy bừng còn đây
Dưới thung xanh, cờ đỏ bay
Lúa xuân con gái đời ngày trở bóng
Bước đi nao nức trong lòng
Đẹp thay mảnh đất anh hùng Ba Tơ.

Đến thăm chủ tịch vắng nhà
Cùng bí thư xuống Ba Xa chưa về
Khai hoang, chống hạn, trồng mi
Ủy ban, huyện ủy đều đi phong trào
Ghé thôn hỏi chuyện đồng bào
Mười năm cuộc sống nâng cao từng ngày
Người Rê đã có máy xay
Đã mua sắm được máy may, lò rèn

Điện Tôn Dung sáng. từng đêm
Như giấc mơ chuyện thần tiên thuở nào
- Ấm no ?
 nhờ được yên vui
- Tự do ?
 nhờ Đảng muốn đời ghi ơn
Lời người Rê thật dễ thương
Đi theo cách mạng tâm hồn trắng trong
Bốn mươi năm vững thành đồng.
Tự hào thay đất anh hùng Ba Tơ !

Ba Tơ - Qui Nhơn 78-82

VỀ PƠ-LÂY

1

Chiếc xe đồ dầu vào làm cây đa cụt ngọn đang trở tán xanh xam xuê, cây đa to bốn người ôm, mình đầy thương tích. Những mảnh bom như cái vung nổi lên xin còn găm vào mình cây.

Mùa xuân về, núi rừng Ba Tơ sắc sỡ như gấm dệt. Đã mấy chục năm mùa xuân lại về xinh đẹp như gương mặt các cô gái dân tộc Hơ-rê Ba Tơ sau những năm đánh giặc.

Hành khách xuống xe, tản dần về các ngã. Người xuống xe cuối cùng là một anh bộ đội đeo quân hàm trung úy, trạc 32,33 tuổi. Anh ngơ ngác nhìn trước nhìn sau giữa một vùng đồi núi điệp trùng. Cảnh vật không giống như anh mừng tượng trong mấy ngày đi đường. Bung anh căng hồi hồi khó tả. Vừa mới ba giờ chiều, đường đã vắng lặng. Đang bỡ ngỡ tình chuyện đi ngược hay đi xuôi, anh chợt thấy một con chim đen xanh biếc đứng hót trên cành cây trước mặt. Chân đỏ, mỏ vàng nghệ, cổ chim như đeo hăng trăm hạt cườm tím, xanh, trắng, đỏ. Rất ít khi được thấy chim đan vào

buổi chiều. Thương chỉ nghe nó hét thành thót như tiếng pu-pe đêm tình mùa xuân.

Bỗng sau lưng anh có tiếng động — tiếng một cành cây khô gãy : rắc !

Ngoảnh nhìn anh thấy một cô gái. Hai con mắt đen sáng nép sau kẽ lá nhìn anh từ bao giờ. Anh mừng thầm : « Hối cô này sẽ biết đường về pơ-lây ». Anh khẽ vuốt lại bộ quần phục nhấn nhò bởi bặm, rồi bước nhanh tới chỗ cô gái đứng. Ồ, cô ấy lùi đi đầu mắt rồi, nhanh như con vơ-roach thấy bóng chồn ! Anh la hét lên vẫn không nghe thấy tiếng ai thưa. Anh thất vọng thờ dài. Rõ ràng mình thấy một cô gái mặc váy viền đỏ tay kẹp một chiếc rờ nhựa đầy rau má, rõ ràng ! Lại hi ! Cứ vậy anh bộ đội vừa sợ sạo vừa làm bầm một mình.

Cuối cùng, đi thẳng đường, anh bước vào trụ sở của một hợp tác xã. Trụ sở nằm giữa miếng đất bằng. Trước cổng có sân bóng chuyền, chung quanh trồng nhiều giống cây lá xanh tròn như những ngón tay búp măng. Đặc biệt có rất nhiều dừa, giống dừa Tam Quan đang trở màu xanh mượt.

Anh ngỡ lời xin nghỉ nhờ và trình giấy cho có thương trực khá xinh. Anh hơi ngỡ ngỡ cô này chính là cô gái chạy trốn anh ngoài bến xe lúc nãy. Tinh tinh cô gái thật trầm lặng, ít nói. Hay cô ta giận ai, mình phải vậy ? Người đẹp như vậy mà ông trời ban cho cái tuột như thế thật đáng buồn. Tóc cô chấm gấu váy viền đỏ, dáng đi như con công xoe cảnh phời trong nắng xuân. Anh đặt ba lô đầu giường, định ngã lưng cho dần lại cơ bắp sau mấy ngày ngồi bở gối trong xe khách. Có gái xách tới bình nước chè xanh đặc quánh, nóng hổi ; anh chưa kịp cảm ơn, cô ta đã quay gót bỏ đi. Anh

rời nước uống từng ngụm khoan khoái, cả người tỉnh táo hẳn. Nhưng chỉ chốc lát sau anh đã nôn ọc, xây xẩm. Anh hoảng hồn sực nhớ ra: Ngu ơi là ngu! Đang đói mà tước ché đặc, chịu sao nổi.

Vừa lúc đó có tiếng kêu từ đầu hồi nhà:

- Mời anh bộ đội đi ăn cơm:

Nghe vậy anh mừng ra mặt. Đói cồn ruột được mời đi ăn cơm còn gì bằng. Anh đi theo số trực, thăm nhận xét. Con nhỏ lẹ chân lẹ tay lạ, thoắt đó thoắt đây như người rừng!

Cô gái cầm mở tóc đen dài của mình che miệng, chỉ mâm cơm đã bày sẵn.

Cơm gạo lúa mới thơm ngọt, cùng đĩa thịt nai khô xào với măng lồ ô tươi, đĩa cá nướng dầm mắm ớt và tô canh rau má nấu với thịt nai, anh ngồi xuống một mình. Còn cô gái đã biến đầu mắt.

- Lại lủi đầu rồi! - Anh đứng dậy tìm kiếm khắp đây nhà cũng không thấy. Anh chạy ra đường thì thấy cô ta khoác khẩu AR 15 đi vô phố - lấy đăng xa rồi. Với con nhà lính, anh quay vô, sà vào mâm cơm ăn luôn, song anh ăn cầm chừng, hy vọng cô trở lại. Anh nghĩ về cô gái quá kiêu kỳ này. Từ lúc coi giấy tờ, đến khi cho mình ăn cơm, cô không hề hỏi mình một câu nào. Chỉ đọc câu «Tối rồi! không kịp tới phố - lấy Đắc - Né đầu!». Lời nói lại chứa ý bực bội, lạnh nhạt. Sau câu nói cô ta lườm một cái như muốn khoe đôi mắt đen tròn của mình. Hay đấy là kiểu làm cao của các cô gái dân tộc có nhan sắc? Anh bộ đội hậm hực nghĩ một mình như vậy.

Từ phố - lấy phía xa dừ dật tiếng tức chình. Tiếng ngân bay theo gió xuân man mác, lạnh lạnh đưa tới, làm lòng anh nôn nao khó tả. Tiếng chình đối với anh

vừa quen vừa lạ. Anh đứng ngáy người lòng nghe tiếng chình, quên cả ý định ra sông Liêng tắm. Lại thêm một lần anh lần ngẩn đứng nhìn con sông rai rào trôi. Con sông Liêng sao mà thân thương kỳ lạ đối với anh. Lột lòng mẹ, cắt liếng cháo đờn, anh được tắm rửa trên con sông này đây. Thoát cái anh xa nó hơn hai mươi năm. Lột xuống lòng sông cát trắng phau phau mà, con sông Liêng vẫn trong xanh êm ái như lời hát Ka-lên ru con chiều nói rừng lửa khói nhà sàn. Còn anh đã thay đổi nhiều quá. Từ một đứa trẻ lêu lổng 8 tuổi nghịch ngợm anh trở nên người...

Trở về trụ sở, ngọn đèn dầu trong phòng tỏa sáng, anh định lấy cuốn sổ tay ra ghi nhật ký. Nhưng chợt có liếng bước chân ai đi tới.

— Mời anh bộ đội đến văn phòng có việc cần!

— Một cậu thanh niên khoảng 14-15 tuổi mang khẩu M16, đầu đội mũ tai bèo đã cũ, nhỏ mặt vào nơi.

Cái phòng gọi là văn phòng đã dốt sẵn một ngọn đèn dầu. Một ban làm việc, bốn ghế dựa, một tủ đựng tài liệu. Trên tủ có treo ảnh Bác Hồ lồng khung kính trang trọng. Anh ngồi chờ trên chiếc ghế ngoài bàn. Một ông khoảng chừng 50 tuổi bước vào, bắt tay anh một cách rụt rè, chăm chăm nhìn mặt anh đến khó chịu, rồi ngồi vào ghế đối diện. Mặt ông đỏ rục như có than lửa, tóc xoắn tít. Ông bận bộ đồ bộ đội bạc màu, cử chỉ nhanh nhẹn trái hẳn với lứa tuổi. Một tay đỡ lấy diều thuốc anh bộ đội mời, một tay móc túi áo ngực lấy giấy tờ, ông hỏi:

— Anh bộ đội về công tác à?

— Chưa về phép thăm vợ - lấy ạ!

— Bộ đội trong tình hình này không được đi phép mà?

— Châu ở đơn vị biên giới phía bắc, được điều động
vô công tác ở biên giới phía nam. Trước khi nhận công
tác, đơn vị mới cấp trên cho châu về thăm pơ-lây
11 ngày.

Ông vừa suy nghĩ vừa vắn điệu thuốc lá to:

— Buổi tối ủy ban không làm việc. Các cháu trực
trụ sở đến báo cáo cho tôi có anh bộ đội về không
phải hỏi công tác, mà hỏi đường đi pơ-lây, hỏi thăm
người này, người nọ. Anh hiểu cho, tháng trước cũng
có anh bộ đội hỏi như vậy, khi biết cái ngọn cái rễ thì
không phải bộ đội tốt.

— Dạ cháu hiểu...

— Tên anh gọi gì?

— Dạ, Phạm Văn Xa

— Ủa anh cũng họ Phạm à?

— Dạ, trước cháu họ Đinh. Cháu mới lấy họ Phạm.

— Anh pơ-lây nào?

— Dạ, pơ-lây Đắc Né.

Ông có vẻ suy nghĩ lung lay:

— Con ông bà nào ở Đắc Né?

— Dạ, con ông bà Mí Hiu, Vá Hiu (2)

— Ông bà Mí Hiu Vá Hiu không có con nào giống
anh đâu. Tên anh khi ở pơ-lây... Nói câu đó miệng
ông mấp máy, mắt từ đỏ rực sang xanh trắng.

— Dạ, Đinh Út Aru.

Mặt ông như đổ lửa lột, người ông sáng ra, toàn
thân ông đổi sắc đến kỳ lạ.

— Anh còn biết tên ai ở pơ-lây Đắc Né không?

— Dạ cháu còn nhớ anh Ma Him, anh Hrai, chú A Thai...
ông đang ngồi ngả lưng vào ghế, bỗng bật dậy như gấu
mẹ vờn gấu con. Ông nhảy qua ôm chầm lấy trung úy
đặc song có cái tên Út Aru vào lòng, ghi chặt tướng

bật ra máu. Aru bàng hoàng, chỉ đoán đây là sự xúc động tình cảm ruột thịt quá bất ngờ. Nhưng anh chưa rõ quan hệ máu thịt nào giữa mình với ông này. Cha thì không phải. Các anh cũng không phải. Rồi ông đẩy Aru ra, hai tay nắm chặt bả vai rắn chắc của Aru lắc lắc, ngắm nghía như ngắm một vật lạ. Từ từ ông kéo Aru ngồi xuống.

—Mày không nhận ra tao à? Chú A Thai đây mà! Chú làm chủ tịch vừa làm chủ nhiệm hợp tác xã toàn xã!

Hai chú chầu lại ôm chầm lấy nhau như để lắng nghe tim của nhau đập.

—Cháu xin lỗi chú A Thai!

—A chà! Cháu tội ăn cơm Cù Hồ to đẹp quá! Thịt cứng như đá. Năm trước tin mày đã hy sinh ở chiến trường xa. Chú buồn cho gia đình cháu. Cháu Y Ho-lây nghe tin mày hy sinh nó khóc ba ngày năm đêm liền. Dân pơ-lây ai cũng thương mày nhiều.

Qua lời ông thổ lộ, Aru thoáng nghĩ chắc gia đình không còn ai để thấy mặt. Còn Y Ho-lây là ai?... Rồi ông A Thai chạy vụt ra ngoài, lát sau ông kéo cô trực trụ sở vào chỉ mặt Aru.

—Cháu biết nó là ai không?

Cô gái ngỡ ngàng nhìn anh bộ đội đang ngồi.

—Nó là thằng Aru! Thằng Út Aru đó. Thằng Út Aru theo cán bộ ra miền Bắc hồi nó nhỏ xíu bằng hột cau phơi khô. Giờ nó to đẹp vậy. Hồi đó cháu Y Ho-lây chưa có đâu.

Lúc này Aru mới có dịp ngắm rõ khuôn mặt cô trực khó tính ban chiều.

Cô gái giật nảy mình như dấm phải hôn than lửa, bộ ngực như pháp phồng, gò má bầu bầu hồng thắm

như hoa kơ-lê buổi sớm. Mấy lần Aru không tìm được xúc động định ôm chầm lấy cô gái có cái tên Y Hơ-lây ấy. Nhưng lại vẫn chưa biết quan hệ mình với cô ấy như thế nào. Nếu cô ấy là em gái ruột mình, thật hạnh phúc và sung sướng biết bao! Kia đó vai tròn trịa yếu mềm của cô cứ giết giết. Rõ ràng cô xúc động về mình. Trong ba người con út, Aru được cả nhà chiều chuộng nhất. Trước khi đi xa hàng chục năm anh không gặp ai trong gia đình. Cha và hai anh đều vô da tích ở trong rừng, mẹ bị nhốt trong ấp Út A ru lang thang các Pơ-lây vắng người, lần mò vào các đồn bốt Mỹ nguy hiểm dò tình hình địch, cung cấp tin tức cho cán bộ. Rồi anh được đưa ra Bắc học...

2.

Vừa chập tối thì trời rải hạt mưa xuân. Rừng núi như xích lại gần nhau, thỉnh thoảng có vài cơn gió lạnh lạnh. Các nhà sào đều đổ lửa. Nhà Y Hơ-lây cũng sáng lửa ngon. Mấy đêm say hên cầu thang nhà Y Hơ-lây vắng tiếng đàn pu-pe của các chàng trai hồi tình. Nhưng bụng Y Hơ-lây vui nhất, chưa được vui như thế bao giờ.

Aru và Y Hơ-lây ngồi bên bếp lửa bập bùng thì thầm nói chuyện. Ánh lửa soi rõ khuôn mặt hai người tràn niềm vui... Ông A-Thai từ đầu tới, mình khoác tấm vải nhựa, bước từng bước lên cầu thang vào nhà. Quần xắn tận đầu gối, tay ôm sổ sách giấy tờ, ông vừa tìm chỗ mặc tấm nhựa vừa hỏi:

- Cháu Aru còn mấy ngày nữa thì về đơn vị?

- Dạ, mai cháu đi rồi!

- Chà! Cháu ở lại ngắn ngày quá hé!

Au nhìn ông một lúc rồi :

- Từ ngày thành lập hợp tác xã, chủ A-Thai vất vả quá. Vừa ông chủ nhiệm, ông chủ tịch, lại kiêm cán bộ đo đạc nữa...

Ông A-Thai cười khà khà :

- Không có cháu về giúp cái bản đồ xã, làm phương án chia hoa lợi, cách tính công điểm... thì chủ với mấy ông khó tìm ra việc. Về là chuyện phân loại đất A, đất B, vung trồng trọt, vung chăn nuôi, rồi lao động loại 1, 2, 3... Cháu làm đúng quá rồi. Ai cũng bảo cháu làm đúng, làm giỏi. Muốn đuổi cái đói, cái nghèo, muốn hết phá rừng, sống kiểu con thỏ trong hang, phải làm hợp tác theo lời Đảng thôi. Làm kinh tế giỏi ai cũng no, cũng ấm. Cháu về phép ít bữa mà giúp hợp tác xã nhiều quá rồi. Cán bộ và nhân dân thương cháu nhiều. Cháu học chữ tới lớp mấy mà giỏi vậy hả ?

... Au đi năm tụi Mỹ, Ngụy lừa dân vào các ấp chiến lược. Lũ gặc đến po-lây ngày hôm trước, hôm sau nó đã giết hàng chục người. Vừa giết người nó vừa làm trái cái phép, cai tục người dân tộc. Chúng ăn thịt người, uống máu người với rượu. Ai cũng nói : « Tức quá rồi ! Phải đánh lại nó thôi ! ». Con trai nó bắt đeo súng bắn lại cha mẹ, cô chú. Con gái mới lớn bắt cắt vú ăn luôn, nhay như con mèo nhay thịt con chuột. Cha Hiu là một trong những người ở po-lây đầu tiên cầm giáo cầm ná, làm bầy, cầm súng đánh lại chúng. Con chó sói mặc áo dài đen, huộc khăn nhiễu có tên là Vá Nhật, chỗ nào nó cũng tinh mò, báo cho lũ Mỹ Ngụy phá cách mạng. Tức quá, Vá Hiu cùng tổ du kích nhào vô nhà Vá Nhật đúng đêm nó cưới vợ bốn. Vá Hiu nói : « Đẻ tui vô một mình đã, có chuyện không lành, chết tui không đáng gì. Tui già, ngắn sống rồi ».

Và Nhật ngủ với vợ bốn trên cái giường Mỹ cho. Có người gọi tên, nó tưởng tên trưởng ấp hay cấp trên đòi việc gấp. Nó xuống giường, ra mở cửa. Vừa bước tới cửa nó liền bị mũi giáo rựa của Vá Hiu đâm giữa ngực. Mấy du kích gác cổng nhà nó đêm ấy chờ Vá Hiu ra, hỏi: « Nó hết thở chưa Vá Hiu? cho mồm nó ăn một cái giã nữa đi! »

Từ đó thằng Mỹ nguy sẵn cha con Vá Hiu như bầy chó sói vây con nai giữa rừng. Anh Ma Him hy sinh trong trận giải phóng đồn Giã Vọt năm 1964. Sau khi Rru đi, anh Arai vào bộ đội giải phóng, cũng hy sinh trong xuân Mậu Thân 1968 tại đồn núi Va Rã. Ấp bị bộ đội du kích phá. Dân chạy theo du kích, cán bộ vào rừng. Mỹ nguy cán quét dữ, tết đến, gạo nếp hết để làm bánh. Vá Hiu cùng bà du kích trèo đèo lội suối về hang Bơ-lao lấy gạo nếp cho dân. Vừa tới cửa hang không may họ lọt vào vòng phục kích của địch. Bốn chúng nhảy xổ tới vây quanh bốn du kích. Tên Đỉnh Kà Vọi chỉ huy nhận ra Vá Hiu, mắt nó như mắt cạp thấy đàn dê ăn cỏ. Tên Đỉnh Kà Vọi chính là con Vá Nhật, hẳn nói với Vá Hiu:

— Ta khéo cúng ông trời quá Vá Hiu à, nên gặp nhau đúng chỗ ta muốn gặp. Ông coi tui xấu, thì tui cũng coi ông xấu. Nhưng có người Mỹ tài nhất, họ nói tui với ông đều người tốt. Khó hiểu người Mỹ quá đó. Ông bảo mấy ông du kích bỏ vũ khí xuống, đi theo ông với tui lên đồn gặp người Mỹ thì sẽ được sống đúng như cái bụng ta nghĩ, ta muốn. Ông nói cho mấy ông lũng cái lỗ tai thêm. Cây giã cối, cây sừng hóc xương gà Việt cộng phát cho các ông, đưa sao nổi tiều liêu cực nhanh, đại bác, xe tăng, máy bay phản lực của

người Mỹ. Người Mỹ rất biết thương người dân tộc ta. Người Mỹ biết rõ Việt cộng chỉ còn một cây trong rừng cây của người Mỹ. Tên Việt cộng xui dân vô rừng làm du kích đánh lại người Mỹ là tên què, ốm yếu không đi nổi miền Bắc. Dân không tin người Mỹ mà tin Việt cộng què thì cây súng người Mỹ cũng biết giận đó!

Và Hiu ném mìn đầy lửa về phía tên chỉ huy ác ôn Đinh Kà Vội.

— Cha con mày ăn thịt, uống máu dân vùng Đắc Nê này chưa biết nó cái bụng A, Kà Vội! Không sợ ma rút cái lưỡi à? Bụng tốt của người Mỹ ai cũng biết rồi! Đốt nhà, giết người, cướp của, ăn gan, uống máu người dân lành là tốt à? Việc làm tốt của người Mỹ đều trái cái lý người dân tộc chúng tao!

Và Hiu vừa nói vừa nắm chặt cán giáo để báo cho ba du kích sẵn sàng chiến đấu, thà chết hết chứ không thêm lên đồn với nó.

... Mấy ngày sau bọn Mỹ ngụy tổ chức ăn mừng thắng lợi đã trừ được « tên thương da vàng già đáng ghê » của khu rừng này. Nhưng ngay giữa bữa tiệc, đội du kích do anh Ma Him chỉ huy đã đổ lửa lên đầu chúng. Hơn 10 tên chết chưa kịp nuốt thịt rượu.

Cũng năm đó mẹ Aru chạy ra khỏi ấp, vô rừng ở với du kích. Bà mắc bệnh đau đầu, đã được Y Hơ - lầy nuôi dưỡng bên dòng suối Đắc Tô Reng. Suốt mười năm trời Y Hơ - lầy vừa làm giao liên vừa chăm nom. Mì Hiu hơn mẹ đẻ Y Hơ - lầy đã chiếm được tình cảm của mẹ. Khi còn sống mẹ thường nói với bà con họ - lầy: « Tui không đẻ con gái. Khi già được con gái Đàng giúp tốt hơn con đờ! » ... Aru ngồi lặng im đến hơi thở cũng nhẹ. Anh chăm điếu thuốc bằng lửa que do Y Hơ - lầy đưa. Nhìn ánh lửa khi sáng khi mờ, khi đỏ, khi xanh,

bụng anh nhiều cảm nghĩ cùng một lúc. Sao Y Hơ-lây không theo cha mẹ chạy giặc vùng Mơ Nông mà ở lại với cách mạng, chăm sóc mẹ anh với tình yêu rất kỳ lạ qua lời kể của chú A-Thai và bé con Pơ-Lây?...

— Anh thương Y Hơ-lây như thương cha mẹ vậy l..

Cả buổi tối cuối cùng ấy Y Hơ-lây ngồi im như bông hoa é-pang bên suối. Thỉnh thoảng Y Hơ-lây nhìn trộm Aru đến khác lạ. Không phải nhìn cái mặt, nhìn cái da trắng hay đen mà nhìn con tim Aru thật đối chọi nào. Rồi Y Hơ-lây đưa thêm củi cho lửa thêm sang. Y Hơ-lây mới 19 tuổi mà đã có nhiều dấu in của ngày tháng căm dằn tộc phải ghi nhớ. Bao điều sướng như tan vỡ, đau lòng trong Aru dần dần được chắp nối, sưởi ấm lại bằng tình cảm của Y Hơ-lây như có đã sưởi ấm che chở cho mẹ anh ngày trước. Hình ảnh Y Hơ-lây như gọi lại hình ảnh người mẹ già và những người thân thương trong gia đình đã mất. Aru nhìn Y Hơ-lây không biết nói, càng nhìn lâu càng thấy Y Hơ-lây xinh đẹp bội phần.

Y Hơ-lây khẽ thở dài, rơm rớm nước mắt :

— Đàng, pơ-lây giao nhiệm vụ, em phải làm tròn, cũng như anh phải chiến đấu ở nơi xa...

Rồi, dang ngồi phủ váy ngập bàn chân, bỗng Y Hơ-lây đứng dậy. Cô gái từ từ quỳ hai đầu gối xuống, giờ hai cánh tay trơ như thân chuối rừng lột vỏ ra trước mặt Aru. Anh vội vàng đỡ hai vai Y Hơ-lây dìu cô đứng dậy.

— Y Hơ-lây làm sao vậy ?

Bà Y Hơ-reng đứng sau anh tự hỏi nào. Tiếng bà nói.

— Aru, cháu quên hết tục dân tộc ta rồi ! khi Y Hơ-lây quỳ gối đưa tay, cháu phải cầm lấy tay Y Hơ-lây thay lời thề...

- Sao Y Ho-lây không nói trước cho anh điều ấy ?
Aru hỏi.

- Y Ho-lây con gái xấu hổ nhiều. Không nói nổi với Aru đâu. Mà anh đừng giận Y Ho-lây đó. Lần này về chưa quen tục dân tộc. Ở biên giới về lần sau sẽ quen thôi. Em học được nhiều chữ rồi, anh đi chiến đấu biên giới, gửi nhiều chữ cho em. Khi biên giới chung ông trăng, chung ông trời, anh về em vẫn đợi ! Nói câu đó hai má Y Ho-lây đỏ ửng.

Dân pơ-lây gọi Y Ho-lây là mặt trăng báo ngày trồng lúa trồng củ ra nhiều hạt, gọi Aru là mặt trời đỏ chỉ cho dân nơi đất tới làm ăn theo hợp tác xã hội chủ nghĩa, đúng ý Đảng đúng bụng Bók Hồ muốn.

Ba Tơ, Xuân 1978

TRỞ LẠI CHIẾN TRƯỜNG XUA

Mặc dù là dân địa phương nhưng trước đây, những lần tắm ở sông Ba Tơ quãng gần huyện này, chúng tôi tắm đều với vàng, qua quýt. Sáng hôm nay, lần đầu tiên tôi mới được tắm một cách thoải mái.

Đạo này là mùa rãng, con sông trở nên hiền lành, chậm chạp. Dòng nước trong, loang loảng ánh mặt trời đứng ở mé bờ có thể nhìn thấy dưới lòng sông vô số những viên đá cuội đủ cỡ. Mấy trận mưa vừa qua giúp cho những hàng lau sậy nơi bờ cao phía bên này sông thêm xanh tươi. Từng đàn trâu đang mãi gặm cỏ ở bãi sông phía bên kia. Xa hơn, ven theo chân núi, thấp thoáng sau các hàng tre, mít xanh um, từng cụm nhà sàn của đồng bào dân tộc trông thật gọn ghẽ.

Lấp đã lên bờ, thay quần áo xong giục:

— Về thôi, chắc anh Năm đã về đấy!

Anh Năm từ là đồng chí chỉ huy trưởng huyện đội Ba Tơ. Xế chiều hôm qua, tôi ghé huyện đội và đã gặp Lấp ở đó. Anh Năm đi công tác nghe nói sáng nay mới về. Chính Lấp đã nhận ra tôi ngay từ lúc đầu.

— Anh Thịnh, anh Thịnh!

Tiếng gọi lơ lơ với nụ cười trắng lóa trên gương mặt đen sạm quen quen. Tôi quay lại và chỉ hơi ngợ một chút rồi vỗ mạnh vào vai Lấp:

— Nhớ rồi! Anh nhớ rồi, Lấp phỏng?

Lấp cười thật hồn nhiên. Năm tôi ra Bắc, Lấp mới 17 tuổi, người hơi ốm, đôi giò lỏng không, sinh hoạt trong đội du kích xã Ba Sơn. Nay thì Lấp cao lớn rõ ra, khỏe mạnh, rắn rỏi. Tôi nói một câu hơi thừa:

— Em khác trước nhiều!

Lấp vui vẻ hẳn, cười luôn miệng:

— Lâu quá rồi! Tưởng anh không về đây nữa chứ.

— Ủ, lâu thật! Gần bảy năm rồi còn gì!

Đôi lông mày tôi hình như muốn nhíu lại. Đầu tháng 5 năm 1972, đơn vị của tôi và Rua chuyển đến Ba Tơ tăng cường cho hoạt động của ta ở khu vực này. Được trở lại vùng đất quen thuộc, chúng tôi thích quá, nhưng sau đó không lâu thì tôi bị thương trong trận phục kích địch gần Già Vụt. Vết thương không nặng lắm nhưng có ảnh hưởng không tốt đến tình trạng sức khỏe. Giữa tháng tám tôi được cấp trên cho ra miền Bắc điều dưỡng. Hai tháng sau, tôi được tin quê hương mình giải phóng. Thư của Rua gửi ra có nói sơ về trận giải phóng này. Vậy mà lần đầu vì sức khỏe và công tác, hôm nay tôi mới về thăm được.

Tôi hỏi Lấp:

— Em đã có gia đình chưa?

Lấp lắc đầu, cười không được tự nhiên lắm.

Một lát sau, Lấp bảo:

— À, sáng sớm, em sẽ dẫn anh về quê em thăm chơi, Xã Ba Vinh đó, đồng ý chứ?

Tất nhiên là tôi đồng ý. Sáng nay thì Lấp rủ tôi đi thăm sông...

Tôi vắt ráo nước mấy cái áo quần vừa giặt xong, dùng giấy sạch gói lại, theo Lấp men theo con đường mòn nhỏ hai bên dãy những tranh săng và cỏ dại. Đám gà giò đang lúc rúc kiếm mồi dưới lòng hố ven lối đi. Nơi mé hố, lùm chuối mọc tàu lá tỏa rộng, dáng thật bu bẫm.

Chúng tôi bước chậm và dừng lại chỗ bảng xây bên đường đi, phía trước hiệu sách nhân dân huyện. Tấm bảng xây hình chữ nhật khá lớn, quét vôi trắng; một bên ghi quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khoanh vùng và bảo vệ khu di tích lịch sử núi Cao Muôn, bên kia là sơ đồ của khu di tích ấy. Tôi chú ý đến con số sau nghìn héc ta là diện tích của toàn khu di tích cùng với mấy cái tên quen thuộc: Sông Liêng, Suối Nước Lá, núi Y Nhom... Cao Muôn là dãy núi cao nhất huyện, dãy núi đã đi vào trang sử cách mạng cùng niềm tự hào của người dân địa phương cũng như người dân trong cả nước. Một ngọn gió thổi tạt qua kéo giạt theo nhiều lớp bụi mỏng, lo lắng rồi rập xuống những bãi cỏ hai bên đường. Gió lại im tiếng nổ rờ rờ đều đều từ nhà máy cửa gỗ vọng lại như rờ hơn. Lấp đứng ở mé đất cao, đưa tay phải chỉ và nói:

— Anh nhớ hết chưa? Ủy ban này, khu nhà mới vừa xây xong ở phía trên Ủy ban là của huyện ủy, khu đất đó trước là trụ sở quận của tụi nó mà. Sau Ủy ban là khu nhà trẻ, bệnh viện. Còn dãy gần đường đi này thì dễ thôi: bưu điện khu thương nghiệp, cửa hàng ăn uống, hiệu thuốc... Ở, dãy nhà ngói dằng kia gần sân bay của tụi Mỹ, là trường cấp một và hai của xã, trong đó một đôi nữa là hồ chứa nước Tôn Dạng đang làm.

— Nghe nói sẽ có một trạm thủy điện nhỏ ở đây nữa phải không? Tôi hỏi.

— Ô, em cũng nghe nói thế. Điện sẽ cung cấp cho khu vực này, cả dưới chỗ của huyện đội nữa.

Lấp đưa tay gãi nhẹ lên tóc, nói tiếp:

— Anh thấy có khác nhiều không?

Tôi nhìn lướt qua cảnh vật chung quanh. Núi và núi gần xa nhấp nhô màu xanh đậm, mờ. Một vài tầng mây trắng xốp bay la sa nơi lưng chừng dãy Cao Muôn. Thung lũng Ba Tư bây giờ trông có vẻ gọn gàng, quang đãng. Màu đỏ tươi của những mái ngói, màu trắng xóa của tường vôi, màu xanh rục của các bãi tranh sậy lau sậy ven sông... Tất cả của đã gợi cho trí óc tôi nghĩ về một cái gì vui vẻ, vững chãi. Trưa hôm qua, khi chiếc xe đồ tạc leo và chạy chầm chầm qua đỉnh dốc Mốc, đưa mắt nhìn về phía tây, nhìn con sông lở chỗ những phiến đá mốc thối, nhìn những cụm nhà ngói san sát trong ánh nắng chạng chạng, tôi đã có cái cảm nghĩ ấy. Gần bảy năm xa cách nay trở về, đúng là một bộ mặt của quê hương mình đã có nhiều đổi mới.

Ngày trước, những lần đi tiếp vận lương thực, tôi và Rua cũng hay dừng ở các dốc cao, ngồi thở và nhìn xuống thung lũng, nhìn đôn bốt thặng địch với lớp lớp kềm gai giăng, những lỗ châu mai đen ngòm, mà nói say sưa về một ngày quê hương được giải phóng. Một lần, khoảng hơn chín giờ đêm, chúng tôi đứng lại và tựa lưng vào một vách đá lớn cách đỉnh dốc Mốc non nửa cây số về hướng bắc. Bầu trời như thấp xuống, lờn ngòm những đàn mây xám xịt. Pháo sáng của lui địch rải màu vàng hệt thỉnh thoảng soi rõ những vết núi đen nhẵn. Khúc sông Ba Tư như một đường phẩy lượn kẻ nguyệt ngoác trên hàng đen. Rua rút khăn tay lau mồ hôi nói:

— Các anh lớn tuổi báo hai bên đường chính chạy đến bến sông, ngày trước đầy những cây gòn, mùa trái sai thông, giờ chỉ còn lưa thưa mấy cây. Một ngày nào đó giải phóng rồi, mình sẽ đi dạo mát trên quảng đường ấy, 9, 10 giờ đêm vẫn còn điện thắp sáng choang, thích lắm!

Hình như đó là những lần gần bó sau cùng giữa hai chúng tôi. Sau đấy, tôi phải xa quê hương còn đơn vị của Rua thì đã tham dự bao nhiêu là trận đánh nữa. Bây giờ, tôi về đây, Rua thì chắc là đang ghi chặt tay súng ở một nơi nào đó thuộc biên giới phía Bắc.

Lúc đi ngang trước cổng trường Đảng, tôi nhìn mấy cây mít to, tán tròn, lá xanh đậm, trông từng hàng.

Đi quanh đây, không thể không để ý đến các hố bom. Có đến hàng trăm hố bom rải rác trên những bãi đất còn lại, mỗi hố bom như thể một cái ao vừa hoặc nhỏ. Lấp còn cho biết là các công trình xây cất ở đây đều đã san lấp hàng chục, hàng trăm hố bom như vậy.

Cỏ dại đã mọc phủ miệng hố, thời gian đã làm mòn dịu đi những lỗ lồi của quả khứ, nhưng... Tôi nghĩ đến trận đánh ác liệt để giải phóng Ba Tơ năm 1972, nghĩ tới muôn ngàn hy sinh của họ bội và đồng bào ta để giành được thắng lợi đó. Tôi lại nghĩ đến bao bom đạn của bọn Mỹ đã ném xuống thung lũng nhỏ này cũng như cả núi rừng Ba Tơ; nghĩ đến số lượng bom đạn mà tên đế quốc đầu sỏ kỹ đã đổ xuống trên khắp đất nước ta hòng bắt dân ta phải khuất phục...

Anh Năm, chỉ huy trưởng huyện đội Ba Tơ có dáng người tầm thước, hơi ốm, nước da đen sạm, khuôn mặt xương xương với cái miệng hay cười và đôi mắt sáng, sắc sảo. Anh tiếp tôi tại nơi làm việc. Căn phòng gỗ lợp tranh sáng, chính giữa kê hai chiếc bàn dài khít

như làm chỗ tiếp khách, làm việc. Một cái máy thu thanh bán dẫn hiện Nu-xi-ô-nan loại vừa để trên bàn gần bình nước trà và mấy cái ly. Phía trong cùng, sát vách, là một cái bàn nhỏ kê cao đặt tấm ảnh Bác Hồ dựa vào là cờ nước, hai bên là mấy cái băng khen, giấy khen lồng trong khung kính. Gần cánh cửa mở ra vào phía bên trái, năm sáu quả bí đao khá lớn, chất thành đống. Chúng tôi ngồi đối diện nhau. Anh Năm chỉ tay vào đống bí đao, giới thiệu:

— Bí của anh em ở đây sản xuất đấy, nhiều nữa nhưng ấu đã gần hết.

Tôi hỏi thăm sức khỏe các đồng chí trong ban chỉ huy cùng anh em trong huyện đội, hỏi thăm tình hình huyện đội hiện nay cùng khu đất mới được khai hoang của huyện đội mà Lập đã cho tôi biết. Tôi cũng hỏi qua tình hình an ninh của huyện trong mấy năm gần đây, nhắc lại một vài chuyện cũ và những người quen.

— Vụ Phun-rô năm ngoái thế nào? Tôi nói:

— Không ăn nhằm gì, mình «đứt» ngay thôi. Du kích miền núi bây giờ đề cao cảnh giác lắm. Nói thật đấy, không có chủ quan đâu!

Giọng anh hơi nhỏ, nhiều chỗ nói khá nhanh và thường đi kèm nụ cười, điều đáng ghi nhận là thái độ ung dung, tự tin.

Khi tôi ngỡ ý muốn anh kể qua trận đánh giải phóng huyện năm đó, thì anh lắc đầu lia lịa:

— Ủi chà, làm sao mà nhớ hết được! Hẹn mình lúc ấy là du kích huyện và cũng chỉ theo một mũi tiến quân thôi.

— Thì kể sơ sơ vậy. Tôi nói, giọng trầm và nhu có chút nai nỉ.

— Ờ, kể sơ thì được.

Anh uống cạn ly nước, gõ nhẹ ngón tay cái lên mặt bàn, đôi mắt sáng và linh hoạt hẳn. Giọng anh nói nhỏ mà sắc:

— Tình hình của thắng địch ở đây hồi đó thì cậu biết rồi chứ? GI Hung hàng và tàn ác nhất vẫn là tại biệt kích Đá Bàn. Thắng nhiều tá Sĩ chỉ duy bảo là uống máu cọng sấm ngon hơn uống Uýt-ky Mỹ mà. Mẹ, cái bọn chỉ nghe lời nói thôi là muốn «dứt» rồi...

Cả tiếng người đi ngoài sân. Anh ngừng nói, nhìn ra rồi lại nhìn tôi, đầu gật gật:

«Nay nhé, An Lão thì mình giải phóng lâu rồi, bây giờ đến Hosi Ân, xong Hoài Ân đến Hoài Nhơn thì mình dự kiến là sẽ làm luôn Ba Tư. Khi thế mùa hè năm ấy lên như gió, thắng địch cũng núng. Nhưng chắc là có sự trục trặc sao đó nên phải hoãn, đến 15 tháng 9 mới khởi sự nữa».

Dạo ấy nước sông Ba Tư dâng cao chảy ầm ập. Đánh thắng địch ở chỗ trũng này mình cho là không khó đâu. Cái kiên đánh cũng cũ thôi: bít đường từ đồng bằng lên, chặn ngã trên Già Vut xuống, bao vây, các mũi cứ êm dần vào rồi dứt điểm. Cái khó là phải đánh cho tan viện binh của nó. Đường bộ thì mình không ngại. Gồm nhất là pháo và máy bay. Bọn Mỹ thì thiếu gì những thứ ấy! Mà trận đó mình không có pháo lớn, không có tăng nên bọn nó mới làm dữ chứ!

Tôi vờ vờ hai ngón tay trên miệng ly nước, chăm chú nghe. Giọng anh trở nên hào hứng, anh vừa chỉ tay, vừa nói:

«Pháo của tụi nó từ bên chợ Chùa bắn qua, từ dưới Đúc Phở bắn chéo lên. Máy bay thì khỏi nói. Trục thẳng chỗ viện, bắn rốc két như bọ rống, khu trục, phản lực dội bom cả ngày đêm. Còn B.52 nữa, chỉ lách riêng

B.52 thối, mỗi ngày ít nhất cũng là 4 lượt rở bom. Viên binh của nó trước sau lách ra là gặp mấy lần quân nó có tại đây. Tại biệt động 11, tại su 2 ở Quảng Ngãi, chớ lên rồi khắp mấy ngọn tháp trong dãy Cao Miên này. Ý đồ của tụi nó là dùng bom đánh giật mình ra, dùng viên binh để phá vỡ các mối liên lạc của mình, nhưng sau thấy vòng vây mình cứ ngày một siết chặt lại thì nó đâm liều, nó thả bom thì xác! Ôi, phải nói là bằng Mỹ nhiều bom đạn thật!

Anh mỉm cười, vói tay bung ly nước trà nóng từng ngụm nhỏ.

Anh lại nhìn tôi, đôi mắt đắm chiều.

Tôi xoa tay đuổi cơn rười rờ lặng vắng gần ly nước, nói

- Hình như Rùa có cho biết là năm đó anh bị thương...

- Đúng đấy, đầu anh Năm gặt gặt - mình bị thương nơi bắp đùi, một miếng bom, cũng nhỏ thôi. Mình nhớ là đã qua giữa tháng mười, chiến dịch mở ra hơn một tháng rồi mà hai cánh quân phía bắc và đông bắc vẫn còn chậm lằm. Chỉ có mũi đông nam từ hướng Ba Động Ba Trang đánh lên là lam ầu bão đấm. Mấy khẩu cao xạ trong các hốc đá ở miệt kỳ bố trí rất khéo mà nhắm đạn lại chính xác, thẳng địch cũng-gom luôn, rừng núi mình mỏng nên B.52 chẳng ăn thua gì.

Trời hết mưa dầm rồi nắng, nhưng nước sông Ba Tư thì cứ tràn trề, ven bờ những chỗ có mấy tảng đá chắn nước xoay vòng chảy reo reo, ùng ùc. Ba bên địa điểm tập kết của bộ đội mình bên kia sông liên tiếp bị máy bay địch phát hiện. Bằng bất cứ giá nào, phải «đốt» cho gọn mấy cái lô cốt an ngũ mạn bắc quân của tụi nó, mình nghĩ ban chỉ huy chắc cũng đang dự kiến điều đó. Làm chủ được mảng đất ấy mình sẽ đánh thốc

vào sườn phía sau quân, phối hợp với cánh đồng nam, phải « dút » thắng quân trước thì mới hoàn toàn không chế bọn biệt kích Đá Bàn.

Trung đội du kích của mình có nhiệm vụ yểm trợ cho hai mũi tiến công. Lần ấy không xong thì chiến dịch sẽ còn lâu nữa chứ không chỉ 42 ngày đêm thôi đâu. Mình lập trung quân đã nhanh, táo bạo mà cũng thật gọn gàng, thắng địch chắc không ngờ là mình dám đánh một cách gần như liều lĩnh ấy. Bắt đầu khoảng mười giờ đêm và sau hơn hai tiếng đồng hồ súng nổ giòn giã trận đánh đã kết thúc với thắng lợi nhanh hơn là mình nghĩ. Trận ấy có tính chất quyết định cho giai đoạn cuối của chiến dịch. Mình nhớ là chuyển đồ cuối cùng chở thương binh qua sông, thì trời hừng hửng sáng, máy bay bọn nó ào tới, khu trục rồi phản lực. Chúng nó đảo lộn và bắt đầu thả bom, bỏ thì xác. Một quả, hai quả rơi gần mé sông, một tiếng nổ ình tai, cây cối đất đá như chao đảo, hình như miếng bom cũng với những mảnh đất đá đã tung vào chỗ công sự mình một lượt... Lúc đầu mình chỉ thấy nhưng nhức ở đùi, sau mới biết là bị thương...

— Vậy là từ đó về sau... tôi hỏi, hơi ngập ngừng.

— Phải nghỉ thôi, cũng ưỡng, đương lúc « ngon » mà mình không có zắt cũng ưỡng! Chừng hơn một tuần sau thì xong chứ mấy!

— Như thế là trước sau tất cả là bốn mươi ngày...?

— Ở, bốn mươi hai ngày, cũng ác liệt thật. Mà hỏi Điện Biên Phủ mình đánh trước sau là bao lâu hè? Anh Năm hỏi và nhìn tôi.

— Hình như là năm mươi lăm ngày đấy!

Tôi đáp và vụt nhớ đến một đoạn bút ký đã đọc. Bà V bút ký nói về chiến dịch Điện Biên Phủ, bọn sẽ

quan Pháp bị ta bắt đã hỏi, có phải trước khi ra trận, ta đã cho các chiến sĩ uống rượu mạnh không? Với trận giải phóng Ba Tơ 1972 này, chắc là bọn Mỹ cũng đã điên đầu với câu hỏi, tại sao bom đạn đổ xuống như thế mà «Việt Cộng» vẫn cứ thắng.

Sáng hôm sau, Lấp và tôi đi về xã Ba Vinh, quê của Lấp. Chiếc xe đạp Lấp mượn mang theo dùng để... dắt đi nhiều hơn là để cỡi và đèo.

Con đường rẽ từ suối Loa trở đi làm đoạn khác hẳn trước khiến tôi cứ ngỡ ngàng. Nhiều ngôi nhà mới cất, những hàng rào làm bằng thân cây mì vừa mới nhú lá xanh nõn. Những cây mít cao, trái xây quanh gốc. Chúng tôi xắn quần lội qua sông Liêng ở chỗ nước cạn lấp loáng ánh mặt trời, hai ba con cá con bơi tung tăng. Sừng núi tan dần để lộ ra cái dáng đứng sừng sững nghìn đời của đỉnh Cao Muôn quen thuộc. Đứng là phải đi qua bên này mới thấy hết cái chót vót hùng vĩ của ngọn núi lịch sử ấy.

Trời trong xanh loáng thoáng những vạt mây trắng lộp. Nắng đã bắt đầu đổ cái nóng chói chang xuống núi rừng, ánh vàng lên nơi các vòm cây xanh đậm. Từ các ngôi nhà sàn nép mình dưới những tàng cây cao ven chân núi, ba bốn ngọn khói xám bốc chầm chầm như chờ gió: Chúng tôi dừng lại dưới chân một cái dốc đất đỏ lồi lõm nhiều vết xe tải, những lùm cây cao rủ bóng mát xuống vệ đường, gần đây có mấy phiến đá nhẵn và sạch. Tiếng chim rừng «bắt cô trời cợt» cứ tưng chập lại giông lên, nghe vui vui. Chúng tôi cùng ngồi trên một phiến đá lớn. Tôi hỏi Lấp, giọng thân mật:

— Em chưa tính chuyện vợ con à?

Lấp cười, bẽn lẽn:

— Cũng muốn làm chó! Nhưng cứ nghĩ đến con Xứng là em thấy sao sao ấy. Tội em...

Lớp ngáp ngừng, với tay bắt một lá kén non. Tội nhia Lấp. Chuyện của Lấp, anh Năm ở huyện đội đã có nói sơ, bây giờ thì tôi muốn nghe rõ hơn. Lấp kể giọng thú thú:

— Con Xứng nhỏ hơn em hai tuổi, các anh lớn bảo thế, năm ấy nó 13 tuổi. Đến bây giờ em cũng còn rợn người mỗi khi nhớ lại cái vụ đó. Sao bọn nó ác thế, cái lọn biệt kích ấy mà! Về sau, sửa hoạt trong đội du kích xã, dần dần em hiểu là năm ấy cơ sở của mình đang phát triển xuống vùng em. Anh Năm đấy cùng với hai ba đồng chí nữa đi đi về về, bọn nó đánh hơi được. Thế là trực thăng nó mang bọn biệt kích ấy, xuống cũng may là anh Năm và các đồng chí vừa đi, đi lúc khuya thì mở sáng bọn chó dữ ấy mới ủa đến cả buôn đều lên rẫy, em và con Xứng thì đi chặt củi.

Đứng ở mồm đá cao, tụi em nhìn thấy chiếc trực thăng như con sâu to, nó sà xuống, quạt cùn ào ào. Biết là chuyện dữ tụi em hú, gọi nhưng chỉ có một số người nghe thôi, họ chạy tạt vô rừng, vô các hốc đá, còn lại thì bị bọn nó bao vây rồi đi súng lửa xuống chỗ đất trống. Tụi em men theo những bụi cây lẩn xuống nhưng không dám đến gần. Bọn nó lố nhố, quần áo rằn ri, sọc sọc như bầy thú dữ. Hai tay con Xứng cứ nắm chặt cánh tay em. Một tiếng súng nổ, nhiều tiếng hét. Hàng loạt tiếng súng nổ, con Xứng muốn ré lên, em phải vội bụm chặt lấy miệng nó:

— Cẩn răng, cẩn răng lại! Ré lên là chết.

Hai bàn tay nó cào cấu xướt cả cánh tay em... Sao tụi nó ác thế, bọn biệt kích ấy mà. Cái gì nó cũng bắn,

cũng giết, người, con gà, con heo, bằng chuỗi, trái
dưa. Lần ấy năm sáu gia đình với mười mấy mạng
người bị giết chỉ có em và con Xứng sống sót thôi, dù
kích xã phải cho tại em theo. Tại em tập ném lựu đạn,
tập bắn súng. Máy ảnh còn dạy là thằng biệt kích cũng
chỉ là tay sai của Đế quốc Mỹ, Đế quốc đế quốc nó muốn
đổ hộ mình; cũng như thằng Pháp trước kia. Muốn
sống yên ổn làm ăn thì mình phải đánh nó thôi, cách mạng
mình đánh nó cũng như mình đã đánh thằng Pháp.
Mấy anh còn nói ở Ba Tơ, mình đánh thằng Pháp rất
sớm, người cách mạng khởi nghĩa đánh nó, đồng bào
ở đây theo đồng lắm.

Những lần đi liên lạc, tiếp tế, em dọn dần, cứ nghĩ
tới những người bị học nó giết là em dọn lên không
còn như nhất nữa. Con Xứng cũng vậy, nó cũng nói
với em như thế. Tại em thương nhau. Lấp lại với tay
bứt một lá kén non nữa - công tác công tổi, mấy anh
thương lắm. Ô, mà con Xứng còn biết hát nữa, giọng
nó trong và cao, nó hát được các bài hát mới nghe
thiệt hay, em nhớ mãi giọng hát của nó. Tại em thói
khí nào mình đánh thắng bọn nó, sai bọn biệt kích ấy
mà, thì mới cười nhau. Năm 1972 ấy, mình đánh giải
phóng huyện, cụm biệt kích Đa Bàn mình cũng đánh
tan nhưng Xứng không còn...» Lấp ngừng nói, đưa
mắt nhìn tôi, hai tay vẫn cứ bứt nhỏ cái lá kén non.
Gió lại thổi lạt rạt qua vòm lá. Chúng tôi cùng đứng
đây. Bây giờ thì có thêm tiếng chim ở bờ rề tồ. tồ
tồ...» điềm từng hồi. Tôi bước chậm, vịn tay vào yên
xe đạp, nghe tiếng lộp xe rền rẹt đều đều trên đường
vắng. Tôi sẽ nói gì với Lấp? an ủi chẳng? có lẽ không
cần thiết. Quả hương đã nói với Lấp quá đủ rồi. Kể
đều đã cướp đi cha mẹ và cả người yêu, nhưng cũng

chính từ nỗi đau khổ lụt: cùng ấy, Lấp đã trưởng thành, vfrag chãi như một cây rừng tốt. Gần mười giờ trưa thì chúng tôi đến nơi.

Tùng cựa trể em, dân bà vai điệu con, tay cầm chai và can nhựa nhỏ đang xúm xít chờ mua dầu thắp trước cửa hàng thương nghiệp xã. Chúng tôi leo lên mấy bậc đá và đi vào trụ sở. Mai đồng chỉ du kích đang ngồi xếp bằng trên tấm sàng tre có trái chiếu đã cũ, bên cạnh là ấm nước và ba cái chén nhựa. Hai khẩu súng các bin để sát vách gần đấy. Lấp gọt đầu chèo, nhìn quanh quanh rồi dẫn tôi ra trường học.

Ngôi trường cấp một xây gạch lợp ngói gồm năm phòng học khung trảng nằm trên một khoảng gò gần đường đi cách trụ sở xã vài trăm mét về hướng nam. Chung quanh, những mảng rừng thưa cây lúp xúp kéo dài đến tận chân núi một màu xanh. Tường trắng, mái đỏ của ngôi trường nổi bật lên dưới nắng trưa rõ rữ. Nhiều tiếng thước đập lên bàn, tiếng học sinh đọc đồng thanh vang lên ở các lớp. Tôi hỏi Lấp:

— Trường này xây từ năm nào?

Lấp đáp nhanh nhẩu:

— Mời xây xong năm ngoái. Nghe đâu như của cái gì quốc tế giúp mình xây, họ tính lợp tôn nhưng xã ở đây đã đổi tôn lợp ngói.

Một anh giáo viên còn trẻ, dáng người ốm, mang kính cận, hay cười, vốn là chỗ quen biết với Lấp. Anh chào chúng tôi, bắt tay từng người, nhìn mặt trời, bảo chúng tôi ở lại chơi và ăn cơm. Anh cười, lễ lễ:

— Đảng ủy, Ủy ban, mấy ông đi lo chuyện bầu cử hết, có cơm nhưng mà ăn với muối ớt thôi. Ở đây còn có

ít nước mắm, muối thì tự mình chế biến và đem nướng, tuyết lấm! Đồng ý hỉ.

Chúng tôi yên lặng tỏ vẻ đồng ý. Tôi bước xuống, mé hiên cạnh một cái hồ nhỏ xây bằng xi măng, chắc trước dùng để chứa nước trộn vữa. Xa xa, dọc hai bên con suối chảy cong cong là những mảng ruộng hẹp. Người và trâu bò đang mải mải làm việc. Tiếng ồn ào trong lớp học lúc này giờ đã im, anh giáo viên chỉ đàm học sinh lèo tèo hơn mười em, nói như giải thích:

— Quãng này là ngày mùa, học sinh xin nghỉ để ra đồng, xong rồi mới đến lớp.

Lấp cho biết anh giáo viên này là người huyện Mộ Đức, năm mới đến đây lúc nào cũng « tuyên bố » là nhất định sẽ xin đổi về, nay thì đã quen rồi, hết kêu ca. Ai cò nhắc lại chuyện ấy thì anh cười cười, chớng chể:

— Dạy ở đây cũng có cái vui vui.

Cơm trưa xong, tôi nghe tiếng máy chạy xinh xinh phía ngoài trụ sở xã. Hơi ngạc nhiên, tôi hỏi Lấp:

— Máy gì chạy đó?

Lấp cười:

— Lâu quá mới về thăm thành thứ « lạc hậu » rồi ông anh ơi! Máy xay gạo đấy, xã mua hồi giữa năm ngoái, tiền của đồng bào góp lại. Ở trên Ba Điền cũng vừa mới mua được một cái.

Tôi dùng hai cuốn sách lót thêm dưới lăm dù làm gối, nằm ngửa dưới bóng hai chân, tay phẩy phẩy chiếc quạt bằng lá, nghĩ đến những đổi mới hiện có và sẽ có trên vùng đất này. Con đường rẽ từ suối Loa lên đây đã được sửa sang thêm, khác trước nhiều. Rua có về thăm chắc cũng ngạc nhiên thôi. Bãi sưa bên

con sông Liêng vẫn còn nhưng mùa này trái sim chưa già, cách đây chừng 300 mét là trạm thu mua chè của tỉnh. Bãi hoa mua gần quãng lối qua suối nước lá, hoa mua đang nở thia rộ, tươi roi rói, đẹp thật! Gần bên lối là một trạm bơm cây, những cây con được đặt trong hộp nhựa sắp thành rổ, xanh lị lị... Qua lá sau ngày đất nước sạch bóng quân thù, ta có biết bao nhiêu chuyện cần phải làm và ta cũng đã làm được thời việc.

Trên đường, từ nhà ông Hải đội trưởng sản xuất số một của xã Ba Vinh trở về ngôi trường cấp một, tôi và lập đi vòng qua ngọn đồi thấp chừ không theo đường thẳng bằng qua dải ruộng hẹp như khi chiều Dưới ánh trăng sáng vắng vác, gió lầy lầy mát, chúng tôi bước thong thả. Một hồi tiếng chim bìm bịp kêu nhanh từ một lùm cây phía bên kia đường. Nhiều vũng nước đọng bóng ánh trăng bạc, rừng núi bên đèo dần dần và êm á thật.

Lập chỉ tay cho biết con đường từ buôn men theo dãy đồi, ngày trước đội du kích xã Ba Sơn thường đi và năm 1972, đoàn dân công qua buôn này cũng đi theo con đường ấy để tiếp tế, tải thương cho mặt trận.

Tôi nhớ đến gương mặt ông Hải cũng cần chuyện vừa rồi. Gương mặt ông tròn, da đen nhẵn, đôi lông mày rậm, ngắn và hăng giống như hai vết than đậm kẻ lên, đôi mắt nhỏ và rất sáng, giọng nói ở ở. Ngày trước ông là du kích xã Ba Sơn, bây giờ thì làm đội trưởng đội sản xuất số một của Ba Vinh là xã mới gồm ba xã nhỏ là Ba Gia, Ba Sơn và Ba Lưn hợp lại và cũng là xã đầu tiên của huyện Ba Tơ bắt đầu xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Lúc chúng tôi ghé vào nhà, ông đi làm chưa về.

Một lát sau, hình như có ai báo trước nên vừa vào đến nhà, ông Hai đã lên tiếng.

Thằng Lấp về thăm bà. Hay lắm! Ông bắt tay tôi, vỗ vai Lấp, đi đổi đèn và khi người nhà hung ra một rổ chuối mốc chín cắt rồi từng trái, một ấm chè với mấy cái chén đất không giũa, chúng tôi ăn chuối, uống trà, tỏ ý tiếc là hôm nay thiếu « cá võ » (cừu). Tôi hỏi chuyện đánh Mỹ và giải phóng Ba Tư năm 1972. Đôi mắt ông Hai như sáng lên, hai đầu lông mày cứ từng chớp chớp lại—ông nói về thắng Mỹ, thắng biệt kích Đa Bân, nó đi càn quét, bắn giết người dân, trâu, bò, gà vịt, máy bay nó thả chất độc lẫm chết cây rừng. Thằng con trai út của ông, tên là Hân mới 10 tuổi cũng bị máy bay Mỹ bắn chết trong lúc đang lừa con trâu tắm bên suối. Ông kể năm bộ đội về bao vây đánh thắng Mỹ, đánh thắng biệt kích để giải phóng Ba Tư, người dân sung sướng biết mấy, phần ông, ông thấy mình như trẻ hẳn lại. Ông ai ông cũng nói, hai tay vung vung:

— Phen này thì chúng nó nhất định thua! Bộ đội mình về đông lắm, bao vây hết, không chạy đi đâu được, nhất định thế! Có người thóc mắc bảo sao lâu vậy, hàng tháng rồi mà chưa xong thì ông nói:

— Lâu hả? Mình đánh lớn mà, phải lâu chứ! Nhưng « nhất định » thôi. Hồi đánh thắng Pháp cũng vậy, năm bộ đội trong này đánh trên Tây Nguyên, bộ đội ngoài Bắc đánh Điện Biên Phủ đó, không nhớ à?

Bảy năm rồi mà bây giờ nhắc lại, ông Hai vẫn còn nhớ như in những ngày rộn rịp ấy...

Tôi và Lấp lội qua suối Nước Lã, giẫm lạo xoạt trên cát khô làm một con chim trong bụi lau vội bay vụt lên. Ánh đèn vàng từ dây nhà chính của trạm ươm cây giống bên bờ suối bắt ra như rung rung. Chúng tôi đi dần qua, một cái dốc nhỏ, Lấp đưa tay chỉ về một

không gò xa tít gần châu núi, lò mề dưới ánh trăng có những cụm cây thấp đen sẫm. Lấp nói :

— Mộ của con Xứng cũng nằm ở chỗ đây, cả những người bị bọn biệt kích giết năm đó nữa. Chừng nào xã có nghĩa trang, chắc con Xứng được đem về thôi. Anh Thịnh này - Lấp quay sang tôi - Hồi đó, lúc con Xứng vừa trúng bom ấy mà, em chạy ào đến ôm nó trong vòng tay; tim nó còn đập, mắt còn mở nhưng miệng không nói được, đôi mắt ấy nó nhìn em, hình như nó muốn nói gì đấy anh Thịnh hả ?

Tôi nghe Lấp nói mà hồn chồn cả người. Trong quãng đời cầm súng chiến đấu trước đây, nhiều lần tôi đã vượt mặt cho các đồng đội hy sinh.

Tôi nói với Lấp :

— Cái phần ấy, Xứng muốn bảo là chúng ta phải sống cho xứng đáng với người đã chết.

— Cứ nghĩ đến nó là em không muốn lấy vợ nữa.

Giọng Lấp thấp và như lạc trong gió. Qua khỏi dốc, Lấp giục tôi đi nhanh, về trường còn nấu cơm ăn. Lấp giờ cao bó rau muống và rau má đã xin được khi chiều. Bữa cơm chắt chắt là được cái tiện vì vốc rau này sẽ nấu đủ nồi canh và chúng tôi lại mua được của đồng bào mấy quả trứng vịt.

Lúc đang vo gạo thì tôi chợt nhớ đến Rùa, nhớ đến những dòng thư của Rùa đã viết cho tôi. Lấp đã nhen bếp lửa cháy, bỏ thêm củi vào. Tôi bắc nồi gạo lên bếp nhìn ngọn lửa cháy rục rục đỏ chóa rồi đi ra chỗ nong cao, Đỉnh Cao Muốn đen sẫm, sừng sừng trong tầm mắt. Hình như ở phần đầu cuốn hồi ký « Từ núi rừng Ba Tơ » có vi đỉnh cao của dãy núi ấy với niềm tự hào của người dân Ba Tơ bất khuất.

Ba Tơ, tháng 5/1979. Qui Nhơn tháng 12/1979

XÃ MỚI VEN SÔNG

Chảy qua những vùng hẹp, hai bên là gò nong hoặc đồi núi nhấp nhô, con sông Liêng có vẻ lăm lăm, xa lạ, nhưng khi các vạt núi hai bên bờ lùi dần nhường chỗ cho những khoảng đất khá rộng và ít nhiều bằng phẳng thì con sông như chậm lại, dịu dàng và quen thuộc. Bốn mùa quanh năm, chỉ trừ những ngày cái lạnh kéo dài, còn thì hầu như ngày nào đàn ông, đàn bà và trẻ con ở các làng Con Há, Đông Tin, Đông Vào, Nước Don bên này hay bên kia bờ, cũng đều xuống các bến nước để tắm rửa, giặt giũ sau một buổi trưa lửa hay phát rẫy mệt nhọc. Vào những buổi trưa nắng gắt đến chói chang hoặc những buổi chiều gió nhẹ, mặt trời đang nhích dần về hướng tây núp sau một cụm mây xám, người ta còn thấy nhiều người đàn bà và trẻ con thường tha thân ở mấy khoảng đất trống ven sông để bắt con cua, cái ốc, hái rau má. Nhưng trước sau họ có nghe thấy gì không? Họ có ý nghĩ như và Cơ không? Trong cái âm thanh quen thuộc của dòng sông lúc ri rào khoan nhặt, lúc ồ ạt hối hả, cùng với tiếng gió, tiếng chim, tiếng côn trùng ri rả thâu đêm, và Cơ nghe như có tiếng gọi mình. Dòng sông như muốn nói gì với và, với cái lớp người cùng tuổi và mà cuộc sống cứ kéo

dài những năm tháng thiếu thốn, trơ trọi nơi chốn núi cao xa lữ này?

Ngay từ lúc mới mười hai, mười ba tuổi, hồi đang đánh thắng Pháp, đi theo các anh du kích xã và các đồng chí bộ đội trồng những cây mít dọc hai bên bờ sông, và Cơ đã mơ hồ nhận ra tiếng gọi ấy. Lớn lên dần, cái câu hỏi về tiếng gọi của con sông kia cứ lớn vồn quanh đầu óc và như một nỗi ám ảnh. Dòng sông nó muốn chuyện trò gì với mình? Nó muốn kêu gọi mình đi đánh quân cướp nước à? Thì biết bao người thanh niên Hre ở Ba Bịch này, ở Ba Tô, Ba Xa, ở khắp núi rừng Ba Tô này đã lên đường đi làm bộ đội cụ Hồ, rồi còn bao nhiêu người nữa, trẻ hơn cơ, lớn tuổi hơn cũng có, đã đi làm dân công, làm du kích giữ buôn làng không cho thắng Tây và thắng Việt gian đến cướp phá. Những cây mít trồng dọc đó thật mau lớn nhưng chưa kịp có trái thì cán bộ và bộ đội cụ Hồ đã đi tập kết ra Bắc. Thắng Mỹ Diệm lại đến đất Ba Tô, súng đạn của bọn biệt kích Đa Bàn đã năm lần mười lượt bắn phá núi rừng này, bắn phá cả những cây mít đang độ xanh tươi ấy. Nhưng bọn nó làm sao bắn phá cho hết được cây rừng, mà người dân Ba Bịch cũng không phải chỉ biết khoanh tay đứng nhìn. Và Cơ cùng với nhiều anh em nữa, ở Con Rá có, ở Đồng Vào có, ở Nước Đon, Đồng Tin cũng đều có, đồng người lập hợp lại lập đội du kích xã hán núi hám dân để đánh thắng Mỹ Diệm. Rồi và được kết nạp vào Đảng, được cử làm bí thư xã, công việc càng thêm bề bộn, tất bật cả ngày, cả tuần, nhiều lúc quên cả đói. Bù lại, bên cạnh và lúc nào cũng có nhiều anh em gọi nhau là đồng chí, cùng làm việc, cùng lo lắng cái chung. Lớp trai trẻ như và ngày nào thì hững say đắm, giao lưu, tiếp tế,

lấy tin tức, vận chuyển lương thực hay sống đàng... việc gì và và các đồng chí ở xã đề ra, bọn trẻ cũng làm được. Những ngày ấy thật sôi nổi, rộn rã, nhất là thời gian có lệnh trên và chuẩn bị để giải phóng Ita Tor. Vậy mà cái tiếng gọi của con sông tưởng đã quên đi, bất chợt lại vọng lên, có lẫn như thúc giục. Và Cơ như mỗi cái đêm cùng với mấy anh em trong club nghỉ tại một hốc đá cách bờ sông bên kia chừng một quãng đủ để nghe con cá lớn quẫy mạnh. Trời tháng mười mưa không to nhưng cứ dai dẳng mà cái lạnh thì càng về khuya càng tăng lên, lại không dám đốt lửa. Anh em danh nằm co người, thì thầm với nhau, chuyện họ dốt chuyện kia, đến lúc con gà rừng cất tiếng gáy mới chớp mắt được một chút. Hóa ra cái cảm giác nghe con sông Liêng như gọi mình, mấy anh em ở đây đều có, không phải chỉ một hai lần mà là rất nhiều lần, nhưng nó muốn gọi gì thì chưa ai nghĩ ra. Đầu tháng Pháp rồi đánh tháng Mỹ, người Itré cũng đều nghe theo lời Đảng và cũng ráng làm hết sức mình.

Cuối năm 1972, huyện Ita Tor được giải phóng. Bờ tháng Mỹ cũng thua to như tháng Pháp trước đây, phải cuốn gói. Vậy là người dân ở các làng ven con sông Liêng này đều trở về chỗ ở cũ, chặt cây rừng làm nhà, phá rừng làm rẫy, cuộc sống lại tiếp tục như trước. Cả nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhưng ở nơi núi cao này thì tiến lên làm sao? Và Cơ lại đi khắp làng Con Rá, qua Đồng Váo, Đồng Tin rồi đến Nước Đon. Những người bạn cũ gặp nhau bên chén nước trà hay bên ly rượu làm ấm bụng, câu chuyện xoay quanh công việc làm ăn, càng nói càng rối, càng nghĩ càng cảm thấy mù mờ. Mấy cái rẫy lớn bên Nước Đon đất đã cằn rồi, phải đi tìm chỗ khác. Ở Đồng Tin cũng

thế, nhiều người cứ làm thêm một mùa nữa cũng chẳng ăn thua gì, cây lúa trĩa xuống mọc lên có nột mà cây mới cũng không tốt nổi. Ở Đồng Vào thì vừa có người dân nặng, thấy mơ rả tí (1) bèo phải cũng trâu mới khỏi, nhưng lấy dân ra trên đê cũng, đánh phải cũng gà vịt, cũng tốn kém nhiều mà bệnh có hết đâu, sau cũng thì chết. Lại còn cái tỵ cầm đờ (2) nữa, suýt thì đã xảy ra ở ngay cái làng Con Rã, và Cơ cũng với mấy cán bộ xã phải đến nơi giải thích ba lần bốn lượt mới tạm yên, cũng may là chỉ mới sửa soạn thôi. Cuộc sống như thế là lìa quần như đi lạc vào rừng rậm.

Đầu năm 1977, và Cơ lên huyện dự cuộc họp hết sức quan trọng. Trở về lại xã, họp chi bộ, phổ biến chủ trương của Đảng và của nhà nước, bây giờ anh em mới vỡ lẽ ra. Ô, con sông Liêng từ bao đời rồi, nó gọi mình phải bỏ cái làng cũ ở trên núi cao ấy đi, xuống gần với nó mà lập làng mới, khai phá những khoảng đất trống khai lên bờ sông làm thành ruộng, cấy lúa. Vậy mà cái đầu mình nghĩ không ra. Bây giờ thì có Đảng nghĩ rồi, Đảng chỉ dẫn cho mình làm theo. Hôm ấy là một ngày nắng ấm, đoàn cán bộ thuộc ban định canh định cư của huyện về xã Ba Bích lần đầu tiên, lòng và Cơ cứ rộn lên, và thấy mình như đang ở tuổi thanh niên hồi chỉ huy du kích xã đánh Mỹ. Chưa bao giờ trong đời mình, và thấy con sông Liêng nó đáng yêu như thế. Và bàn với đoàn cán bộ rồi họp dân làng lại. Làng Con Rã của và phải gương mẫu đi đầu. Thắc mắc nếu

(1) rả tí: do tay, thấy ướt dúng gang tay do người bệnh, lấy theo số gang tay mà phải cũng trâu hay cũng heo, gà vịt

(2) cầm đờ: hai bên nghĩ nhau dùng thuốc độc để hại nhau nên bèo nào cũng trừ trụi sẽ giết lên kia.

lên nhiều lần: đều được giải đáp cặn kẽ, ai cũng thông suốt.

- Lấy sức ở đâu mà khai phá cho rồi những vùng đất rộng như thế?

- Giả như có ruộng rồi, tìm đâu ra cái cây cái bừa? mùa nắng như thiêu như đốt, cây lúa lấy nước đâu mà uống?

Ồ, vá Co cũng có thể giải đáp những câu hỏi như thế. Thì phải chung sức cả làng cả xã lại, gọi là làm ăn tập thể, cũng lý như mình đốn một cây rừng to, một người không làm nổi, phải chờ nhiều người cùng giúp tay vào. Cốt chuyện không có cái cây cái bừa thì cán bộ sẽ chỉ cách rồi mình làm, cứ gắng sức thì làm được thôi. Rồi mình sẽ đắp đập ngăn nước con suối, con sông, bắt nó chảy bứt nước vào ruộng của mình... Làng Con Rả thông suốt, các làng khác cũng đều thông suốt hết. Mấy làng của xã Ba Lục nhỏ mà rải rác quá, huyện cho nhập luôn với Ba Bích. Ồ, cái bừa đầu tiên cả làng cả xã ra quán đi vỡ đất làm ruộng...

Ba Bích đã dần dần đi lên như thế đấy.

Xã Ba Bích bây giờ là gồm Ba Lục và Ba Bích trước đây hợp lại, diện tích khá rộng- gần 50 cây số vuông- nhưng đất đai hầu hết là núi rừng. Con sông Liêng bắt nguồn từ miệt núi rừng An Lão hay Gia Lai Kon Tum gì đấy, lúc xuôi dòng, lúc quanh co uốn khúc như một con trăn khổng lồ bò dọc gần mười cây số từ đầu đến cuối xã. Số dân hiện nay, cả bốn thôn gồm hơn bốn trăm hộ với 1159 nhân khẩu, trong ấy có gần sáu trăm lao động chính. Cuối năm 1979, công tác định canh định cư bước đầu đã hoàn thành, mấy năm tiếp theo, nhà nước tiếp tục đầu tư cho công tác xây dựng. Năm 1981, trụ sở uỷ ban nhân dân xã, trường học gồm ba

phương lợp ngói diện tích 180 mét vuông, trạm xá cũng xây gạch lợp ngói, rộng 120 mét vuông... đã lần lượt được xây cất. Năm 82-83, các con đường từ xã đi các vùng lân cận như từ huyện lên, từ xã đi Ba Lễ, từ xã đi Ba Dung... đều được mở mang và tu bổ thêm. Rời cửa hàng, trạm truyền thanh, giếng nước công cộng, đáng chú ý nhất là hai công trình thủy lợi thuộc loại bán kiên cố, một đập xi măng tại làng Con Rả, một tại làng Đồng Vào, tưới cho khoảng hơn 80 héc ta ruộng cấy hai vụ, tổng số xi măng đầu tư vào đây gần hai chục tấn. Nước sông nước suối ở đây không còn chảy luống tuồng phung phí như trước đây nữa mà đã biết chảy theo ý của con người góp sức làm ra thêm hạt gạo. Cùng với việc hoàn thành công tác xây dựng xã mới ven sông, đồng ruộng ở đây cũng đã đi vào sinh hoạt có nề nếp theo thời vụ như miền xuôi. Với diện tích toàn xã hơn 250 héc ta, bốn năm trở lại đây, năng suất lúa bình quân trên 17 tạ một héc ta, hàng năm xã đóng góp cho nhà nước trên 20 tấn tương thực. Chi bộ xã gồm 37 đảng viên, được xem là một trong các chi bộ khá của huyện...

Sáng sớm, trong cái yên ắng của buổi bình minh ở vùng cao, cùng với tiếng nước rào rào, người ta nghe rất rõ tiếng chó sủa, tiếng gà vịt, tiếng heo óc, tiếng trâu gọi bầy, tiếng người gọi nhau ra đồng... Cuộc sống chưa phát triển đủ lắm nhưng rõ ràng là đã ổn định và từng bước đi lên.

RỪNG THÔNG BÊN ĐỒC MỐC

Đến thăm Ba Tơ vào những ngày cuối năm 1984, xe chạy chậm chậm qua đèo Mốc, không rõng gì tôi mới chú ý đến những hàng thông non xanh sẫm ven sườn đồi phía bên trái. Thông ba lá trồng được hơn hai năm đang ở độ phát triển khiến mọi người ưa nhìn. Cây cao khoảng hai mét - hai mét rưỡi, tán lá đã bắt đầu hình thành, tầng hàng, tầng hàng, thẳng mà gọn, vừa có cái dáng e ấp, ngại ngại mà lại vừa có cái vẻ dứt khoát, khỏe khoắn. Và trong tạp cảnh của bao thứ cây cỏ rừng núi chung quanh lớp lớp đến trùng điệp, những hàng thông ba lá này đã đem lại cho khách đi nhiều thoải mái trước khi xuôi dốc về huyện lỵ.

Không cần phải hỏi thăm, tôi cũng biết những người ở làm trường Ba Tơ gần đây chính là chủ nhân của cái rừng thông xanh sẫm kia.

Đứng ở đầu đèo Mốc, dễ thoải mái nhưng khó dài, làm trên đường 5A cách huyện lỵ Ba Tơ chừng hơn hai cây số về phía đông, được xem như một vựa gỗ

của vùng sông núi đã một thời thỗi bùng lên ngọn lửa cách mạng. Trong các địa danh liên quan đến cuộc khởi nghĩa ngày đó, đốc Mốc xuất hiện như một đốm sáng khiếm tön.

Bốn mươi năm sau, qua đốc Mốc... Bộ phận hành chánh và quản trị của lâm trường nằm cùng bên với rừng thông non rộng đến 27 héc ta ấy. Bên tách nước trà ấm, câu chuyện cứ râm ran với anh cán bộ phụ trách tổ chức, rồi với đồng chí phó giám đốc phụ trách kế hoạch, người Nghệ Tĩnh. Anh là một trong số cán bộ có mặt từ những ngày đầu tiên của lâm trường. Câu chuyện giữa chúng tôi cứ mở rộng thêm, kéo dài về những năm tháng đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Trồng rừng, khai thác lâm sản là làm những bài toán cộng, toán nhân từ đơn giản đến phức tạp để góp phần làm giàu cho quê hương.

Ba Tơ, cũng như hầu hết các huyện vùng cao khác, là đất của núi rừng. Trong hơn 103 nghìn héc ta diện tích tự nhiên, núi và đất rừng chiếm đến gần chín phần mười. Cho nên, sau ngày giải phóng, việc thành lập lâm trường Ba Tơ giữ nhiệm vụ trồng rừng và khai thác lâm sản ở vùng đất lịch sử này là điều tất nhiên. Chủ trương có, chính sách có, cái chính là cần những con người nông cấy với những quyết tâm mới. Thành lập vào tháng bảy năm 1977 với cái khung chỉ vền vẹn sáu người nhưng lâm trường Ba Tơ đã vượt qua tương đối nhanh giai đoạn chấp chững ban đầu để đi dần vào nề nếp, quy củ. Cuối năm 1977, số nhân viên của lâm trường

đã lên tới 40, qua năm sau là 140 và đến năm 1979, con số ấy là 220. Hiện nay, tổng số công nhân viên, kể cả biên chế và hợp đồng dài hạn là 110 người, gồm các bộ phận hành chính-quản trị, trồng rừng, khai thác lâm sản và chế biến gỗ.

Hơn 7 năm, lâm trường cũng đã có rất nhiều nỗ lực và phấn đấu trên con đường đi tới của mình. Chỉ nhìn vào mấy con số về tổng sản lượng của lâm trường trong ba năm qua, chúng ta cũng thấy được phần nào cái cố gắng đang kể ấy để góp chút của cải cho đất nước vươn lên sau bao nhiêu năm bị chiến tranh tàn phá:

— Năm 1982: 1,5 triệu.

— Năm 1983: 3,0 triệu.

— Năm 1984: 6,7 triệu.

Hãy kể thêm những thành quả của lâm trường trong năm 1984 về mặt khai thác này:

— Sắt cây: 600 tấn,

— Máy trắng: 12 tấn,

— Máy đồ: 14 tấn,

— Song đoạn: 31.200 đoạn (mỗi đoạn dài 4,2 mét, đường kính hơn 16 ly)

— Củi thóc: 4850 xít le (Mỗi xít-le tương đương với 0,6 mét khối)

— Gỗ: 650 mét khối (loại 3-5), nhiều nhất ở các xã Ba Vi, Ba Trang, Ba Xa, Ba Điền. Hiện nay lâm trường đang tập trung khai thác gỗ ở vùng dốc Cọp, Ba Điền. Làm giàu phải đi đôi với làm đẹp. Trồng rừng, nhất là trồng những rừng thông, cũng là một cách làm cho quê hương thêm phần tươi đẹp.

Trồng bạch đàn, trồng đào lộn hột tương đối đơn giản, nhưng trồng được những rừng thông thì quả thực là công phụ và khó nhọc gấp bội. Hơn hai năm qua, lâm trường Ba Tơ đã trồng được hơn 240 héc ta thông ba lá, hầu hết là ven hai bên sườn đồi dọc theo con đường chính từ Ba Thành Ba Động lên huyện lỵ. Hàng cách hàng 2 mét, cây cách cây 1,5 mét, mỗi héc ta trung bình trồng được khoảng 3300 cây, vậy thì cái số lượng 1 triệu cây thông ba lá lấy giống từ Lâm Đồng về đã và sẽ xanh tươi trên đất Ba Tơ đang dần dần trở thành hiện thực Tất nhiên, đằng sau những con số ấy là biết bao mồ hôi, biết bao tâm lực đã bỏ ra... Đất ở vùng phía đông Ba Tơ có độ cao hơn 300 mét là một thuận lợi nhưng tầng ấy thì chưa đủ. Phải lặn lội lên tỉnh bạn mua cho được hạt giống tốt, bảo quản phải chú đáo, tránh không khí quá nóng có thể ảnh hưởng đến chất nhựa nơi hạt làm hạt hư đi. Trước khi gieo, hạt được đem ủ, rửa chua, chừng năm hôm thì nảy mầm rồi đem gieo đại trà từng ròi dài. Đất để xử lý kỹ lưỡng Sau đấy, các chú thông con sẽ được cấy cẩn thận vào bầu, mỗi bầu một chú. Bầu là một học giấy nhựa chiều dài chừng 14 em, đường kính chừng 9 em, hai đầu đều rộng, trong chứa đất và phân theo tỉ lệ: một phần trăm lân, năm đến mười phần trăm là phân chuồng, còn lại là đất. Cây con vào bầu xong phải thường xuyên tưới nước ngày hai buổi, phải làm giàn để che mưa che nắng và nhất là phải chú ý đến sâu bệnh phá hoại Thường thì cây thông non hay bị nấm làm lùn đi hoặc bị róm làm cho lá khô vàng nên phải lưu tâm phun thuốc trừ sâu, mỗi tháng hai lần. Từ lúc vào bầu đến

khi được đem ra trồng, thời gian thường là bảy tới chín tháng. bảy giờ cây con đã cao được ít nhất là 25cm, nếu được chăm sóc tốt, tỷ lệ chúng sống đạt tám mươi đến chín mươi phần trăm. Một điểm cũng cần nên nhớ nữa là khi đem trồng, phải bóc giấy nhựa ra và không được làm vỡ bầu, vỡ bầu là cây con sẽ chết mà các rễ của nó đã bám vào đất thì cũng phải gắng giữ đủ, không được làm cho đứt đi, công phu, tỉ mỉ lắm lắm...

Đã gần mười giờ, mặt trời chợt hiện ra lơ mờ sau làn mây trắng đục. Chúng tôi uống thêm chén nước, rồi theo đồng chí phó giám đốc phụ trách trồng rừng người Hrê đi thăm cơ sở thứ hai của lâm trường ở phía bên kia đường cái, gồm khu chế biến gỗ, sân đá bóng, khu nhà ở của anh em công nhân, nhà trẻ, chỗ làm việc cùng nơi chứa xe của đội vận tải. Câu chuyện được nối tiếp trên đường đi, chúng tôi được biết anh vốn sinh trưởng ở đây, di bộ đội, những năm đánh Mỹ, công tác ở miền tây Quảng Nam, sau hòa bình xin chuyển ngành rồi trở về với lâm trường. Chúng tôi ghé chỗ máy cưa gỗ đang hoạt động, ghé thăm chỗ ở của vợ chồng anh công nhân trẻ, chồng người An Nam; vợ người Tuy Phước, ra ngoài này công tác đã hơn hai năm. Căn hộ là một phần của dãy nhà lập thể, mái ngói, mới vừa xây xong, đất trét tường chỉ mới rào mặt ngoài. Lúc trở ra đường cái, đồng chí phó giám đốc đi chậm lại để đợi chúng tôi rồi chỉ tay về hướng bắc, nơi có khoang đất trống khá bằng phẳng là khu vực dành để gieo hạt và ương cây con. Giọng anh chậm và rõ:

- Lúc này trời còn lạnh. Chừng giữa tháng chạp trở đi trời ấm dần là chúng tôi bắt tay vào công việc làm đất, chuẩn bị bầu để sau tết nguyên đán thì gieo hạt. Như thế thì tới khoảng đầu tháng chín âm lịch sang năm là bắt đầu trồng đợt nữa, lúc ấy là thời vụ chính của bọn tôi, công việc tất bật cả ngày...

Một chập sau, cùng với cơn gió thoảng làm lao xao những cụm lá hai bên đường, anh quay mặt về phía rừng thông non:

- Thông mới cao từng ấy chớ công sức bọn tôi bỏ vào đấy nhiều lắm...

Gieo hạt, vơm cây đã shili thì trồng cây cũng không đơn giản. Tháng hoặc mười trồng bằng tốc là phát dọn từng luống rồi trồng, về sau mới phát quang khắp diện tích, phần lớn là theo lối *trồng toàn diện*. Vùng đất được chọn để trồng phải phát dọn gọn gàng, đào hố đúng kích thước, hố phải đào trước khoảng ba bốn tháng để đất tơi, mười lăm ngày đến một tháng trước khi trồng thì lấp hố, lúc trồng mới được moi lên, trồng xong cây thông khỏi cần tưới nước nữa. Thật ra thì hai tháng trước đấy, cây con không cần tưới nước mà thời tiết lúc đem trồng là vào mùa mưa, chắc chắn là sống, cái khó tiếp theo là ở khâu bảo vệ. Phải cấm tuyệt trừn bò không cho lai vãng gần đấy. Lại còn phải phát dọn chung quanh gốc. Từ năm thứ hai trở đi, cây càng cao thì việc phát dọn ấy được giảm dần, thì giờ dư ra là để dùng vào công việc trồng điền những cây bị chết hoặc chăm sóc các cây thâm lớn. Điều đáng chú ý nữa là, cây thông ba lá trồng ở đất mới này lớn khá nhanh, sau một năm cao hơn 1,5 mét, nhanh hơn hẳn cả những cây thông ở xứ sở lâu đời của chúng là vùng Đà Lạt thì mọi người.

Gỗ thông rất đặc dụng là điều ai cũng biết, nhưng cái đáng nhấn mạnh, cái đáng trân trọng nơi cây thông chính là giá trị góp phần làm đẹp quê hương, làm đẹp cuộc sống.

Xin cảm ơn ai đây là người đầu tiên đã chọn mảnh sườn đồi bên dốc Mồe này làm một nơi để gây dựng rừng thông. Nếu chỉ là ngẫu nhiên thì đó là một ngẫu nhiên đầy lý thú. Lên Ba Tơ, qua lại cái cửa ngõ phía đông này, chúng ta sẽ nhớ về những ngày lịch sử sôi động trước kia, nhớ cái dáng chập chùng, chót vót của dãy Cao Muôn, nhớ con sông Liêng với tiếng nước chảy rào rào bất tận và chắc hẳn sẽ nhớ mãi hình ảnh của vạt rừng thông êm đềm tha thướt ấy.

Ba Tơ tháng 12-1984

Quy Nhơn tháng 3-1985

MỤC LỤC

Lời đầu sách		5
Quyết giữ trọn tâm lòng	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	7
Sức vẫy vùng	NGUYỄN CHÁNH	8
Lòng sôi nóng	PHẠM THỊ TRINH	9
Tuổi zua đi cứu nước	HUỲNH TÁU	11
Câu vật	PHẠM NGỌC TRẦN	13
Từ đứng lên	NGUYỄN QUANG MẠO	14
Cờ giải phóng	NGUYỄN HỒNG SINH	15
Từ núi rừng Ba Tơ	PHẠM KIẾT	18
Lửa ở Ba Tơ	THANH THẢO	146
Gặp cha	PHAN NGHĨA AN	148
Tổng máy cày	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	150
Về với Ba Tơ	NGUYỄN ĐĂNG VŨ	152
Ánh lửa và cửa con	ĐINH LỢI LINH	154
Đi dọc sông Liêng	NGUYỄN THANH MỪNG	156
Ngày hè trở lại Ba Tơ	HOÀI HÀ	158
Đẹp thay mảnh đất	VĂN THINH	160
Và Po Lây	ĐINH XÃNG HIỀN	162
Trở lại chiến trường xưa	ĐÀO VĂN A	174
Xã mới ven sông	HÀ VINH	191
Rừng thông bên đèo Mốc	QUANG HƯNG	197



Chịu trách nhiệm xuất bản

HỒ ĐẮC BÍCH

Biên soạn và Biên tập

HÀ GIAO — CAO VĂN CHƯ

Vẽ bìa

CAO BÁ ĐẠT

Trình bày

THANH LIÊM

Sửa bản in

CẨM TÚ

TỦ NÚI RỪNG BA TỖ

Thơ văn nhiều tác giả

In 3.000 cuốn khổ 18×19 tại xí nghiệp in Quang Trung
Nghĩa Bình. In xong tháng 3-1985. Nộp lưu chiểu tháng 3-1985.



Tìm đọc:

- BÙNG NỔ CỦA MÙA XUÂN**
tuyển thơ và trường ca
nhiều tác giả
- NHỮNG NGÔI SAO TRONG
RỪNG DỪA**
tuyển truyện và ký
nhiều tác giả

SỞ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN NGHĨA BÌNH XUẤT BẢN